BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **BỘ NGOẠI GIAO**

HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

TRẦN HUYỀN TRANG

TÁC ĐỘNG CỦA NHÂN TỐ ĐẢNG PHÁI ĐẾN CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA CHÍNH QUYỀN OBAMA

LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHUYÊN NGÀNH QUAN HỆ QUỐC TẾ

MÃ SỐ: 62 31 02 06

Hà Nội, năm 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **BỘ NGOẠI GIAO**

HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

TRẦN HUYỀN TRANG

TÁC ĐỘNG CỦA NHÂN TỐ ĐẢNG PHÁI ĐẾN CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA CHÍNH QUYỀN OBAMA

Chuyên ngành: Quan hệ quốc tế

Mã số: 62310206

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

GS.TS. Nguyễn Thái Yên Hương

Hà Nội, năm 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận án "Tác động của nhân tố đảng phái đến chính sách đối ngoại của Chính quyền Obama" là công trình nghiên cứu của tôi. Các nội dung nghiên cứu và kết quả được trình bày trong Luận án là trung thực và chưa từng được công bố.

Hà Nội, ngày tháng năm 2017.

Tác giả Luận án

Trần Huyền Trang

LỜI CẢM ƠN

Trước hết, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc nhất tới GS. TS. Nguyễn Thái Yên Hương - người đã dành nhiều tâm huyết và công sức hướng dẫn, động viên tôi trong suốt quá trình thực hiện Luận án.

Tôi xin chân thành cảm ơn những ý kiến đóng góp quý báu và có giá trị của các nhà khoa học, các thầy cô tại các buổi thảo luận ở Bộ môn và Bảo vệ cơ sở giúp tôi hoàn thiện Luận án.

Tôi cũng xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của tập thể Phòng Đào tạo sau Đại học - Học viện Ngoại giao, lãnh đạo và các đồng nghiệp tại Vụ Châu Mỹ - Bộ Ngoại giao và Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho tôi trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thành Luận án.

Cuối cùng, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành và lòng biết ơn sâu sắc tới Ba, Mẹ, Em gái, Con gái, bạn bè và họ hàng thân thiết trong gia đình, những người luôn cổ vũ, động viên, cáng đáng phần lớn công việc gia đình để tôi yên tâm theo đuổi công trình nghiên cứu của mình.

Hà Nội, ngày tháng năm 2017.

Tác giả Luận án

Trần Huyền Trang

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN

LỜI CẢM ƠN

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

MỞ ĐẦU 1

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ PHÂN TÍCH VỀ TÁC ĐỘNG CỦA NHÂN TỐ ĐẢNG PHÁI ĐẾN CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA MỸ 18

1.1. Lý luận về mối quan hệ giữa đảng phái chính trị và chính sách đối ngoại 18

1.1.1. Phân tích chính sách đối ngoại 18

1.1.2. Phân tích đảng phái chính trị 21

1.2. Mối quan hệ giữa đảng phái chính trị và chính sách đối ngoại của Mỹ 24

1.2.1. Sự ra đời, phát triển và hoạt động của đảng phái chính trị Mỹ 24

1.2.1.1. Sự ra đời và phát triển của đảng phái chính trị Mỹ 24

1.2.1.2. Hoạt động của đảng phái chính trị Mỹ 28

1.2.2. Các cơ quan quyền lực trong hệ thống hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ 30

1.2.3. Tác động của đảng phái đến các cơ quan quyền lực trong hệ thống hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ 33

1.2.3.1. Đối với Chính quyền Mỹ 34

1.2.3.2. Đối với Quốc hội Mỹ 37

1.3. Nền tảng quan điểm đối ngoại của đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa 38

1.3.1. Chủ thuyết tự do và tư tưởng đối ngoại của người Mỹ 39

1.3.2. Nền tảng quan điểm đối ngoại của đảng Dân chủ 44

1.3.3. Nền tảng quan điểm đối ngoại của đảng Cộng hòa 47

Tiểu kết 50

CHƯƠNG 2: TÁC ĐỘNG CỦA ĐẢNG DÂN CHỦ VÀ ĐẢNG CỘNG HÒA ĐẾN CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA CHÍNH QUYỀN OBAMA 53

2.1. Cơ sở phân tích.....53

2.1.1. Đường hướng đối ngoại của hai đảng.....53

2.1.1.1. Cương lĩnh tranh cử của đảng Dân chủ.....53

2.1.1.2. Cương lĩnh tranh cử của đảng Cộng hòa.....63

2.1.1.3. So sánh cương lĩnh của hai đảng.....69

2.1.2. Ảnh hưởng của hai đảng trong hệ thống hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại.....73

2.1.2.1. Ảnh hưởng của hai đảng trong Chính quyền Mỹ 73

2.1.2.2. Ảnh hưởng của hai đảng tại Quốc hội Mỹ.....77

2.2. Tác động của hai đảng đến chính sách đối ngoại của Chính quyền Obama 79

2.2.1. Tác động đến nội dung chính sách.....80

2.2.2. Tác động đến quá trình triển khai chính sách 84

2.2.3. Tác động đến kết quả triển khai chính sách.....86

2.2.3.1. Vấn đề can thiệp quân sự ở nước ngoài 86

2.2.3.2. Vấn đề xử lý các thách thức toàn cầu.....90

2.2.3.3. Vấn đề kinh tế - thương mại.....94

2.3. Nghiên cứu trường hợp cụ thể: Chiến lược Tái cân bằng tại Châu Á - Thái Bình Dương.....97

2.3.1. Tác động của nhân tố đảng phái chính trị đến nội dung chiến lược Tái cân bằng.....98

2.3.2. Tác động của nhân tố đảng phái chính trị đến quá trình triển khai chiến lược Tái cân bằng.....100

Tiểu kết.....103

CHƯƠNG 3: TÁC ĐỘNG CỦA NHÂN TỐ ĐẢNG PHÁI ĐẾN CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA MỸ GIAI ĐOẠN HẬU OBAMA 105

3.1. Đánh giá tác động của nhân tố đảng phái đến chính sách đối ngoại của Mỹ 105

3.1.1. Giai đoạn trước Chính quyền Obama 105

3.1.1.1. Trường phái tự do trung tả và chính sách đối ngoại của Chính quyền Clinton 105

3.1.1.2. Trường phái bảo thủ ôn hòa và chính sách đối ngoại của Chính quyền George H.W. Bush và Chính quyền Goerge W. Bush . 107

3.1.2. Dưới thời Chính quyền Obama 112

3.1.3. Giai đoạn hậu Obama 115

3.2. Chiều hướng chính sách đối ngoại của Mỹ giai đoạn hậu Obama . 124

3.2.1. Ảnh hưởng của các trường phái tư tưởng đối ngoại 124

3.2.2. Xu hướng chính sách đối ngoại của Chính quyền Trump 129

3.2.3. Dự báo chính sách Châu Á của Chính quyền Trump 133

3.3. Khuyến nghị chính sách cho Việt Nam 135

Tiểu kết 139

KẾT LUẬN 141

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ 147

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 148

DANH MỤC CÁC PHỤ LỤC 171

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Tiếng Anh	Tiếng Việt
ADMM	ASEAN Defense Ministers' Meeting	Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN
AMM	ASEAN Foreign Ministers' Meeting	Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao các nước ASEAN
APEC	Asia - Pacific Economic Cooperation	Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương
ARF	ASEAN Regional Forum	Diễn đàn khu vực ASEAN
ASEAN	The Association of Southeast Asian Nations	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
FTA	Free Trade Agreement	Hiệp định thương mại tự do
FTAAP	Free Trade Area of Asia Pacific	Khu vực thương mại tự do chung của Châu Á - Thái Bình Dương
E3	The U.S. - ASEAN Expanded Economic Engagement	Sáng kiến can dự và mở rộng
EU	The European Union	Liên minh Châu Âu
IMF	International Monetary Fund	Quỹ Tiền tệ Quốc tế
IS	Islamic State	Tổ chức Nhà nước Hồi giáo tự xưng
NAFTA	North America Free Trade Agreement	Hiệp định thương mại tự do Bắc Mỹ

NATO	The North Atlantic Treaty Organization	Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương
START	Strategic Arms Reduction Treaty	Hiệp ước cắt giảm vũ khí chiến lược
TPA	Trade Promotion Authority	Thẩm quyền đàm phán nhanh
TPP	Trans-Pacific Partnership	Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương
TTIP	Transatlantic Trade and Investment Partnership	Hiệp định Đối tác thương mại va đầu xuyên Đại Tây Dương
WB	World Bank	Ngân hàng Thế giới
WTO	The World Trade Organization	Tổ chức Thương mại Thế giới

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Bất kỳ ai nghiên cứu về Mỹ đều hiểu rằng Hiến pháp Mỹ ra đời nhằm xây dựng một Chính phủ liên bang mang tính đại diện và thống nhất, có chức năng và quyền hạn ở những lĩnh vực nhất định trên toàn lãnh thổ liên bang, trong đó ba cơ quan Lập pháp, Hành pháp và Tư pháp của Chính phủ liên bang hoạt động tương đối độc lập, dựa trên nguyên tắc "kiềm chế và đối trọng". Đồng thời, các nhà soạn thảo Hiến pháp Mỹ cũng chủ trương không đề cập tới đảng phái chính trị do lo ngại về sự tồn tại của các đảng phái chính trị sẽ dẫn tới tình trạng chia rẽ của hệ thống chính trị, đe dọa tới mục tiêu thành lập một Chính phủ tốt.

Trên thực tế, do nhu cầu khách quan và phù hợp với quy luật phát triển của hệ thống chính trị trong một xã hội có sự phân chia giai tầng, các đảng phái chính trị, nhóm lợi ích và nhiều loại hình tổ chức chính trị - xã hội khác cũng dần xuất hiện tại Mỹ. Mục đích của các tổ chức này là nhằm bảo vệ lợi ích của nhóm xã hội do mình đại diện thông qua những nỗ lực chủ động, không ngừng tác động vào quá trình hoạch định và triển khai chính sách của Chính phủ liên bang ở cả ba cơ quan trên những cấp độ khác nhau. Trải qua quá trình phát triển, dù có sự tồn tại của nhiều đảng phái chính trị khác nhau trong nền chính trị Mỹ ngày nay, song hai đảng Dân chủ và Cộng hòa là hai đảng chính trị hoạt động mạnh mẽ nhất và thay nhau nắm giữ các cơ quan quyền lực trong Chính phủ Mỹ. Thực tế này đã dẫn tới sự hình thành hệ thống chính trị lưỡng đảng và trở thành đặc điểm nổi bật của nền chính trị Mỹ.

Trong quá trình thực thi quyền lực của Chính phủ liên bang, chịu nhiều tác động nhất của yếu tố đảng phái chính trị là những chính sách kinh tế - xã hội trong nước, trong đó vai trò của đảng chính trị được thể hiện trong tất cả các luật lệ, kế hoạch, dự án, chương trình của các cơ quan quyền lực của

Chính phủ. Dù ít chịu tác động hơn so với chính sách đối nội, song quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ cũng chịu ảnh hưởng không nhỏ của yếu tố đảng phái chính trị.

Dấu hiệu đầu tiên cho thấy sự tác động của đảng phái chính trị tới chính sách đối ngoại của Mỹ được thể hiện rõ nét khi so sánh chính sách đối ngoại của mỗi Chính quyền Tổng thống đảng Cộng hòa với chính sách đối ngoại của Chính quyền Tổng thống đảng Dân chủ. Bên cạnh sự tiếp nối ở mức độ nhất định trong chính sách đối ngoại của mỗi Chính quyền so với Chính quyền tiền nhiệm nhằm bảo đảm lợi ích quốc gia của Mỹ, là những điểm khác biệt đặc trưng, đôi khi mang tính đối lập và thể hiện sự phủ định trong đường hướng chính sách của mỗi Chính quyền Tổng thống.

Dấu hiệu thứ hai thể hiện ảnh hưởng của các đảng phái chính trị đối với chính sách đối ngoại của Mỹ là tình trạng đấu tranh/thỏa hiệp giữa Chính quyền và Quốc hội Mỹ trên hầu hết các quyết sách lớn hay các vấn đề quốc tế quan trọng có ảnh hưởng tới lợi ích quốc gia của Mỹ. Trong đó, khi một đảng nắm giữ quyền kiểm soát cả hai cơ quan Chính quyền và Quốc hội Mỹ, việc hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Chính phủ Mỹ thường diễn ra suôn sẻ. Ngược lại, khi hai cơ quan quyền lực này nằm dưới sự kiểm soát của hai đảng Dân chủ hoặc Cộng hòa, các ưu tiên đối ngoại của Mỹ cũng trở thành những vấn đề thể hiện sự cạnh tranh quyền lực giữa hai đảng.

Trước thực tế trên, tác giả nhận thấy sự cần thiết của việc đi sâu nghiên cứu về tác động của nhân tố đảng phái đến chính sách đối ngoại của Mỹ để làm rõ những điểm bất biến và khả biến trong chính sách đối ngoại của mỗi Chính quyền Tổng thống Dân chủ và Chính quyền Tổng thống Cộng hòa. Hơn nữa, trong bối cảnh quan hệ song phương Việt - Mỹ đang ngày càng phát triển thực chất, việc đi sâu nghiên cứu tác động của nhân tố đảng phái đến chính sách đối ngoại của Mỹ nói chung và của Chính quyền Obama nói riêng

còn đóng vai trò quan trọng, giúp giới nghiên cứu và hoạch định chính sách của Việt Nam có được cái nhìn tổng thể về vai trò của đảng phái chính trị đối với chính sách đối ngoại của Mỹ. Đây chính là lý do thôi thúc tác giả lựa chọn chủ đề ***"Tác động của nhân tố đảng phái đến chính sách đối ngoại của Chính quyền Obama"*** là đề tài nghiên cứu của luận án.

2. Tình hình nghiên cứu vấn đề

Trên cơ sở xác định chủ đề nghiên cứu của luận án, tác giả đã tiến hành tìm hiểu và thu thập các tài liệu liên quan tới vấn đề dựa trên ba nhóm chính gồm: (i) Các nghiên cứu về đảng phái chính trị và đảng phái chính trị tại Mỹ; (ii) Các nghiên cứu về phân tích chính sách đối ngoại và chính sách đối ngoại của Mỹ, chính sách đối ngoại của Chính quyền Obama; (iii) Các nghiên cứu về mối quan hệ giữa đảng phái chính trị với chính sách đối ngoại Mỹ. Quá trình thu thập và tổng hợp tài liệu đã đạt những kết quả cụ thể như sau:

2.1. Những công trình nghiên cứu về đảng phái chính trị và đảng phái chính trị tại Mỹ

Mặc dù đảng phái chính trị xuất hiện từ rất sớm tại nhiều quốc gia trên thế giới, song trên lĩnh vực học thuật nói chung và chuyên ngành chính trị học nói riêng, phải tới đầu thế kỷ XX, đảng phái chính trị mới trở thành một chủ đề được các nhà nghiên cứu quan tâm xem xét với các công trình nghiên cứu đầu tiên của một số học giả phương Tây như Moisei Ostrogorski, Robert Michels hay Max Weber… Trải qua hơn một thế kỷ tồn tại và phát triển, lĩnh vực nghiên cứu về đảng phái chính trị ngày càng thu hút được sự quan tâm của giới nghiên cứu trong và ngoài nước. Trong đó, các công trình nghiên cứu về đảng phái chính trị được triển khai theo nhiều hướng tiếp cận khác nhau với cùng một mục đích nhằm xây dựng một lý thuyết tổng thể, có thể được áp dụng để luận giải về đảng phái chính trị trong các hệ thống chính trị ở những quốc gia khác nhau.

Nổi bật trong các hướng tiếp cận nghiên cứu về đảng phái chính trị là các công trình nghiên cứu dựa trên những luận điểm then chốt *chủ nghĩa Mác - Lênin*, nhìn nhận đảng phái chính trị là một tổ chức chính trị của một giai cấp, đại biểu lợi ích cho giai cấp đó, mục đích hoạt động nhằm đấu tranh giành, giữ và thực thi quyền lực nhà nước [31; tr. 124]. Trên nền tảng phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, những công trình nghiên cứu về đảng phái chính trị của các học giả Việt Nam đều tập trung phản ánh tính giai cấp của đảng phái chính trị. Trong đó, các công trình nghiên cứu độc lập về đảng phái chính trị chủ yếu tập trung giới thiệu khái lược về quá trình hình thành và hoạt động của các đảng phái chính trị như tác phẩm *Một số đảng chính trị trên thế giới* (NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001) của tác giả Ngô Đức Tính, hay giới thiệu về kinh nghiệm lãnh đạo, kinh nghiệm tranh quyền và cầm quyền, kinh nghiệm xây dựng và phát triển, kinh nghiệm điều chỉnh chiến lược và sách lược để giành chiến thắng của các đảng phái chính trị ở một số nước Châu Á, Châu Âu và Châu Mỹ như tác phẩm *Một số vấn đề về các đảng chính trị trên thế giới* (NXB. Lý luận Chính trị, Hà Nội, 2012) của tác giả Tạ Ngọc Tấn. Trong khi các công trình nghiên cứu đảng phái chính trị lồng ghép trong tổng thể nghiên cứu về hệ thống chính trị hay thể chế chính trị, chủ yếu đề cập tới sự tham gia của đảng phái chính trị vào công việc của nhà nước dưới hình thức tham gia vào quá trình bầu cử như tác phẩm *Hệ thống chính trị Anh, Pháp, Mỹ - Mô hình tổ chức và hoạt động* (NXB. Lý luận Chính trị, Hà Nội, 2007) của tác giả Nguyễn Văn Huyên.

Bên cạnh các công trình nghiên cứu về đảng phái chính trị theo cách tiếp cận của chủ nghĩa Mác - Lênin, các công trình nghiên cứu về đảng phái chính trị trên thế giới còn tìm hiểu về đảng phái chính trị thông qua việc xem xét về chức năng, cấu trúc hoặc mục tiêu và hành vi của đảng phái chính trị. Theo hướng tìm hiểu về chức năng, cấu trúc của đảng phái chính trị, một số công

trình nghiên cứu về đảng phái chính trị Mỹ có đề cập tới cơ cấu tổ chức và nền tảng cử tri, tiến trình tổ chức tranh cử và tổng tuyển cử tại Mỹ như cuốn *American Political Parties and Elections: A Very Short Introduction* (Oxford University Press, New York, 2007) của tác giả Sandy Maisel hay cuốn *American Political History: A Very Short Introduction* (Oxford University Press, New York, 2015) của tác giả Donald Critchlow. Tuy nhiên, cả hai cuốn này chưa làm bật được chức năng của đảng phái chính trị trong hệ thống chính trị Mỹ. Trên cơ sở giải thích mục tiêu và hành vi của đảng phái trong hệ thống chính trị Mỹ, các học giả đi vào phân tích về vai trò và tác động của đảng phái chính trị trong các kỳ bầu cử và trong quá trình vận hành bộ máy chính phủ Mỹ, giải thích về sự thay đổi quan điểm của các đảng phái chính trị Mỹ trên một số vấn đề chính sách trong bối cảnh xuất hiện sự chuyển dịch trong lòng xã hội Mỹ như cuốn *Why Parties - The Origin and Transformation of Political Parties in America* (University of Chicago Press, Chicago, 1995) của tác giả John, cuốn *Party Position Change in American Politics: Coalition Management* (Cambridge University Press, New York, 2009) của tác giả David Karol, cuốn *New Direction in American Political Parties* (Routledge, New York, 2010) của tác giả Jeffrey Stonecash, hay cuốn *Dynamics of American Political Parties* (Cambridge University Press, New York, 2009) của hai tác giả Mark Brewer và Jeffrey Stonecash.

2.2. Những công trình nghiên cứu về chính sách đối ngoại và chính sách đối ngoại của Mỹ

2.2.1. Về chính sách đối ngoại

Trong các nỗ lực tìm ra cách giải thích mang tính lý thuyết về chính sách đối ngoại, các học giả đã đề xuất nhiều cấp độ phân tích hay cách tiếp cận khác nhau. Nổi bật trong tập hợp các cách tiếp cận đa dạng đó là cách tiếp cận ba tầng về chính trị quốc tế của nhà khoa học chính trị người Mỹ Kenneth

Waltz, gồm: cá nhân, nhà nước và hệ thống quốc tế trong tác phẩm *Man, the State, and War* (Columbia University Press, New York, 1959); cách tiếp cận hai cấp độ quốc gia và quốc tế của Giáo sư khoa học chính trị người Mỹ J. David Singer trong tác phẩm *The International System: Theoretical Essays* (Princeton University Press, New Jersey, 1961); hay cách tiếp cận bốn tác nhân gồm quá trình hoạch định chính sách, cách thức vận hành của bộ máy công quyền, bản chất của nhà nước và sự vận hành của chính trị nội bộ cùng môi trường quốc tế của Giáo sư về các vấn đề quốc tế thuộc Đại học Columbia (Mỹ) Robert Jervis trong tác phẩm *Perception and Misperception in International Politics* (Princeton University Press, New Jersey, 1976).

Bên cạnh các công trình nghiên cứu nổi bật này, còn tồn tại nhiều cách tiếp cận với các cấp độ khác biệt trong lĩnh vực nghiên cứu về chính sách đối ngoại. Theo đó, khi đi vào nghiên cứu hai đối tượng chính như đã đề cập là quyết sách đối ngoại của một chủ thể hay quá trình hoạch định chính sách đối ngoại của chủ thể đó, các học giả có thể lựa chọn cách tiếp cận từ góc độ phân tích về các quyết sách đối ngoại hay đi theo hướng phân tích về quá trình hoạch định chính sách đối ngoại. Năm 1954, Richard Snyder đã đề cập tới việc nghiên cứu về chính sách đối ngoại cần vượt ra ngoài phạm vi chủ thể nhà nước và đặc biệt là các yếu tố liên quan tới việc ra quyết định chính sách đối ngoại trong tác phẩm *Decision making as an Approach to the Study of International Politics* (Princeton University Press, New Jersey, 1954). Tới năm 1966, James Rosenau tập trung vào nỗ lực kêu gọi khái quát hóa hành vi của các quốc gia một cách có hệ thống, khoa học và vượt ra ngoài quốc gia cùng các yếu tố xuyên quốc gia, thể hiện trong tác phẩm *Pre-Theories and Theories of Foreign Policy* (Northwestern University Press, Chicago, 1966). Nhìn chung, các học giả chủ yếu ủng hộ quan điểm cho rằng cá nhân các nhà hoạch định chính sách đối ngoại cũng như đặc điểm tính cách của các nhà

hoạch định chính sách đối ngoại là những nhân tố cốt lõi của việc tìm hiểu chính sách đối ngoại. Bên cạnh đó, các tác giả còn mong muốn thúc đẩy các nỗ lực nghiên cứu về chính sách đối ngoại không chỉ dừng ở việc tìm hiểu và đánh giá về kết quả của chính sách đối ngoại thể hiện qua hành vi của các quốc gia mà còn cần tìm hiểu cả quá trình hoạch định chính sách đối ngoại.

Tại Việt Nam, lĩnh vực nghiên cứu về chính sách đối ngoại còn tương đối mới mẻ. Khía cạnh nghiên cứu về chính sách đối ngoại thường được lồng ghép trong các công trình nghiên cứu về quan hệ quốc tế. Trong đó, nổi bật là các cuốn sách về quan hệ quốc tế, chính trị quốc tế như cuốn *Quan hệ quốc tế: Những khía cạnh lý thuyết và vấn đề* (NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006) của tác giả Hoàng Khắc Nam, cuốn *Một số vấn đề chính trị quốc tế trong giai đoạn hiện nay* (NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011) do tác giả Nguyễn Hoàng Giáp chủ biên, cuốn *Quan hệ quốc tế đại cương* (NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002) do Khoa quan hệ quốc tế , Phân viện báo chí và tuyên truyền thực hiện, cuốn Giáo trình *Quan hệ chính trị quốc tế* (NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2008) do Giáo sư - Tiến sỹ Dương Xuân Ngọc và Tiến sỹ Lưu Văn An biên soạn.

2.2.2. Về chính sách đối ngoại của Mỹ

Theo hướng phân tích về nội dung chính sách đối ngoại của Mỹ qua các giai đoạn lịch sử, các học giả đi vào lý giải về sự thay đổi các hướng chính sách từ theo đuổi học thuyết Monroe, quyết định tham gia vào hai cuộc Chiến tranh Thế giới, các nỗ lực và sự thất bại của quyết định thúc đẩy sự hình thành Hội quốc liên, các quyết sách quan trọng của Mỹ trong giai đoạn Chiến tranh Lạnh cho tới những học thuyết đối ngoại của Chính quyền George H.W. Bush, Chính quyền Bill Clinton, Chính quyền George W. Bush hay Chính quyền Barack Obama như cuốn *The Monroe Doctrine: The Cornerstone of America Foreign Policy* (Infobase Publishing, New York, 2007) của tác giả

Edward J. Renehan, cuốn *The Crisis of American Foreign Policy: Wilsonianism in the Twenty-First Century* (Princeton University Press, New Jersey, 2009) do John Ikeberry, Thomas Knock, Anne-Marie Slaughter và Tony Smith đồng tác giả, cuốn *America and the World: Conversations on the Future of American Foreign Policy* (Basic Books, New York, 2008) của hai tác giả Znigniew Brzezinski và Brent Scowcroft.

Theo hướng phân tích về quá trình hoạch định chính sách đối ngoại, các công trình nghiên cứu tập trung vào các thủ thể tham gia vào quá trình hoạch định đối ngoại trong Chính phủ Mỹ như vai trò của Tổng thống và Chính quyền Mỹ, vai trò của Quốc hội Mỹ… Theo hướng này, có thể đề cập tới cuốn *American Foreign Policy: Pattern and Process* (Thomson Wadsworth, California, 2003) do Eugene R. Wittkopf, Christopher M. Jones và Charles W. Kegley, Jr. đồng tác giả, phân tích về cấu trúc và quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ, đề cập tới các nguyên tắc, giá trị và mục tiêu xuyên suốt trong chính sách đối ngoại của Mỹ qua các thời kỳ, phân tích về vai trò của Tổng thống Mỹ, hệ thống các cơ quan Chính phủ Mỹ đối với quá trình hoạch định chính sách đối ngoại và dự báo về tương lai chính sách đối ngoại của Mỹ dưới thời Chính quyền George W. Bush. Cuốn *American Foreign Policy and Process* (Wadsworth, Boston, 2005) của tác giả James M. McCormick, trình bày về các giá trị xuyên suốt trong chính sách đối ngoại của Chính quyền Mỹ qua các giai đoạn lịch sử, phân tích về quá trình hoạch định chính sách đối ngoại của Mỹ với các chủ thể chính như Tổng thống Mỹ, Quốc hội Mỹ, các cơ quan Chính quyền tham gia vào quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ, vai trò của đảng phái chính trị, các nhóm lợi ích, truyền thông và công chúng trong quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại. Cuốn *Making American Foreign Policy* (Routledge, New York, 2006) của tác giả Ole R. Holsti, giới thiệu về

quá trình nhận thức và xây dựng niềm tin của các chủ thể tham gia vào hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ, vai trò của nhà lãnh đạo và công luận đối với chính sách đối ngoại, việc áp dụng các lý thuyết quan hệ quốc tế trong phân tích về quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ.

Tại Việt Nam, nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Mỹ cũng được nhiều học giả quan tâm, với các công trình được thực hiện công phu như cuốn *Các vấn đề nghiên cứu Hoa Kỳ* (NXB. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội 2011) do tác giả Nguyễn Thái Yên Hương và Tạ Minh Tuấn đồng chủ biên, cuốn *Hoa Kỳ - Văn hóa và chính sách đối ngoại* (NXB. Thế giới, Hà Nội, 2008) của tác giả Nguyễn Thái Yên Hương chủ biên, cuốn *Về Chiến lược an ninh của Mỹ hiện nay* (NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002) do tác giả Nguyễn Thiết Sơn biên soạn, cuốn *Hoa Kỳ: Cam kết và mở rộng* (NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1997) của tác giả Lê Bá Thuyên, cuốn *Chính sách đối ngoại của một số nước lớn trên thế giới* (NXB. Lý luận Chính trị, Hà Nội, 2008) của tác giả Phạm Minh Sơn. Bên cạnh các công trình nghiên cứu tổng thể về chính sách đối ngoại của Mỹ, cũng có nhiều công trình nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Mỹ trên một số vấn đề cụ thể như cuốn *Tôn giáo và việc vận dụng tôn giáo trong chính sách đối ngoại của Mỹ thời kỳ sau Chiến tranh Lạnh* (NXB. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2014) của tác giả Nguyễn Thái Yên Hương, cuốn *Quan hệ Mỹ - Trung: Hợp tác và cạnh tranh luận giải dưới góc độ cân bằng quyền lực* (NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011) do tác giả Nguyễn Thái Yên Hương đồng biên soạn, cuốn *Quan hệ Mỹ - Trung: Thập niên đầu thế kỷ XXI* (NXB. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2012) của tác giả Lê Khương Thùy, cuốn *Quan hệ của Mỹ với các nước lớn ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương* (NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003) của tác giả Vũ Dương Huân chủ biên.

Các bài viết nghiên cứu về chính sách đối ngoại nói chung và chính sách đối ngoại của Mỹ nói riêng được đăng trên *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế* như bài viết "Chính sách đối ngoại của Mỹ và hệ lụy đối với khu vực Châu Á - Thái Bình Dương: các góc nhìn từ giới học giả khu vực" của tác giả Nguyễn Vũ Tùng và Nguyễn Trung Dũng, bài viết "Nhìn lại sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của Mỹ sau Chiến tranh Lạnh" của tác giả Hà Mỹ Hương, bài viết "Tìm hiểu logic kinh tế trong chính sách đối ngoại của Mỹ" và "Tìm hiểu logic địa chính trị trong chiến lược đối ngoại của Mỹ sau Chiến tranh Lạnh" của tác giả Nguyễn Đình Luân, bài viết "Bàn về chiến lược an ninh quốc gia mới của Mỹ" của tác giả Hoàng Anh Tuấn và bài viết "Về chính sách ngoại giao nhân quyền của Mỹ" của tác giả Vũ Khương Duy.

2.2.3. Về chính sách đối ngoại của Chính quyền Obama

Kể từ sau khi chính thức bước chân vào Nhà Trắng, đường hướng chính sách đối ngoại của Tổng thống Obama đã trở thành chủ đề tranh luận thu hút được sự quan tâm của nhiều học giả, giới nghiên cứu trong và ngoài nước Mỹ. Thời gian qua, có rất nhiều công trình đánh giá về chính sách đối ngoại của Chính quyền Obama trên tất cả các khía cạnh, lĩnh vực với một số hướng tiếp cận:

Đánh giá về kết quả triển khai chính sách đối ngoại của Chính quyền Obama nói chung. Trong đó, hai tác giả Steven Hook và James Scott trong cuốn *U.S. Foreign Policy Today: American Renewal?* (CQ Press, 2011) cho rằng chính sách đối ngoại của Chính quyền Obama có thể giúp hồi sinh lại sức mạnh và vị thế của nước Mỹ. Trong khi cuốn *Bending History: Barack Obama's Foreign Policy* (Brookings, Washington D.C., 2013) của tác giả Martin Indyk, Kenneth Liberthal và Michael O'Hanlon, lại nhìn nhận chính sách đối ngoại của chính quyền Obama là kết quả của quá trình tuân thủ các nguyên tắc nhất định và theo đuổi mục tiêu thực tế, nhờ đó Chính quyền

Obama đã tương đối thành công trong việc thúc đẩy các lợi ích của nước Mỹ trong một thế giới luôn biến động.

Đánh giá về một số hướng triển khai chính sách đối ngoại cụ thể như chính sách can dự trong cuốn *Barack Obama's Post-American Foreign Policy: The Limits of Engagement* (Bloomsbury, New York, 2012) của tác giả Robert Singh, hay chính sách can thiệp trong cuốn *Obama, U.S. Foreign Policy and the Dilemmas of Intervention* (Macmillan, 2014) của tác giả David Fitzgerald và David Ryan.

2.3. Những công trình nghiên cứu về mối quan hệ giữa đảng phái chính trị và chính sách đối ngoại của Mỹ

Nghiên cứu về mối quan hệ giữa đảng phái chính trị với chính sách đối ngoại là hướng nghiên cứu ít nhận được sự quan tâm của giới nghiên cứu về đảng phái chính trị hay phân tích chính sách đối ngoại. Cho tới nay, các công trình nghiên cứu về vấn đề này thường được lồng ghép trong các đánh giá về mối quan hệ của chính trị nội bộ hoặc các nhân tố nội bộ đối với chính sách đối ngoại của một quốc gia như các tác phẩm *Reviewing the Cold War: Domestic Factors and Foreign Policy in the East-West Confrontation* (N Greenwood, Connecticut, 2000) của tác giả Patrick Morgan, Keith Nelson, Georgi Arbatov, đánh giá về mối quan hệ giữa các vấn đề nội bộ với quan hệ đối ngoại trong thời kỳ Chiến tranh lạnh, nhấn mạnh tới khả năng ảnh hưởng của các vấn đề đối nội, gồm chính trị đảng phái trong nước, đối với quyết sách đối ngoại và thách thức giả định được chấp nhận rộng rãi về vai trò tiên quyết của các nhân tố quốc tế đối với chính sách đối ngoại. Tác phẩm *Decisionmaking in a Glass House: Mass Media, Public Opinion, and American and European Foreign Policy in the 21st Century* (Rowman&LittleField, Maryland, 2000) của Brigitte Lebens Nacos, Robert Shapiro, Pierangelo Isernia, nhận định các quyết sách đối ngoại trong thời kỳ

Chiến tranh Lạnh chịu ảnh hưởng bởi sự đồng thuận rộng rãi về lợi ích quốc gia và an ninh quốc gia, song trong thời kỳ sau Chiến tranh lạnh, việc hoạch định chính sách đã có nhiều thay đổi, chịu ảnh hưởng bởi các nhân tố như truyền thông đại chúng, chính trị nội bộ hay một số nhân tố khác. Tác phẩm *Foreign Policy, Domestic Politics and International Relations* (Routlege, New York, 2013) của Elisabetta Brighi, đánh giá về chính sách đối ngoại trong mối liên hệ với chính trị nội bộ và quan hệ quốc tế, giới thiệu khung phân tích phức hợp về chính sách đối ngoại với tên gọi "Mô hình quan hệ chiến lược". Tác phẩm *American Foreign Policy and Political Ambition* (CQ Press, 2013) của James Lee Ray, cho rằng việc hiểu được mục tiêu cao nhất của các nhà lãnh đạo là bảo đảm duy trì được sự kiểm soát quyền lực cũng như xem xét về mức độ ảnh hưởng của các tham vọng chính trị và sức ép nội bộ đối với việc hoạch định chính sách đối ngoại là các yếu tố quyết định giúp hiểu được cách thức hoạch định chính sách đối ngoại của quốc gia.

2.4. Nhận xét

Qua tìm hiểu các công trình nghiên cứu khoa học về đảng phái chính trị nói chung và đảng phái chính trị Mỹ nói riêng có thể thấy những cuốn sách và các công trình nghiên cứu cả trong và ngoài nước kể trên đã đưa ra được một số mô hình phân tích về vai trò của đảng phái chính trị trong hệ thống chính trị Mỹ (thông qua nghiên cứu về tổ chức, mục tiêu và hành vi của đảng phái chính trị Mỹ), song chưa làm rõ được tác động của đảng phái chính trị vào hệ thống các cơ quan quyền lực của Chính phủ Mỹ, như Chính quyền và Quốc hội Mỹ. Trong khi đó, các công trình nghiên cứu về phân tích chính sách đối ngoại và chính sách đối ngoại của Mỹ đã đề cập tới một số nhân tố có khả năng tác động tới quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ. Tuy nhiên, trong các nhân tố được đề cập trong các công trình nghiên cứu, nhân tố đảng phái chính trị vẫn chưa được quan tâm xem xét một cách hệ

thống, các công trình chưa phân tích sâu và giải thích rõ ràng về tác động của nhân tố đảng phái chính trị đến chính sách đối ngoại của Mỹ.

Các công trình nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Chính quyền Obama chủ yếu tập trung đề cập tới một số điều chỉnh về chính sách đối ngoại của Mỹ trên các vấn đề đối ngoại cụ thể, đặt trong bối cảnh tình hình thế giới có nhiều biến động và trong sự suy giảm về sức mạnh tương đối của Mỹ so với các trung tâm quyền lực khác, đặc biệt là so với sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc. Các công trình chưa làm bật được sự đồng thuận lưỡng đảng trong nội bộ Mỹ đã tạo thuận lợi giúp Chính quyền Obama triển khai tương đối hiệu quả và tạo ra di sản đối ngoại cho cá nhân Tổng thống Obama, trong khi những bất đồng then chốt giữa hai đảng đã gây ra tình trạng "bế tắc" trong triển khai chính sách đối ngoại của Chính quyền Obama trên một số vấn đề có ảnh hưởng không nhỏ tới uy tín của Mỹ cũng như tác động tiêu cực tới lợi ích quốc gia của Mỹ.

Những thiếu sót đó đặt ra yêu cầu nghiên cứu trong việc:

Thứ nhất, tìm hiểu cơ sở phân tích về tác động của đảng phái chính trị đến chính sách đối ngoại của Mỹ qua việc xem xét vai trò của đảng phái chính trị trong hệ thống chính trị Mỹ, các chủ thể tham gia vào hệ thống hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ theo quy định của Hiến pháp.

Thứ hai, tìm hiểu về quá trình định hình hệ quan điểm cốt lõi của hai đảng Dân chủ và Cộng hòa đối với các vấn đề đối ngoại, cũng như các hoạt động của hai chính đảng này trong đời sống chính trị nước Mỹ để làm rõ tính lịch sử của sự tác động của nhân tố đảng phái chính trị tới chính sách đối ngoại của Mỹ.

Thứ ba, làm rõ mặt đấu tranh/hợp tác giữa hai đảng Dân chủ và Cộng hòa trên các vấn đề đối ngoại cơ bản dưới thời Chính quyền Obama.

3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

Trên cơ sở phân tích tình hình nghiên cứu vấn đề, tác giả xác định mục tiêu nghiên cứu chính của luận án là làm rõ những tác động cơ bản của nhân tố đảng phái tới quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ nói chung và của Chính quyền Obama nói riêng.

Để hoàn thành mục tiêu nghiên cứu nêu trên, các nhiệm vụ nghiên cứu trọng tâm của luận án gồm: *Thứ nhất,* làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc đánh giá tác động của nhân tố đảng phái đến chính sách đối ngoại của Mỹ; *Thứ hai,* làm rõ quan điểm đối ngoại của đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa thể hiện trong chính sách đối ngoại của Chính quyền Obama; *Thứ ba,* đánh giá về tác động của nhân tố đảng phái đến chính sách đối ngoại của Chính quyền Obama để đưa ra khung phân tích, giúp dự báo về tác động của nhân tố đảng phái đến chính sách đối ngoại của Mỹ giai đoạn hậu Obama.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Với chủ đề nghiên cứu "Tác động của nhân tố đảng phái đến chính sách đối ngoại của Chính quyền Obama", tác giả xác định hai đối tượng nghiên cứu chính của luận án là hệ thống hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ, quan điểm đối ngoại của đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa, chính sách đối ngoại của Chính quyền Obama. Theo đó, về khung thời gian, phạm vi nghiên cứu của luận án tập trung vào khoảng thời gian 2007 - 2016, kể từ khi Tổng thống Obama chính thức tham gia vào quá trình tranh cử Tổng thống (do những tác động nhất định của quá trình bầu cử sơ bộ tới đề xuất của các ứng cử viên) cho tới khi kết thúc nhiệm kỳ; về khía cạnh nội dung, luận án sẽ nghiên cứu những quan điểm đối ngoại chính của hai đảng Dân chủ và Cộng hòa trên các vấn đề đối ngoại, Cương lĩnh tranh cử của các ứng cử viên Tổng thống chính thức trong hai cuộc bầu cử (2008 và 2012), cũng như những nét lớn định hình chính sách đối ngoại của Tổng thống Obama.

5. Phương pháp nghiên cứu

Xuất phát từ đề tài nghiên cứu là tìm hiểu "tác động của nhân tố đảng phái đến chính sách đối ngoại của Chính quyền Obama" và nhằm tìm ra quy luật tương đối, hướng tới mục tiêu làm tăng tính chính xác về phạm vi, mức độ, độ bền và chiều hướng tác động của nhấn tố đảng phái đối với chính sách đối ngoại của Chính quyền Mỹ, tác giả sẽ sử dụng phương pháp phân tích chính sách, tập trung vào việc phân tích các yếu tố chính cấu thành chính sách đối ngoại như mục tiêu, nguyên tắc hành động, công cụ và biện pháp để làm sáng rõ mức độ và phạm vi ảnh hưởng của nhân tố đảng phái đến quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại. Bên cạnh đó, chính sự tương đồng hoặc đối lập của các nhóm lợi ích khác nhau trong cùng một đảng hoặc giữa hai đảng chính trị trên từng vấn đề cụ thể làm nảy sinh sự khác biệt về mức độ, chiều hướng tác động của nhân tố đảng phái đối với từng vấn đề đối ngoại khác nhau trong tổng thể chính sách đối ngoại của Mỹ. Do đó, trong quá trình thực hiện luận án, tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp nhằm làm rõ mức độ và phạm vi tác động của nhân tố đảng phái đối với từng trường hợp cụ thể trong chính sách đối ngoại của Chính quyền Mỹ. Phương pháp so sánh cũng được tác giả sử dụng để xác định những điểm giống nhau và khác nhau trong quan điểm của đảng Dân chủ và Cộng hòa trên các vấn đề đối ngoại và phương pháp lịch sử nhằm làm rõ sự vận động, đặc điểm và nét đặc trưng của nhân tố đảng phái đối với chính sách đối ngoại của Chính quyền Mỹ trong từng thời kỳ cụ thể.

6. Đóng góp của luận án

Về mặt khoa học, tác giả hy vọng với những cố gắng nhằm làm rõ sự tác động của nhân tố đảng phái đến chính sách đối ngoại của Mỹ nói chung và trong trường hợp chính sách đối ngoại của Chính quyền Obama nói riêng, luận án sẽ có đóng góp thiết thực vào hướng phân tích chính sách đối ngoại

Mỹ. Về mặt thực tiễn, các kết quả được rút ra trong quá trình nghiên cứu vấn đề sẽ đóng góp vào nỗ lực chung của cộng đồng các nhà nghiên cứu quốc tế và Việt Nam cũng như của giới hoạch định chính sách đối ngoại Việt Nam trong việc tìm hiểu về chính sách đối ngoại của Mỹ - một quốc gia có nền chính trị đảng phái phức tạp mà trong đó, những đấu tranh và thỏa hiệp nội bộ lại có khả năng tác động trực tiếp vào các quyết sách đối ngoại. Bên cạnh đó, tác giả cũng hy vọng các kết quả được trình bày trong luận án sẽ mang lại những gợi mở cho các công trình nghiên cứu chuyên sâu về chính sách đối ngoại của Mỹ trong tương lai. Đồng thời, sau khi được hoàn thiện, luận án có thể trở thành nguồn tài liệu tham khảo cho các nhà nghiên cứu, phân tích về chính sách đối ngoại cũng như trở thành tư liệu có giá trị sử dụng cao trong quá trình giảng dạy các bộ môn liên quan tại Học viện Ngoại giao và các cơ sở đào tạo chuyên ngành Quan hệ Quốc tế trong cả nước.

7. Bố cục luận án

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận án được cấu trúc thành 3 chương:

Chương 1 - Cơ sở phân tích về tác động của nhân tố đảng phái đến chính sách đối ngoại của Mỹ. Để làm rõ tác động của nhân tố đảng phái đến chính sách đối ngoại của Mỹ, chương 1 sẽ đi vào đánh giá vai trò của đảng phái chính trị trong hệ thống hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ, làm rõ những khác biệt chính yếu trong quan điểm đối ngoại của đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa, phân tích thực trạng chia rẽ quan điểm đối ngoại của đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa trong bối cảnh ngày nay.

Chương 2 - Tác động của đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa đến chính sách đối ngoại của Chính quyền Obama. Để làm rõ sự tác động của nhân tố đảng phái đến chính sách đối ngoại của Chính quyền Obama, chương 2 sẽ đi vào phân tích đường hướng đối ngoại do hai đảng Dân chủ và Cộng hòa đề xuất; tình trạng cạnh tranh ảnh hưởng của hai đảng trên chính trường

Mỹ; ảnh hưởng của các trường phái khác nhau trong mỗi đảng đến các nội dung và triển vọng thành công của các quyết sách của Tổng thống Obama trên những vấn đề cơ bản trong chính sách đối ngoại.

Chương 3 - Tác động của nhân tố đảng phái đến chính sách đối ngoại của Mỹ giai đoạn hậu Obama. Để dự báo về triển vọng tác động của nhân tố đảng phái đến chính sách đối ngoại của Mỹ giai đoạn hậu Obama, chương 3 sẽ đưa ra đánh giá về tác động của đảng phái chính trị đến chính sách đối ngoại của Mỹ dưới thời Chính quyền Obama, xây dựng khung phân tích để đánh giá về tác động của nhân tố đảng phái đến chính sách đối ngoại của Mỹ, từ đó dự báo về chiều hướng chính sách đối ngoại của Chính quyền Tổng thống Trump, tác động tới Việt Nam và đề xuất khuyến nghị chính sách của Việt Nam trong quan hệ với Mỹ.

CHƯƠNG 1:
CƠ SỞ PHÂN TÍCH VỀ TÁC ĐỘNG CỦA NHÂN TỐ ĐẢNG PHÁI ĐẾN CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA MỸ

Đảng phái chính trị là một bộ phận không thể tách rời của bộ máy thể chế trong nền chính trị Mỹ [29; tr. 494]. Là tâm điểm của đời sống chính trị tại Mỹ, đảng phái chính trị đóng vai trò quan trọng và có ảnh hưởng rộng lớn đến quá trình hoạch định và triển khai chính sách của Chính phủ liên bang Mỹ trên tất cả các vấn đề trọng yếu của đất nước, từ các vấn đề đối nội như kinh tế - chính trị, an sinh - xã hội đến các vấn đề đối ngoại then chốt như quan hệ của Mỹ với các quốc gia bên ngoài hay ứng phó của nước Mỹ trước các thách thức đền từ bên ngoài đối với an ninh quốc gia của Mỹ. Trải dài xuyên suốt lịch sử phát triển của nước Mỹ, cùng với quá trình hai đảng Dân chủ và Cộng hòa xuất hiện và dần trở thành hai chính đảng lớn nhất, đại diện cho những quan điểm khác biệt trên các vấn đề chính sách then chốt trên chính trường Mỹ, sự khác biệt về lập trường và những tranh cãi của hai đảng trên các vấn đề đối ngoại đã gây ra những tác động không nhỏ tới chiều hướng chính sách cũng như quá trình triển khai chính sách đối ngoại của nước Mỹ [104; tr. 1]. Để làm rõ mức độ và phạm vi tác động của đảng phái chính trị đến chính sách đối ngoại của Mỹ, Chương 1 sẽ tập trung làm rõ các vấn đề lý luận và thực tiễn về mối quan hệ giữa đảng phái chính trị với chính sách đối ngoại của Mỹ.

1.1. Lý luận về mối quan hệ giữa đảng phái chính trị và chính sách đối ngoại

1.1.1. Phân tích chính sách đối ngoại

Kể từ khi ra đời vào những năm 1950, phân tích chính sách đối ngoại đã trở thành một lĩnh vực nghiên cứu thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà khoa học chính trị trên thế giới, với nhiều công trình nghiên cứu quan trọng,

giúp mở rộng hiểu biết về sự vận hành của hệ thống quốc tế, trong đó chủ đề trung tâm là mối quan hệ giữa các quốc gia trong hệ thống đó [133]. Trên lĩnh vực nghiên cứu này, các công trình nghiên cứu của các học giả được triển khai dựa trên hai hướng tiếp cận chủ yếu, là phân tích nội dung các quyết sách đối ngoại của một quốc gia hoặc phân tích quá trình định hình và triển khai chính sách đối ngoại của quốc gia đó [114; tr. 4-8].

Theo hướng phân tích tập trung vào nội dung quyết sách đối ngoại, những thành tố cơ bản được lựa chọn để xem xét là những quyết định được đưa ra bởi các nhà hoạch định chính sách, có sự tham vấn với các chủ thể khác trong hệ thống hoặc dựa trên hiểu biết cá nhân về hệ quả của chính sách đối với các thực thể bên ngoài. Thông thường, đối tượng mà các quyết sách đối ngoại của một quốc gia hướng tới, dù dưới hình thức trực tiếp hay gián tiếp, là những thực thể nằm bên ngoài quốc gia đó [114; tr. 4]. Về mặt lý thuyết, đó có thể là những quyết sách trên lĩnh vực an ninh, chính trị - ngoại giao, kinh tế - thương mại hay các quyết định chính sách về môi trường, quyền con người, sự phát triển dân số, vấn đề di dân, an ninh lương thực, an ninh năng lượng, viện trợ nước ngoài... [156; tr. 1].

Tuy nhiên, xuất phát từ những quan ngại về vấn đề an ninh, các quyết sách đối ngoại trên thực tế đôi khi lại thuộc về phạm vi bảo mật của quốc gia. Chính vì vậy, những thông tin liên quan tới các quyết sách dạng này thường chỉ được công bố sau một khoảng thời gian nhất định theo quy định của luật pháp ở quốc gia đó. Trong đó, có nhiều trường hợp ở một số nước, những quyết sách đối ngoại thuộc phạm vi bảo mật ở cấp độ cao nhất sẽ vĩnh viễn không bao giờ được giải mật. Thực tế này đã dẫn tới tình trạng các nhà quan sát hoặc giới hoạch định chính sách của các quốc gia khác không được tiếp cận nguồn thông tin khách quan và đầy đủ để phân tích chính xác về nội dung quyết sách đối ngoại của một quốc gia. Đồng thời, xuất phát từ độ trễ theo

quy định bảo mật/giải mật thông tin, việc nghiên cứu về quyết sách đối ngoại theo hướng này cũng không bảo đảm thời gian tính giúp đưa ra đề xuất về hướng giải quyết vấn đề.

Cùng với việc tìm hiểu, phân tích nội dung bên trong của các quyết sách đối ngoại, phân tích chính sách đối ngoại còn quan tâm tới việc giải thích các quyết định chính sách được đưa ra như thế nào và vì sao lại đưa ra những quyết định đó [66; tr. 164]. Theo đó, hướng phân tích quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của một quốc gia có thể được tiến hành dựa trên ba cấp độ: hệ thống quốc tế, quốc gia và cá nhân. Trong đó, ở cấp độ hệ thống quốc tế, quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của mỗi quốc gia chủ yếu chịu tác động bởi yếu tố bên ngoài là môi trường chính trị, an ninh và kinh tế quốc tế, cũng như sự tương tác giữa các quốc gia trên cơ sở những quyết sách đối ngoại then chốt trong một mạng lưới đa dạng các mối quan hệ trên tất cả các lĩnh vực. Ở cấp độ quốc gia, quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại được xem xét dưới góc độ các quy trình chính trị trong nước, với sự tương tác giữa chủ thể chính trị trong nước (cơ quan hành pháp, cơ quan lập pháp, nhóm lợi ích, đảng phái chính trị…) cấu thành hệ thống hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của quốc gia đó. Và ở cấp độ cá nhân, quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại chịu tác động bởi các yếu tố mang tính cá nhân thể hiện ở ba phương diện là bản chất con người (như lòng tham, tính tự tôn, ích kỷ), hành vi tổ chức (cách thức con người tương tác trong bối cảnh một tổ chức) và đặc điểm cá nhân (sở thích, tôn giáo, sắc tộc, xu hướng tư tưởng).

Mặc dù giới học giả vẫn chưa thống nhất về lý thuyết phân tích chính sách đối ngoại, song cách tiếp cận theo hướng phân tích quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại dựa trên ba cấp độ hệ thống quốc tế, quốc gia và cá nhân đã giúp giải thích tương đối đầy đủ các nhân tố tác động vào

chính sách đối ngoại của một quốc gia. Trong đó, đảng phái chính trị được nghiên cứu và phân tích dưới khía cạnh là một trong các nhân tố tác động vào quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại ở cấp độ quốc gia. Tuy nhiên, ở cấp độ này, các công trình nghiên cứu chủ yếu tập trung vào sự tương tác giữa các chủ thể chính trong bộ máy nhà nước là hai cơ quan lập pháp và hành pháp, và chưa chú ý tới vai trò của đảng phái trong hệ thống hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của quốc gia đó.

Chính vì vậy, phần tiếp theo sẽ tìm hiểu về vai trò của đảng phái chính trị trong hệ thống hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại, trên cơ sở những luận điểm chính của các lý thuyết về phân tích đảng phái chính trị trong hệ thống chính trị của một quốc gia.

1.1.2. Phân tích đảng phái chính trị

Đảng phái chính trị là một hiện tượng đặc thù, xuất hiện cùng với quá trình phát triển tất yếu của lịch sử loài người, là "sản phẩm của tạo hóa trong xã hội hiện đại" [143; tr. 3]. Đảng phái chính trị ngày càng đóng vai trò quan trọng, "giữ vị trí trung tâm" trong đời sống chính trị - kinh tế - xã hội của hầu hết các quốc gia trên thế giới [55; tr. 3]. Mặc dù xuất hiện từ rất sớm, song trên lĩnh vực học thuật nói chung và chuyên ngành chính trị học nói riêng, phải tới đầu thế kỷ 20, đảng phái chính trị mới trở thành một chủ đề được các nhà nghiên cứu quan tâm xem xét trong bối cảnh xuất hiện những tranh luận liên quan tới việc phân biệt giữa một tổ chức chính trị - xã hội là đảng phái chính trị với các loại hình đoàn thể, hiệp hội, tổ chức dân sự hay nhóm lợi ích [28; tr. 19]. Theo đó, các công trình nghiên cứu về đảng phái chính trị được triển khai theo nhiều hướng tiếp cận khác nhau, dựa trên các tiêu chí khác nhau về chức năng hoặc mục tiêu, hành vi của đảng phái chính trị.

Trong đó, theo hướng nghiên cứu về chức năng của đảng phái chính trị, có nhiều quan điểm không đồng nhất giữa các nhà nghiên cứu về tập hợp

những chức năng cần thiết để một tổ chức chính trị - xã hội trở thành đảng phái chính trị, như mô hình gồm tập hợp sáu chức năng cơ bản[1] của Giáo sư chính trị Đại học Essex (Anh) Anthony King [136], hay đề xuất bốn chức năng chính[2] của các học giả Richard Gunther, Jose Ramon Motero và Juan Linz [105; tr. 10]. Tuy có sự khác biệt trong quan điểm và cách phân chia giữa các nhà nghiên cứu về chức năng của đảng phái chính trị, song về cơ bản, đảng phái chính trị có một số chức năng chính như chức năng xã hội (cầu nối giữa người dân với các cơ quan quyền lực nhà nước), chức năng tổ chức (đóng vai trò tuyển chọn lãnh đạo đảng và qua đó là tuyển chọn nhân sự cấp cao vào các cơ quan quyền lực nhà nước khi đảng trở thành đảng cầm quyền trong hệ thống chính trị) và chức năng định hình chính sách. Theo đó, với vai trò quan trọng trong quá trình tuyển chọn nhân sự vào các vị trí then chốt trong các cơ quan quyền lực của hệ thống chính trị, đảng phái chính trị thực hiện chức năng định hình chính sách qua việc đưa ra các đề xuất chính sách trên cơ sơ nền tảng quan điểm, hệ tư tưởng và các giá trị cối lõi mà đảng đại diện cũng như trên cơ sở tập hợp lợi ích của các thành viên trong đảng ở quá trình tranh cử. Sau đó, khi trở thành đảng cầm quyền, nắm giữ các thiết chế quyền lực chính yếu trong bộ máy nhà nước, đảng phái chính trị sẽ thể hiện vai trò ảnh hưởng và tác động vào quá trình định hình chính sách để theo đuổi các mục tiêu chính sách đã đề ra.

Trong khi đó, theo hướng nghiên cứu về mục tiêu và hành vi của đảng phái chính trị, mối quan hệ giữa đảng phái chính trị và chính sách công (gồm chính sách đối nội và đối ngoại của quốc gia) cũng được làm rõ trên cơ sở phân tích về hành vi cạnh tranh và hợp tác của các đảng phái trong hệ thống

[1] Chức năng tổ chức bầu cử, chức năng tập hợp và huy động công chúng, chức năng tuyển lựa các nhà lãnh đạo chính trị, chức năng tổ chức bộ máy nhà nước, chức năng định hình chính sách công và chức năng tập hợp lợi ích chung.

[2] Chức năng định hình và tập hợp lợi ích chung, chức năng xã hội hóa hoạt động chính trị, chức năng tuyển lựa thành viên và chức năng tuyên truyền.

chính trị. Theo hướng này, các nhà nghiên cứu phân chia mục tiêu và hành vi của đảng phái chính trị làm ba nhóm chính:[3] Nhóm theo đuổi cử tri (là các đảng phái chính trị hoạt động nhằm tối đa hóa số phiếu bầu của cử tri để giành quyền kiểm soát các cơ quan quyền lực nhà nước); Nhóm theo đuổi cơ quan quyền lực (là những đảng phái chính trị hoạt động nhằm tối đa hóa khả năng kiểm soát các cơ quan, định chế quyền lực trong hệ thống chính trị); và Nhóm theo đuổi chính sách (là các đảng phái chính trị hoạt động nhằm mục tiêu tác động vào chính sách) [206; tr. 5]. Trong đó, một đảng phái chính trị dù theo đuổi mục tiêu tối đa hóa sự ủng hộ của cử tri, giành quyền kiểm soát cơ quan quyền lực hay theo đuổi các ưu tiên chính sách cụ thể, cũng phải xây dựng và giới thiệu với công luận một bản cương lĩnh chính trị phản ánh các giá trị mà đảng đại diện và được cụ thể hóa thành những đề xuất chính sách mà đảng theo đuổi.

Như vậy, dù theo hướng phân tích về chức năng hay mục tiêu, hành vi của đảng phái chính trị trong hệ thống chính trị, mối quan hệ giữa đảng phái chính trị và chính sách công của quốc gia đều được phản ánh rõ; trong đó, chính sách sẽ đóng hai vai trò chính yếu: Vai trò thứ nhất là vai trò phản ánh hệ tư tưởng, quan điểm và giá trị mà đảng theo đuổi và được thể hiện trong cương lĩnh chính trị của đảng. Theo đó, quan điểm về phương hướng lãnh đạo và cách thức điều hành đất nước của đảng sẽ được phản ánh đầy đủ trong các đề xuất chính sách của đảng ở giai đoạn bầu cử và trở thành chính sách chính thức nếu đảng chính trị giành chiến thắng trong bầu cử. Vai trò thứ hai là vai trò phương tiện hay công cụ để đảng chính trị hướng tới mục tiêu tối đa hóa sự ủng hộ của cử tri, giành chiến thắng trong bầu cử và giành quyền kiểm soát cơ quan quyền lực. Khi đó, dù vai trò phản ánh hệ tư tưởng, quan điểm và giá trị mà đảng đại diện vẫn được đề cao song yếu tố lợi ích của cử tri sẽ là nhân tố mang tính chi phối việc định hình chính sách của đảng chính trị.

[3] Tiếng Anh: Vote-seeking, Office-seeking và Policy-seeking.

Là một bộ phận cấu thành chính sách công, không nằm ngoài quy luật trên, chính sách đối ngoại của một quốc gia và nhân tố đảng phái chính trị cũng có mối quan hệ tác động qua lại với nhau. Khi đó, chính sách đối ngoại sẽ thực hiện cả hai vai trò, vừa phản ánh đường hướng vận hành các mối quan hệ đối ngoại của một quốc gia với quốc gia khác do đảng phái chính trị nắm quyền khởi xướng, vừa là phương tiện để đảng phái chính trị hướng tới mục tiêu tập hợp sự ủng hộ của đại đa số cử tri hoặc giành quyền kiểm soát cơ quan quyền lực.

1.2. Mối quan hệ giữa đảng phái chính trị và chính sách đối ngoại của Mỹ

1.2.1. Sự ra đời, phát triển và hoạt động của đảng phái chính trị Mỹ

1.2.1.1. Sự ra đời và phát triển của đảng phái chính trị Mỹ

Khác với Hiến pháp của một số nước tư bản phương Tây, Hiến pháp Mỹ hoàn toàn không có nội dung đề cập đến đảng phái chính trị. Sự ra đời và phát triển của đảng phái chính trị tại Mỹ trên thực tế nằm ngoài tính toán của các nhà soạn thảo Hiến pháp và là sự phát triển tất yếu của nền chính trị được vận hành theo những quy định của Hiến pháp. Thực tế này bắt nguồn từ lo ngại của các nhà sáng lập nước Mỹ. Những nhà soạn thảo Hiến pháp Mỹ cho rằng sự tồn tại và hoạt động của các hội nhóm, bè phái trong nền chính trị sẽ dẫn tới tình trạng chia rẽ đất nước, ảnh hưởng tới mục tiêu thành lập một Chính phủ mang tính thống nhất và đại diện cho các bang. Tuy nhiên, cũng xuất phát từ nguyện vọng thành lập một Chính phủ mang tính thống nhất và đại diện, hướng tới mục tiêu xây dựng một xã hội dân chủ thực sự, các nhà lập quốc đã đưa vào Hiến pháp Mỹ quy định yêu cầu các quyết sách lớn của đất nước cần phải được thông qua dưới hình thức bỏ phiếu dân chủ. Chính quy định này đã dẫn tới sự hình thành các nhóm lợi ích, bè phái và sau đó là liên minh đa số trong những định chế, đơn vị bầu cử cũng như sự ra đời của hai đảng chính trị đầu tiên trên nền tảng của hai phái chính trị có ảnh hưởng lớn trên chính

trường Mỹ lúc bấy giờ là phái ủng hộ chủ nghĩa liên bang và phe chống chủ nghĩa liên bang [13; tr. 30].

Phái ủng hộ chủ nghĩa liên bang do Alexander Hamilton, Bộ trưởng Tài chính dưới thời Tổng thống George Washington lãnh đạo, là đại diện cho nhóm lợi ích thương mại và công nghiệp. Họ là những thương gia, chủ ngân hàng và các địa chủ bảo thủ có quan tâm tới các nguồn lợi tài chính và thương mại. Họ cho rằng việc thúc đẩy lợi ích thương mại và công nghiệp chính là động lực giúp củng cố nền tảng phát triển tiến bộ trên toàn thế giới, ủng hộ việc phê chuẩn Hiến pháp và chủ trương thành lập một chính phủ trung ương mạnh, có đủ sức huy động vốn tín dụng và phát hành đồng tiền ổn định, để bảo vệ quyền lợi của những tập đoàn tư sản thương mại và công nghiệp [2; tr. 127]. Những người ủng hộ chủ nghĩa liên bang đã tập hợp xung quanh Hamilton và thành lập đảng Liên bang vào năm 1789.

Phe chống chủ nghĩa liên bang do Ngoại trưởng Thomas Jefferson đứng đầu, thành phần gồm chủ đồn điền ở các bang miền Trung - Tây, công nhân ở các thành thị mới xây dựng và nô lệ da đen ở các bang miền Nam. Họ bảo vệ các lợi ích và giá trị của nền kinh tế nông nghiệp, nghi ngờ tính minh bạch của hệ thống ngân hàng và hầu như không quan tâm tới các lợi ích thương mại và sản xuất công nghiệp. Họ tin rằng tự do và dân chủ sẽ "đơm hoa, kết trái" tốt nhất trong một xã hội thuần nông. Do đó, họ chủ trương phản đối sự hình thành một chính phủ trung ương hùng mạnh và cho rằng kế hoạch của phái ủng hộ liên bang sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế của đất nước, phương hại tới quyền lợi của các bang [5]. Họ đã tập hợp lại và thành lập đảng Dân chủ - Cộng hòa vào năm 1792.

Sự ra đời của đảng Liên bang và đảng Dân chủ - Cộng hòa vào những năm cuối thế kỷ XVIII đã đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong lịch sử phát triển của nền chính trị Mỹ, mở ra thời kỳ các đảng phái chính trị thay

nhau kiểm soát các cơ quan quyền lực trong hệ thống chính trị Mỹ ở những giai đoạn về sau. Tại thời điểm này, bên cạnh những bất đồng xung quanh các đề xuất chính sách kinh tế của Hamilton (nhằm mục tiêu mang lại lợi ích cho giới tài phiệt, giới thương gia giàu có và các chủ nhà máy tại vùng New England) và của Jefferson (ưu tiên cho lợi ích của nhóm chủ đồn điền, nông dân Virginia và vùng biên giới phía Tây), lập trường của hai bên trong vấn đề đối ngoại cũng có sự khác biệt rõ rệt khi Hamilton và các đồng minh của ông mong muốn có quan hệ mật thiết với nước Anh, còn nhóm của Jefferson lại muốn hướng về nước Pháp [148; tr. 29].

Nếu nền cộng hòa non trẻ tại Mỹ trong những năm đầu chịu tác động mạnh mẽ bởi sự chia rẽ về quan điểm và ưu tiên chính sách giữa những người Liên bang và những người Dân chủ - Cộng hòa, thì cùng với sự phân rã của đảng Liên bang (vào năm 1816), sự chia rẽ mang yếu tố đảng phái cũng dần biến mất và nền chính trị Mỹ đón nhận một "kỷ nguyên của những tình cảm tốt đẹp"[4] ngắn ngủi [148; tr. 33]. Trong thời kỳ này, dù xung đột đảng phái tạm lắng xuống trên chính trường Mỹ, song những xung đột chính trị vẫn tồn tại bên trong đảng Dân chủ - Cộng hòa và bộc lộ xung quanh cuộc chiến giành ghế Tổng thống vào năm 1824 khi xuất hiện bốn ứng cử viên nặng ký đều là thành viên của đảng này [29; tr. 508]. Cũng chính tình trạng cạnh tranh gay gắt giữa các ứng cử viên trong nội bộ đảng Dân chủ - Cộng hòa đã dẫn tới sự phân tách của đảng này thành hai phái chính trị đối lập và sau đó là sự ra đời của đảng Cộng hòa quốc gia gồm những người ủng hộ Quincy Adams và đảng Dân chủ là tập hợp những người ủng hộ Andrew Jackson.

Thực tế ấy đã dẫn tới nét đặc trưng nổi bật của tình trạng chia rẽ và hình thành liên minh đảng phái trong các cuộc bầu cử ở giai đoạn này trong lịch sử nước Mỹ. Tình trạng bất đồng này chủ yếu xoay quanh quyết định ủng hộ đối

[4] Tiếng Anh: Era of good feelings.

với từng cá nhân cụ thể hơn là những bất đồng về quan điểm hay các vấn đề chính sách [148; tr. 34]. Theo đó, do có chung nguồn gốc tách ra từ đảng Dân chủ - Cộng hòa nên các quan điểm chính trị của cả hai đảng Cộng hòa quốc gia của Quincy Adams và đảng Dân chủ của Andrew Jackson đều được hình thành trên nền tảng tư tưởng của những người ủng hộ Jefferson, phản đối chủ nghĩa liên bang, ủng hộ ý tưởng về sự "đơm hoa, kết trái" của nền dân chủ trong một xã hội thuần nông, và cho rằng sự phát triển thịnh vượng của một nền kinh tế công nghiệp hóa sẽ đẩy nhanh quá trình tích lũy tài sản vào tay giới chủ giàu có, gây ra mối đe dọa tiềm tàng tới xã hội dân chủ mới được hình thành và vẫn còn tương đối yếu ớt.

Tuy nhiên, với sự xuất hiện của đảng Whig vào năm 1833 cùng sự thoái lui của đảng Cộng hòa quốc gia (sau đó sáp nhập vào đảng Whig), cuộc đấu tranh giữa các đảng phái trong nền chính trị Mỹ một lần nữa quay trở lại trạng thái tranh giành ảnh hưởng giữa các đảng chính trị có quan điểm chính sách khác biệt. Khi vấn đề nô lệ nảy sinh, với lập trường phản đối mạnh mẽ chế độ nô lệ, đảng Cộng hòa xuất hiện (1854), dần thay thế và kế thừa những luận điểm chính sách then chốt của đảng Whig (chấm dứt hoạt động vào năm 1856), cùng với đảng Dân chủ trở thành hai đảng chính trị lớn, có vai trò và ảnh hưởng chi phối mọi hoạt động của đời sống chính trị Mỹ.

Cùng với nền tảng xã hội của sự ra đời và phát triển của hai đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa trong nền chính trị Mỹ vào những năm giữa thế kỷ XIX, những quy định pháp lý về quá trình lựa chọn người đứng đầu cơ quan hành pháp phải được tiến hành theo hình thức "đại cử tri"[5] tại Khoản 1 Điều 2 của Hiến pháp Mỹ còn dẫn tới sự hình thành và phát triển của chế độ lưỡng đảng với vai trò chi phối của hai đảng chính trị lớn, dù có sự tồn tại và cạnh tranh của nhiều đảng chính trị khác trong nền chính trị Mỹ [134; tr. 36].

[5] Tiếng Anh: Electoral College

Theo đó, đại cử tri là những đại biểu chính thức của mỗi bang, được lựa chọn để đại diện cho người dân ở các bang thực hiện quyền bầu cử, bầu ra Tổng thống và Phó Tổng thống. Số lượng đại cử tri của mỗi bang tương ứng với tổng số nghị sỹ của mỗi bang tại Quốc hội liên bang, và theo Tu chính án số 23, Quận Thủ đô[6] được phân bổ 3 đại cử tri. Như vậy, tổng số đại cử tri của Mỹ là 538 đại cử tri và để giành chiến thắng, mỗi ứng viên Tổng thống cần phải nhận được phiếu bầu của ít nhất 270 đại cử tri. Việc lựa chọn đại cử tri của mỗi bang phụ thuộc vào luật pháp của từng bang, và trên thực tế ngoài hai bang Maine và Nebraska quy định việc phân bổ đại cử tri theo "tỷ lệ phiếu bầu"[7], các bang còn lại của Mỹ đều quy định việc lựa chọn đại cử tri theo hình thức "thắng ăn cả"[8], cho phép mỗi ứng viên Tổng thống của một đảng chính trị nhận được phiếu bầu của toàn bộ số đại cử tri của bang nếu ứng viên Tổng thống đó giành được đa số phiếu phổ thông tại mỗi bang. Nguyên tắc bầu cử này khiến cho các ứng cử viên Tổng thống độc lập hoặc ứng cử viên Tổng thống của đảng thứ ba (vốn có ít ảnh hưởng chính trị và khiêm tốn về tiềm lực tài chính so với hai đảng chính trị lớn) dù có quyền ra tranh cử song có rất ít cơ hội nhận được chiến thắng trên thực tế.

1.2.1.2. Hoạt động của đảng phái chính trị Mỹ

Mặc dù Hiến pháp Mỹ không có quy định về đảng phái chính trị, song thực tế ra đời và phát triển của đảng phái chính trị Mỹ cho thấy vai trò quan trọng của chúng trong hệ thống chính trị. Trong đó, hoạt động của các đảng phái chính trị Mỹ nói chung và của hai đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa nói riêng được chia làm hai giai đoạn chính yếu. Giai đoạn thứ nhất là giai đoạn tranh cử nhằm giành và kiểm soát cơ quan quyền lực nhà nước. Giai đoạn thứ hai là giai đoạn thực thi quyền lực nhà nước sau khi đảng phái chính trị đã giành được quyền kiểm soát các cơ quan.

---

[6] Tiếng Anh: District of Columbia
[7] Tiếng Anh: Proportional representation
[8] Tiếng Anh: Winner-take-all

Ở giai đoạn tranh cử, với vai trò là hai đảng chính trị lớn tại Mỹ, hoạt động của đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa chủ yếu liên quan và xoay quanh việc giành, giữ và sử dụng quyền lực nhà nước [13; tr. 56], tập trung vào hai mục tiêu lớn là giành quyền kiểm soát Chính quyền và tối đa hóa số ghế tại Quốc hội. Trong đó, mục tiêu giành quyền kiểm soát Chính quyền đóng vai trò quan trọng hơn do thực tiễn chính trị tại Mỹ cho thấy dù khái niệm đảng cầm quyền không tồn tại trong nền chính trị Mỹ, song đảng thắng cử trong cuộc bầu cử Tổng thống sẽ trở thành đảng cầm quyền, đứng ra điều hành đất nước và có ảnh hưởng rất lớn tới quá trình hoạch định và triển khai chính sách quốc gia. Đồng thời, do Chính phủ Mỹ được tổ chức trên nguyên tắc "tam quyền phân lập", với quyền hạn và chức năng của ba cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp là tương đương nhau, nên hoạt động của hai đảng trong giai đoạn tranh cử nhằm giành quyền kiểm soát Quốc hội cũng diễn ra rất gay gắt. Trong khi đó, ở giai đoạn thực thi quyền lực nhà nước, hoạt động của đảng chính trị Mỹ chủ yếu hướng tới hai mục tiêu trọng tâm. Thứ nhất là mục tiêu tác động vào quá trình hoạch định chính sách quốc gia để bảo đảm nội dung của chính sách được đề ra phù hợp với quan điểm và lợi ích mà đảng đại diện. Thứ hai là mục tiêu đưa người của đảng vào bộ máy Chính quyền để bảo đảm quá trình triển khai chính sách quốc gia diễn ra đúng đường hướng do đảng đề ra.

Dựa trên những phân tích về hoạt động của đảng phái chính trị trong giai đoạn tranh cử giành quyền kiểm soát cơ quan quyền lực nhà nước cũng như ở giai đoạn thực thi quyền lực nhà nước, có thể thấy mục tiêu và hành vi của đảng phái chính trị Mỹ có mối liên hệ mật thiết với tập hợp các quan điểm chính sách được đảng phái chính trị đề xuất và theo đuổi. Đây là mối liên hệ hai chiều, thể hiện sự tác động qua lại giữa mục tiêu và hành vi của đảng phái chính trị Mỹ với tập hợp các chính sách do đảng đề xuất. Là một bộ phận cấu thành chính sách công, không nằm ngoài quy luật trên, chính sách đối ngoại

của Mỹ và nhân tố đảng phái chính trị cũng có mối quan hệ tác động qua lại với nhau.

Như vậy, nếu các quy định của Hiến pháp Mỹ được xem là tiền đề pháp lý cho sự ra đời của các đảng phái trong hệ thống chính trị Mỹ, thì chính sự khác biệt quan điểm về đường lối điều hành đất nước đã trở thành động lực thúc đẩy hoạt động của các đảng phái chính trị nhằm đạt được mục tiêu giành quyền kiểm soát các cơ quan chính yếu trong hệ thống hoạch định và triển khai chính sách. Để làm rõ hơn về những đặc điểm trong mối quan hệ đó, phần tiếp theo sẽ trình bày về vai trò của các cơ quan quyền lực trong hệ thống hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ và tác động của đảng phái chính trị Mỹ vào các cơ quan quyền lực đó.

1.2.2. Các cơ quan quyền lực trong hệ thống hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ

Là một bộ phận cấu thành hoạt động của Chính phủ Mỹ, hoạt động của hệ thống hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ cũng chịu sự chi phối của nguyên tắc "kiềm chế và đối trọng" giữa các cơ quan quyền lực trong Chính phủ Mỹ. Trong đó, thẩm quyền hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại được Hiến pháp Mỹ quy định cho cả hai cơ quan hành pháp và cơ quan lập pháp.

Hiến pháp Mỹ quy định vai trò và quyền hạn của cơ quan hành pháp trong hệ thống hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại thông qua việc trao một số quyền nhất định trên lĩnh vực đối ngoại cho Tổng thống Mỹ, với tư cách là người đứng đầu Chính quyền. Các quyền này gồm quyền bổ nhiệm đại sứ, quan chức ngoại giao, bộ trưởng và quan chức cao cấp khác; quyền quyết định thiết lập và duy trì quan hệ ngoại giao với một nước, công nhận hay không công nhận quốc gia mới hay chính quyền mới thông qua quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận đại sứ, quan chức đại diện của nước

ngoài tại Mỹ; quyền đàm phán và ký kết các hiệp ước, hiệp định quốc tế của Mỹ; quyền điều hành tất cả các mối quan hệ song phương và đa phương của Mỹ trên thế giới; và quyền tổng chỉ huy các lực lượng vũ trang Mỹ.

Đối với Quốc hội, với vai trò giám sát hoạt động của Chính quyền nói chung và các hoạt động trên lĩnh vực đối ngoại nói riêng, Quốc hội về cơ bản chia sẻ với Chính quyền quyền hoạch định và thực thi chính sách đối ngoại theo một số phương thức cơ bản: (i) khởi xướng và thông qua các dự án luật về đối ngoại của Mỹ (tuy nhiên để các dự án luật đã được Quốc hội thông qua trở thành luật phải có sự phê chuẩn của Tổng thống), (ii) phê chuẩn các hiệp ước và hiệp định quốc tế mà Chính quyền đã thương lượng và ký kết, (iii) chuẩn chi ngân sách cho các hoạt động đối ngoại của Mỹ, (iv) ra các nghị quyết và tuyên bố về đối ngoại.

Với những quy định rõ ràng của Hiến pháp cũng như qua quan sát thực tiễn hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ, có thể thấy Chính quyền trên thực tế thường được đánh giá có lợi thế và vai trò lớn hơn so với Quốc hội trong quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ. Trong đó, vai trò chi phối của Chính quyền được thể hiện qua việc thực hiện quyền hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Tổng thống theo một số phương thức cơ bản:

Thứ nhất, Tổng thống Mỹ có quyền phản ứng với các sự kiện đối ngoại. Tổng thống thường chủ động quyết định đối sách ban đầu đối với các sự kiện quốc tế nếu chúng được cho là có ảnh hưởng đến các lợi ích quốc gia của Mỹ. Khi quốc gia đang trong tình trạng đặc biệt (chiến tranh, thảm họa thiên nhiên, khủng hoảng xã hội...), Tổng thống được phép đưa ra quyết sách mạnh, khẩn cấp, có thể tạm trái với luật lệ nhưng phải phù hợp với lợi ích sống còn của nước Mỹ. Đây là đặc điểm thể hiện tính chủ thể tuyệt đối của Tổng thống trong mọi giai đoạn hoạch định chính sách [40; tr. 279]. Ví dụ, Tổng thống

Mỹ có thể ra lệnh can thiệp quân sự trong vòng 6 tháng mà không cần phải có sự đồng ý trước của Quốc hội Mỹ. Trong lịch sử đối ngoại của Mỹ, Quốc hội Mỹ mới chỉ 5 lần tuyên chiến trong khi có tới trên 150 cuộc can thiệp quân sự trực tiếp của Mỹ ở nước ngoài.

Thứ hai, Tổng thống Mỹ cũng có quyền khởi xướng dự luật như Quốc hội dù Hiến pháp quy định quyền lập pháp thuộc về Quốc hội. Tổng thống thực hiện quyền lập pháp của mình bằng cách bày tỏ yêu cầu, gửi kiến nghị, thông điệp và một số phương thức khác đối với những vấn đề cấp bách hoặc bằng cách sử dụng quyền phủ quyết đối với những văn bản luật do Quốc hội thông qua nhưng trái với mong muốn của Tổng thống [40; tr. 278]. Thông thường, vấn đề đối ngoại nổi bật trong những lần Tổng thống Mỹ sử dụng quyền lập pháp là việc đề xuất các chương trình viện trợ hàng năm của Mỹ cho nước ngoài.

Thứ ba, Tổng thống Mỹ có quyền thương lượng và ký kết các hiệp định quốc tế. Tuy nhiên, quyền hạn của Tổng thống trong việc thượng lượng và ký kết các hiệp định quốc tế cũng chịu sự ràng buộc bởi Quốc hội do các thỏa thuận quốc tế quan trọng, đặc biệt là các hiệp định thương mại, đều bắt buộc phải có sự phê chuẩn của Quốc hội Mỹ mới được xem là có hiệu lực tại Mỹ. Mặt khác, Tổng thống Mỹ lại có toàn quyền đối với các thỏa thuận quốc tế trên lĩnh vực hành pháp. Theo thống kê từ sau năm 1939 đến nay, tỷ lệ các thỏa thuận hành pháp do Chính quyền Mỹ ký kết với các chính phủ nước ngoài chiếm 90% tổng số các thỏa thuận quốc tế của Mỹ [135; tr. 517]. Trong đó, các thỏa thuận hành pháp mà các Chính quyền Mỹ từng ký kết có những hiệp định rất quan trọng như Hiệp định Yalta năm 1945, Hiệp định Paris về Việt Nam năm 1973 và Hiệp định giải quyết vấn đề Afghanistan năm 1988.

Thứ tư, Tổng thống Mỹ có quyền triển khai thực hiện chính sách đối ngoại. Với quyền này, Tổng thống Mỹ có thể thực hiện các luật của Mỹ về

đối ngoại theo cách giải thích của mình. Điều này có nghĩa là Tổng thống Mỹ vẫn có thể tiếp tục điều chỉnh chính sách ngay cả khi nó đã được định hình.

Thứ năm, Tổng thống Mỹ có thể ra tuyên bố chính sách đơn phương hoặc tuyên bố chung với nước ngoài. Các tuyên bố này không có tính ràng buộc pháp lý song lại có vai trò rất quan trọng trong việc phản ánh phương hướng chính sách và hành động của Mỹ.

Như vậy, những quy định trực tiếp được nêu trong Hiến pháp Mỹ về thẩm quyền, nghĩa vụ của Tổng thống và Quốc hội trong việc hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ, cùng những quy định gián tiếp dẫn tới sự ra đời và phát triển của đảng phái trong nền chính trị Mỹ đã trở thành cơ sở pháp lý vững chắc, giúp định hình vai trò tác động của nhân tố đảng phái đến chính sách đối ngoại của Mỹ. Trong đó, bên cạnh việc tạo điều kiện thuận lợi cho sự ra đời "ngoài ý muốn" của đảng phái chính trị, những quy định của Hiến pháp về quá trình bỏ phiếu để lựa chọn người đứng đầu cơ quan hành pháp, các thành viên của cơ quan lập pháp cũng như việc thông qua những quyết định chính sách trọng yếu của đất nước, đã gián tiếp tạo nền tảng để đảng phái chính trị từng bước trở tâm điểm của đời sống chính trị tại Mỹ, đóng vai trò chính yếu và có ảnh hưởng rộng lớn đến quá trình hoạch định và triển khai chính sách của Chính phủ Mỹ trên tất cả các vấn đề đối nội và đối ngoại [55; tr. 3]. Tuy nhiên, xuất phát từ tính đặc thù của quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại Mỹ, nên dù các quy định của Hiến pháp về vai trò của nhánh hành pháp và nhánh lập pháp là tương đối rõ ràng song trên thực tế, vai trò chi phối của hai nhánh quyền lực này lại không thể tách bạch và trong một số trường hợp còn có sự chồng chéo lẫn nhau.

1.2.3. Tác động của đảng phái đến các cơ quan quyền lực trong hệ thống hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ

Trên cơ sở bộ máy nhà nước được tổ chức theo nguyên tắc "tam quyền phân lập", với vai trò chi phối của nhánh hành pháp và lập pháp tới quá trình

hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ, các đảng phái chính trị đã không ngừng nỗ lực tác động vào hai nhánh quyền lực này trong giai đoạn giành, giữ và thực thi quyền lực nhà nước.

1.2.3.1. Đối với Chính quyền Mỹ

Với đặc điểm của hệ thống chính trị Mỹ vận hành theo chế độ Cộng hòa Tổng thống, trong đó Tổng thống là nguyên thủ quốc gia, có quyền lực rất lớn, là chính khách duy nhất được cử tri toàn quốc bầu, chịu trách nhiệm cả với cử tri cũng như với đảng chính trị mà mình đại diện. Tổng thống tuy không mang chức danh chính thức trong đảng nhưng trên thực tế là một trong những nhà lãnh đạo quan trọng nhất của đảng. Việc Tổng thống vừa đóng vai trò đứng đầu nhánh hành pháp, vừa là lãnh đạo đảng đã dẫn tới thực trạng quá trình hoạch định và triển khai chính sách quốc gia chịu sự chi phối mạnh bởi tư tưởng, yêu cầu của đảng và quan điểm, lợi ích của tầng lớp cử tri ủng hộ [40; tr. 279]. Sự tác động của đảng phái chính trị đến Tổng thống trong quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ xảy ra trong cả giai đoạn tranh cử và giai đoạn thực thi quyền lực nhà nước.

Ở giai đoạn bầu cử, mục tiêu và ưu tiên đối ngoại của đảng được trình bày trong bản cương lĩnh tranh cử là kết quả của quá trình đấu tranh/thỏa hiệp giữa các phái khác nhau trong đảng. Thực tiễn hoạt động trong quá trình tranh cử ở cả đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa tại Mỹ cho thấy nỗ lực vận động của ứng cử viên để được đảng chính thức đề cử đôi khi còn khó khăn hơn rất nhiều so với việc vận động để giành được sự ủng hộ của cử tri. Theo quy định, việc giành được chiến thắng trong cuộc bầu cử sơ bộ tại các địa phương có thể tạo ra ưu thế lớn song không phải là ưu thế tuyệt đối để một ứng cử viên nhận được sự đề cử chính thức của đảng. Quyết định đề cử chính thức của đảng chỉ được đưa ra tại Đại hội toàn quốc và tư cách ứng cử viên chính thức của đảng chỉ dành cho ứng cử viên nào chiến thắng tại Đại hội toàn

quốc. Nếu vòng bầu đầu tiên của Đại hội toàn quốc không mang lại kết quả thì đảng chỉ đạo Đại hội tiếp tục bầu vòng hai và thậm chí là nhiều lần tiếp theo. Thực tế này đã xảy ra vào năm 1924 khi đảng Dân chủ phải tiến hành bỏ phiếu tới 103 lần tại Đại hội toàn quốc để lựa chọn ứng cử viên Tổng thống chính thức. Chính vì vậy, những cá nhân khi trở thành ứng cử viên chính thức do đảng đề cử thường là người chịu nhiều sự chi phối của quá trình mặc cả/thương lượng giữa các phe phái khác nhau trong nội bộ đảng. Tuy nhiên, dù diễn ra dưới hình thức dân chủ song quá trình này không thực sự dân chủ và vai trò cá nhân của ứng cử viên Tổng thống đối với việc đạt được sự thống nhất trên các quyết sách của đảng về những vấn đề quan trọng trong giai đoạn này là rất lớn. Trong đó, các ứng cử viên Tổng thống thường dùng nhiều biện pháp như "cây gậy và củ cà rốt" để vừa thuyết phục, vừa cưỡng ép các lãnh tụ của đảng ủng hộ ý kiến và quan điểm của mình [13; tr. 62].

Ở giai đoạn thực thi quyền lực nhà nước, hoạt động của đảng tác động vào hành vi của Tổng thống thể hiện qua các nỗ lực bảo đảm Tổng thống với tư cách là nhà lãnh đạo hành pháp, có vai trò và quyền hạn rất lớn trong quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại, sẽ thực hiện ý chí của đảng và theo đuổi đường hướng đối ngoại đã được thống nhất ở giai đoạn trước. Theo thống kê, các ứng cử viên Tổng thống khi đắc cử đều quan tâm, chú ý thực hiện những lời cam kết với cử tri trước bầu cử và 2/3 những cam kết trong bầu cử đã trở thành luật hoặc dự luật được trình ra Quốc hội (Tham khảo Phụ lục 1).

Bên cạnh những tác động của đảng phái chính trị vào cá nhân Tổng thống, đảng phái chính trị còn có quyền hạn, vai trò và ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của Chính quyền Mỹ thông qua nỗ lực đưa người của đảng vào bộ máy chính quyền từ trung ương đến địa phương. Dù Tổng thống có thẩm quyền bổ nhiệm nhân sự vào các vị trí giúp việc và không có điều khoản pháp

lý quy định sự ràng buộc giữa Tổng thống và đảng phái chính trị trong việc tuyển lựa thành viên vào các cơ quan chính quyền, song trên thực tế, cùng với Cương lĩnh tranh cử, kế hoạch bố trí nhân sự vào các cơ quan quyền lực nhà nước là một trong những nội dung đã được dàn xếp giữa ứng cử viên Tổng thống với đảng của mình trong quá trình tranh cử.

Thực vậy, việc bố trí nhân sự vào nắm giữ những vị trí chủ chốt trong các cơ quan quyền lực nhà nước là yêu cầu hết sức quan trọng đối với mỗi đảng phái chính trị nhằm bảo đảm việc chính quyền được sử dụng phù hợp với mục đích và quyền lợi của đảng. Thông qua vai trò và quyền hạn của Tổng thống trên bàn cờ chính trị Mỹ, các đảng sẽ nỗ lực tác động vào những quyết định của Tổng thống trong việc bổ nhiệm người của đảng vào các vị trí trong Nội các, Văn phòng điều hành của Tổng thống và các chức vụ chính trị quan trọng khác trong Chính quyền. Nhờ đó, đảng phái chính trị Mỹ sẽ duy trì được ưu thế quyền lực và sự thống nhất trong đảng, bảo đảm việc hoạch định và triển khai chính sách trong quá trình Tổng thống thực thi quyền lực sẽ phù hợp với đường hướng lãnh đạo đất nước cả về đối nội và đối ngoại như đã vạch ra trong quá trình tranh cử. Trên thực tế, với vai trò quan trọng của Hội đồng An ninh Quốc gia và Bộ Ngoại giao trong quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại, chưa có trường hợp nào Tổng thống bổ nhiệm người ngoài đảng vào ví trị lãnh đạo hai cơ quan này (Tham khảo Phụ lục 2).

Tuy nhiên, xuất phát từ nhu cầu mặc cả trong quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại, ở giai đoạn đề cử, bổ nhiệm nhân sự vào các cơ quan chính quyền, dù được quyền đề cử, bổ nhiệm những quan chức hành pháp cao cấp theo ý mình, song các Tổng thống Mỹ thường không bao giờ dành toàn bộ những vị trí đó cho đảng của họ. Thay vào đó, các Tổng thống Mỹ sẽ phân bổ một số vị trí quan trọng cho thành viên đảng đối lập nhằm giữ mối quan hệ hữu nghị giữa hai đảng và để tăng ảnh hưởng của Tổng thống

trong Quốc hội. Trong khi đó, các thành viên của đảng đối lập nếu làm tốt cũng sẽ góp phần nâng cao uy tín, vị thế của đảng mình, tạo tiền đề có lợi cho những cuộc bầu cử tiếp theo.

1.2.3.2. Đối với Quốc hội Mỹ

Cơ cấu tổ chức và thủ tục thông qua các điều luật ở cả hai viện Quốc hội Mỹ đều được thực hiện trên cơ sở phân chia về mặt đảng phái chính trị. Vai trò của các nghị sỹ tại Quốc hội, đặc biệt là những nghị sỹ đảm nhận vị trí lãnh đạo là đặc biệt quan trọng trong việc bảo đảm đường hướng lãnh đạo và đề xuất chính sách của đảng được thực thi. Chính vì vậy, cùng với các nỗ lực tác động vào quá trình Tổng thống lựa chọn và bổ nhiệm nhân sự vào các cơ quan hành pháp, đảng phái chính trị tại Mỹ còn hoạt động rất tích cực để bảo đảm các vị trí quan trọng tại Quốc hội đều do người của đảng nắm giữ.

Quá trình này được chia làm hai giai đoạn tương tự như các nỗ lực của đảng phái chính trị để giành quyền kiểm soát bộ máy hành pháp. Trong đó, ở giai đoạn tranh cử, đảng phái chính trị Mỹ thực hiện chức năng hỗ trợ các ứng cử viên về tài chính, thông tin, tổ chức vận động, quảng cáo cho các ứng cử viên... Sau đó, ở giai đoạn thực thi quyền lực nhà nước, đảng phái chính trị Mỹ tìm cách tác động thông qua các nghị sỹ Quốc hội là thành viên của đảng để hiện thực hóa phương hướng mà đảng đề ra dưới hình thức luật hóa, đề xuất dự thảo luật để phản ánh nhu cầu của nhóm cử tri mà họ đại diện [13; tr. 87].

Bên cạnh nỗ lực tác động vào quá trình hoạch định chính sách đối ngoại thông qua việc bổ nhiệm nhân sự vào các nhánh cơ quan quyền lực riêng biệt, các đảng phái chính trị Mỹ còn hoạt động rất tích cực để tạo nên một sự liên kết quan trọng giữa bộ máy hành pháp và lập pháp khi các Tổng thống kêu gọi sự hợp tác giữa các nhà lãnh đạo đảng của họ tại Quốc hội. Trong trường hợp đó, các bộ phận bên trong đảng đã tạo nên một chiếc cầu nối liền "tam quyền phân lập" với mục tiêu chung là giành lợi thế về chính trị trong quá

trình hoạch định và triển khai chính sách [54; tr. 290]. Chính vì vậy, hai đảng Dân chủ và Cộng hòa trên thực tế luôn nỗ lực tích cực đóng vai trò điều phối hoạt động trên chính trường Mỹ để bảo đảm việc thông qua các chính sách đối ngoại được thuận lợi về mặt pháp lý, cũng như thu hẹp bất đồng giữa hai chủ thể chủ chốt trong quá trình hoạch định chính sách là Chính quyền và Quốc hội Mỹ khi hai cơ quan quyền lực này cùng do đảng nắm giữ.

1.3. Nền tảng quan điểm đối ngoại của đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa

Trong ba chủ thuyết lớn[9] giải thích về sự vận hành của thế giới và cách thức các quốc gia theo đuổi lợi ích cũng như xác lập vị thế trong hệ thống quan hệ quốc tế, chủ thuyết tự do ra đời từ các cuộc cách mạng tư sản ở các nước phương Tây và được xem là nền tảng cơ bản, có ảnh hưởng chi phối mang tính định hình hệ quan điểm của các nước phương Tây trong việc xử lý những vấn đề đối ngoại [104; tr. 99]. Tuy nhiên, khác với các cuộc cách mạng tư sản ở Anh và Pháp, Cách mạng tư sản Mỹ là cuộc đấu tranh đòi độc lập của 13 bang thuộc địa chống lại mẫu quốc, nên chủ thuyết tự do ở Mỹ không thể hiện tình trạng xung đột giữa các giai cấp trong xã hội như chủ thuyết tự do được phát triển tại Anh và Pháp [107; tr. ix].

Trên thực tế, chủ thuyết tự do tại Mỹ là tập hợp các luận điểm nhấn mạnh vào quyền tự do của mỗi cá nhân trên ba khía cạnh là (i) Tự do dân chủ của người dân về mặt chính trị, (ii) Tự do theo đuổi nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, và (iii) Tự do nắm giữ niềm tin tôn giáo theo tín ngưỡng của đạo Tin lành [104; tr. 33]. Do được xây dựng trên nền tảng cơ bản của chủ thuyết tự do, các quyết sách đối ngoại của Mỹ qua nhiều thời kỳ đều phản ánh mong muốn của người Mỹ trong việc theo đuổi một cuộc sống tự do, dân chủ và chống lại những lực cản đe dọa mong ước này của họ thông qua các nỗ lực thúc đẩy dân chủ dựa trên quyền tự do chính trị của người dân, mở rộng thịnh

[9] Gồm: Chủ thuyết tự do, Chủ thuyết Cộng sản và Chủ thuyết Phát xít.

vượng trên nền tảng quyền sở hữu cá nhân về của cải vật chất và tự do theo đuổi niềm tin tín ngưỡng tôn giáo của mỗi tín đồ.

1.3.1. Chủ thuyết tự do và tư tưởng đối ngoại của người Mỹ

Mặc dù có sự đồng nhất trong cách thức người Mỹ nhìn nhận về sự vận hành của thế giới dưới lăng kính của chủ thuyết tự do, song bên trong dòng chảy chính của chủ thuyết này cũng tồn tại sự phân rẽ giữa hai trường phái tự do và trường phái bảo thủ, thể hiện những sắc thái quan điểm khác nhau của người Mỹ về cách thức nước Mỹ nên ứng xử với thế giới bên ngoài. Theo đó, sự phân chia chủ thuyết tự do vốn có ảnh hưởng mạnh mẽ tới hệ quan điểm của người Mỹ thành hai nhánh tự do và nhánh bảo thủ xuất phát từ tình trạng không đồng nhất về nguồn gốc lịch sử, nền tảng văn hóa và trình độ học vấn của các bộ phận dân cư ở những vùng miền khác nhau trên khắp nước Mỹ.

Khi tìm hiểu về những đặc điểm dẫn tới sự khác biệt giữa những người theo trường phái tự do và những người theo trường phái bảo thủ, các học giả đã xác định nhóm ba yếu tố cơ bản ảnh hưởng tới quá trình hình thành quan điểm chính trị của người Mỹ: Thứ nhất, về nhu cầu nhận thức, những người theo trường phái bảo thủ có thiên hướng suy nghĩ đơn giản và khép kín, đề cao tính ổn định trong tư duy và lập luận trên các vấn đề; trong khi những người theo trường phái tự do lại có xu hướng khám phá, tìm hiểu những kinh nghiệm mới lạ trong cuộc sống và luôn đề cao nhu cầu phát triển nhận thức và tư duy. Thứ hai, về nhu cầu sinh tồn, ý niệm về những mối đe dọa xung quanh tới cuộc sống của những người bảo thủ thường rõ ràng và mạnh mẽ hơn so với những người tự do, vì vậy những người bảo thủ luôn đề cao khía cạnh an ninh, an toàn trong khi những người tự do có thiên hướng ưa thích phiêu lưu và ít chú trọng tới khía cạnh an ninh. Thứ ba, về nhu cầu quan hệ xã hội, do thiên hướng khép kín trong tư duy và nêu cao khía cạnh an ninh, an toàn, những người bảo thủ chủ trương thúc đẩy tinh thần đoàn kết và trung thành

trong tập thể cũng như xu hướng hạn chế việc mở rộng quan hệ với các nhóm khác. Trong khi đó, tinh thần gắn kết trong các mối quan hệ xã hội của những người tự do được đánh giá là yếu hơn và với xu hướng luôn tìm tòi những điều mới mẻ, những người tự do thường có thái độ cởi mở và sẵn sàng chấp nhận những mối quan hệ xã hội mới [123].

Chính vì vậy, dù chịu ảnh hưởng bởi các tư tưởng cơ bản của chủ thuyết tự do về việc thúc đẩy dân chủ, mở rộng thịnh vượng và bảo đảm tự do tôn giáo, hai trường phái tự do và trường phái bảo thủ chỉ chia sẻ về tầm quan trọng của vấn đề tự do tôn giáo do xuất phát từ sự tương đồng trong nguồn gốc tôn giáo, nhưng không có tiếng nói đồng nhất về tầm quan trọng giữa việc ưu tiên thúc đẩy dân chủ hay ưu tiên thúc đẩy thịnh vượng cũng như có nhiều khác biệt về cách thức xử lý các mối quan hệ đối ngoại.

Những khác biệt trong quan điểm về tầm quan trọng của dân chủ và thịnh vượng, giữa thái độ hoài nghi và tin tưởng vào bản chất tốt đẹp của con người, giữa chủ trương đề cao khía cạnh hợp tác hay nhấn mạnh khía cạnh an ninh và sở hữu cá nhân trong các mối quan hệ xã hội, đã dẫn tới sự chia rẽ giữa hai trường phái tự do và trường phái bảo thủ trên lĩnh vực đối ngoại, trong cuộc tranh luận xung quanh các vấn đề cơ bản như: (i) Nước Mỹ có nên tham gia vào việc giải quyết các vấn đề của thế giới hay không; (ii) Nếu nước Mỹ tham gia vào việc giải quyết các vấn đề của thế giới, vậy nước Mỹ nên lựa chọn cách thức phối hợp với các nước hay đơn phương hành động để đạt được những mục tiêu chính sách đề ra; (iii) Công cụ hiệu quả nhất để nước Mỹ đạt được mục tiêu đề ra khi tham dự vào công việc của thế giới là thông qua kênh ngoại giao hay sử dụng vũ lực; và (iv) Việc tham gia của nước Mỹ vào giải quyết các công việc của thế giới là nhằm đạt mục tiêu an ninh - kinh tế hay nhằm truyền bá các giá trị dân chủ, thúc đẩy nhân quyền và tự do tôn giáo ở các nơi trên thế giới [104; tr. 99].

Thứ nhất, để trả lời câu hỏi về việc nước Mỹ có nên tham gia vào quá trình giải quyết các vấn đề của thế giới hay không, giữa hai trường phái tự do và bảo thủ có cách lý giải khác nhau và chủ trương theo đuổi đường hướng chính sách khác nhau. Được thôi thúc bởi nhu cầu khám phá những điều mới mẻ và không quá chú trọng tới khía cạnh an ninh, những người theo trường phái tự do cho rằng chính sách đối ngoại của nước Mỹ cần phải mang tính chủ động và cần tích cực can dự vào việc giải quyết các công việc của thế giới. Vì vậy, họ chủ trương thúc đẩy nước Mỹ đóng vai trò lớn hơn và tham gia sâu hơn vào các mối quan hệ quốc tế. Đại diện tiêu biểu cho tư tưởng này là Tổng thống Dân chủ Woodrow Wilson với đề xuất Chương trình 14 điểm ngày 8/1/1918. Đề xuất chính sách của Tổng thống Wilson được đánh giá là dấu mốc lịch sử thể hiện sự thay đổi quan trọng về đường hướng chính sách đối ngoại của Mỹ từ chủ nghĩa đơn phương, biệt lập sang xu hướng chủ động can dự quốc tế [125; tr. 49].

Trong khi đó, xuất phát từ nhu cầu an ninh và không muốn tạo ra những thay đổi ngoài khả năng kiểm soát, những người bảo thủ lại theo đuổi lập trường cho rằng nước Mỹ không nên can dự hay can dự quá sâu vào công việc của thế giới. Với thiên hướng khép kín, họ chủ trương thúc đẩy chính sách đối ngoại theo hướng biệt lập hoặc phản đối sự can dự của nước Mỹ vào các vấn đề của thế giới bên ngoài. Do đó, trước đề xuất về Chương trình 14 điểm của Tổng thống Wilson, các nghị sỹ đảng Cộng hòa như Thượng nghị sỹ Robert Taft hay Thượng nghị sỹ Arthur Valdenburg đều bày tỏ lập trường phản đối kịch liệt [94; tr. 47].

Thứ hai, nếu nước Mỹ buộc phải can dự vào việc giải quyết các vấn đề thế giới, vậy cách thức nước Mỹ nên can dự như thế nào cũng tạo ra sự chia rẽ giữa hai trường phái quan điểm tự do và bảo thủ, giữa một bên chủ trương theo đuổi chủ nghĩa đa phương và một bên theo đuổi chủ nghĩa đơn phương.

Vốn có niềm tin vào bản chất của con người, những người tự do cho rằng về cơ bản bản chất của con người là tốt đẹp nên họ chủ trương thúc đẩy sự hợp tác của nước Mỹ với các nước trên thế giới, họ kêu gọi các nước cùng tiến hành những hành động tập thể để theo đuổi mục tiêu tốt đẹp chung [104; tr. 39]. Theo đó, về đối ngoại, nước Mỹ nên hành động như một đối tác đáng tin cậy trong cộng đồng quốc tế, phối hợp với các quốc gia khác thông qua dàn xếp hợp tác để xử lý các vấn đề quốc tế phát sinh [205; tr. 20]. Ngược lại, như đã đề cập, những người theo trường phái bảo thủ lại có quan điểm cho rằng bản chất con người tất yếu là xấu xa, nên họ luôn tràn đầy sự hoài nghi cho rằng luôn tồn tại sự cạnh tranh giữa các cá nhân hay giữa những nhóm người với nhau. Chính vì vậy, nếu nước Mỹ phải tham gia vào việc xử lý các vấn đề của thế giới, phe bảo thủ thường có xu hướng theo đuổi hành động đơn phương hơn là phối hợp hay tham vấn với quốc gia khác.

Thứ ba, trong quá trình tham gia giải quyết các công việc của thế giới, nước Mỹ nên sử dụng sức mạnh ngoại giao hay nêu cao việc sử dụng vũ lực cũng tạo nên những tranh cãi gay gắt giữa hai trường phái tự do và bảo thủ. Xuất phát từ niềm tin về khả năng hợp tác với các quốc gia khác trong việc xử lý những vấn đề quốc tế như đã nêu, những người tự do thường lựa chọn con đường ngoại giao để thuyết phục, thương lượng, mặc cả, trong khi phe bảo thủ luôn nêu cao việc sử dụng sức mạnh như là công cụ hữu hiệu nhất để theo đuổi mục tiêu cuối cùng. Nói cách khác, trong việc lựa chọn giữa "cây gậy và củ cà rốt", những người tự do thường dùng củ cả rốt còn cây gậy là công cụ ưa thích của những người theo trường phái bảo thủ.

Thứ tư, do cả hai trường phái tự do và bảo thủ đều thừa nhận sự hạn chế về khả năng của nước Mỹ khi can dự vào việc xử lý công việc của thế giới trong bối cảnh tồn tại vô vàn những vấn đề phức tạp đòi hỏi sự can dự của nước Mỹ, nên họ cho rằng nước Mỹ cần ưu tiên lựa chọn những vấn đề có lợi

ích để can dự. Tuy nhiên, xuất phát từ sự khác biệt trong quan điểm cốt lõi về mối quan hệ giữa dân chủ và thịnh vượng như đã trình bày, giữa hai trường phái tự do và bảo thủ đã nảy sinh tình trạng xung đột quanh quyết định ưu tiên lựa chọn vấn đề cần can dự trong chính sách đối ngoại của Mỹ và sự chia rẽ đó đã dẫn tới hai chiều hướng chính sách theo chủ nghĩa lý tưởng và chủ nghĩa hiện thực. Theo đó, chủ nghĩa hiện thực khuyến khích việc can dự vào công việc của nước khác nhằm bảo đảm lợi ích quốc gia của nước Mỹ vì lợi ích kinh tế và an ninh, trong khi chủ nghĩa lý tưởng cho rằng việc Mỹ can dự vào công việc của nước khác nhằm mục đích thúc đẩy các giá trị dân chủ, nhân quyền. Trong đó, chủ nghĩa lý tưởng cũng được phân chia thành nhiều nhánh nhỏ hơn, dựa trên mục đích của việc can dự là đấu tranh chống đói nghèo, bệnh tật (chủ nghĩa lý tưởng nhân đạo), nhằm mục tiêu thúc đẩy dân chủ, nhân quyền (chủ nghĩa lý tưởng chính trị) hay bảo vệ quyền tự do tôn giáo (chủ nghĩa lý tưởng tôn giáo[10]) [104; tr. 115].

Mặc dù sự chia rẽ trong quan điểm trên các vấn đề cơ bản trong cuộc tranh luận về mục tiêu, cách thức và công cụ để nước Mỹ tham gia vào việc giải quyết các công việc của thế giới giữa hai phái tự do và bảo thủ là tương đối rõ ràng như đã trình bày, song trên thực tế, không phải tất cả những người theo quan điểm tự do đều phản đối ý tưởng của những người theo quan điểm bảo thủ và ngược lại. Giữa hai nhóm này cũng tồn tại sự chia sẻ, thậm chí thống nhất quan điểm trên vấn đề thúc đẩy tự do tôn giáo [104; tr. 109], dù nguyên nhân dẫn tới sự ủng hộ của họ là không hoàn toàn đồng nhất. Theo đó, trước thực trạng các tín đồ Thiên Chúa giáo đang phải chịu sự đàn áp ở nhiều nơi trên thế giới, những người bảo thủ kêu gọi việc bảo đảm tự do tôn giáo xuất phát từ lý do thuần tôn giáo trong khi những người tự do lại nhìn nhận vấn đề dưới lăng kính nhân đạo [104; tr. 115].

[10] Tiếng Anh: Humanitarian Idealism, Poltical Idealism, Religious Idealism.

Như vậy, cùng với những chuyển biến trong đời sống kinh tế - xã hội tại Mỹ, sự ra đời của hai trường phái tư tưởng tự do và bảo thủ trên vấn đề đối ngoại cũng góp phần làm cho sự chia rẽ mang tính đảng phái trong nền chính trị Mỹ trở nên gay gắt hơn. Trong đó, những người theo quan điểm tự do dần trở thành đội ngũ nòng cốt trong đảng Dân chủ và những người theo quan điểm bảo thủ lại gia nhập vào hàng ngũ của đảng Cộng hòa [94; tr. 27].

1.3.2. Nền tảng quan điểm đối ngoại của đảng Dân chủ

Với nguồn gốc là những người ủng hộ Ngoại trưởng Thomas Jefferson[11], đường hướng đối ngoại mà đảng Dân chủ theo đuổi chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi tư tưởng đối ngoại của trường phái tự do, với mục tiêu xuyên suốt là thúc đẩy dân chủ trên toàn thế giới. Tuy nhiên, ngay bên trong nội bộ đảng Dân chủ, giữa những người chủ trương theo đuổi tư tưởng đối ngoại của trường phái tự do cũng tồn tại sự chia rẽ giữa một bên là quan điểm thiên tả (kêu gọi việc xây dựng mô hình dân chủ kiểu mẫu để các nước khác noi theo) với một bên là quan điểm trung tả (chủ trương áp đặt mô hình dân chủ Mỹ lên các quốc gia khác). Sự chia rẽ này nảy sinh dưới tác động của những chuyển biến trong nhận thức của trường phái tự do về sức mạnh của Mỹ cũng như bối cảnh tình hình quốc tế. Ở giai đoạn đầu sau khi lập quốc, trong bối cảnh nước Mỹ là một nhà nước cộng hòa non trẻ, cách thức thúc đẩy dân chủ trong các đề xuất đối ngoại của đảng Dân chủ chủ yếu tập trung vào nỗ lực xây dựng nền dân chủ Mỹ thành một mô hình kiểu mẫu trên thế giới dưới hình ảnh "thành phố trên ngọn đồi"[12] [157]. Sau đó, những thay đổi trong tương quan lực lượng trên chính trường quốc tế vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đã dẫn tới những chuyển biến trong đường hướng đối ngoại từ xu hướng chủ

[11] Từng đảm nhận chức vụ công sứ tại Pháp trong giai đoạn đầu của cuộc Cách mạng tư sản Pháp, chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của trào lưu tư tưởng Khai sáng, tư tưởng và quan điểm chính trị của Ngoại trưởng Thomas Jefferson phát triển theo thiên hướng tự do cấp tiến, đề cao vai trò của việc xây dựng nền dân chủ mạnh mẽ trong xã hội và chủ trương cho rằng một xã hội dân chủ thực sự sẽ là nền tảng giúp củng cố và mở rộng sự phát triển thịnh vượng của nền kinh tế.

[12] Tiếng Anh: City upon a hill.

nghĩa biệt lập truyền thống sang theo đuổi chủ nghĩa quốc tế [152; tr. 8], cùng với đó là sự chuyển dịch lập trường của trường phải tự do theo hướng nước Mỹ cần chủ động đảm đương trọng trách phổ biến và thúc đẩy mô hình dân chủ kiểu Mỹ ra thế giới bên ngoài.

Trên cơ sở nhìn nhận nền dân chủ là "một cái cây yếu ớt, rất khó để gieo trồng và còn khó hơn trong việc nuôi dưỡng" cùng lập luận cho rằng việc thiết lập nền dân chủ ở một quốc gia luôn là thách thức với chính quốc gia đó [153; tr. 182], phái thiên tả trong đảng Dân chủ nhấn mạnh quan điểm cho rằng cách tốt nhất để nước Mỹ có thể đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của nhân loại là củng cố nền dân chủ trong nước và trở thành mô hình dân chủ điển hình để các nước khác noi theo. Đồng thời, phái thiên tả không đồng tình với phương thức "xuất khẩu cách mạng" thông qua việc áp đặt mô hình dân chủ Mỹ lên nước khác của phái trung tả. Với lập luận cho rằng chiến tranh sẽ làm cho ngân sách tăng mạnh, dẫn tới những bất ổn nội bộ, đe dọa tới sự ổn định của nền dân chủ ngay tại nước Mỹ, phái thiên tả phản đối mạnh mẽ việc nước Mỹ tiến hành hoặc tham gia vào các cuộc chiến tranh. Họ hoàn toàn không mong muốn sử dụng vũ lực và trong trường hợp phải đối mặt với các quốc gia có hành vi gây hấn, lựa chọn mà những người ủng hộ phái này ưa thích là các lệnh trừng phạt kinh tế [153; tr. 187]. Đồng thời, những người thiên tả cũng chủ trương giảm cam kết quốc tế trên lĩnh vực an ninh quân sự dù phục vụ cho lợi ích kinh tế hay nhằm thực hiện sứ mệnh truyền bá dân chủ, nhân quyền ở bên ngoài. Trong cuộc tranh luận về việc nước Mỹ cần phải thể hiện vai trò chủ động và tích cực hơn trên chính trường thế giới, phái thiên tả cho rằng đường hướng chính sách đối ngoại của nước Mỹ cần tập trung vào khía cạnh mở rộng hợp tác quốc tế theo hướng đa phương, củng cố vai trò của các tổ chức, thể chế đa phương và quốc tế để cùng chia sẻ trách nhiệm xử lý những thách thức toàn cầu (đói nghèo, dịch bệnh, thiên tai) vốn

là các mối đe dọa tiềm tàng tới sự thành công trong việc củng cố và xây dựng nền dân chủ ở từng quốc gia [154; tr. 60].

Trong khi đó, dù không thành công trong việc thuyết phục Quốc hội Mỹ thông qua đề xuất thành lập Hội quốc liên năm 1918, song những ý tưởng về một thế giới tự do dựa trên các nỗ lực thúc đẩy dân chủ và thịnh vượng mạnh mẽ của Tổng thống Woodrow Wilson lại gây được sự chú ý và trở thành một trong những trường phái tư tưởng đối ngoại có ảnh hưởng lớn trên chính trường Mỹ trong thế kỷ XX [202]. Những người tự do ủng hộ các quan điểm đối ngoại của trường phái này đã tập hợp thành phái trung tả trong đảng Dân chủ. Họ tin tưởng rằng nước Mỹ có quyền và có sứ mệnh đấu tranh để những nền tảng cơ bản của cuộc Cách mạng tư sản Mỹ về tư tưởng tự do, dân chủ được lan rộng ra khắp các quốc gia trên thế giới. Do đó, họ chủ trương theo đuổi chính sách đối ngoại thể hiện quyền và nghĩa vụ của nước Mỹ trong việc thay đổi hành vi ứng xử của các quốc gia khác, thông qua trách nhiệm thúc đẩy và truyền bá tư tưởng dân chủ trên toàn thế giới. Để bảo đảm hoàn thành sứ mệnh thay đổi thế giới theo hướng thiết lập các nền dân chủ tại khắp các quốc gia trên thế giới, họ kêu gọi chính phủ Mỹ sử dụng ảnh hưởng và các công cụ cần thiết để thúc đẩy nhân quyền ở những nước đang phát triển và can dự mạnh mẽ vào các quốc gia mà họ cho rằng thiếu dân chủ, nhằm khuyến khích những nước này phát triển theo hướng mà họ mong muốn [153; tr. 132]. Phái trung tả ủng hộ việc nước Mỹ theo đuổi chủ nghĩa quốc tế nhằm thiết lập một trật tự thế giới dựa trên các nguyên tắc cơ bản của chính phủ dân chủ và bảo vệ nhân quyền. Trong quá trình đó, hợp tác với các quốc gia dân chủ là phương cách hữu hiệu để đạt được mục tiêu đề ra, song những người trung tả cũng sẵn sàng sử dụng vũ lực (khi cần thiết) để chống lại những quốc gia gây chiến, đe dọa tới trật tự quốc tế mà họ thiết lập [153; tr. 168]. Quan điểm này của phái trung tả nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ và trở thành quan

điểm có ảnh hưởng mang tính chi phối tới các đề xuất chính sách đối ngoại của đảng Dân chủ từ sau Chiến tranh Thế giới I [154; tr. 60]. Ngoài đại diện nổi bật là Tổng thống đảng Dân chủ Woodrow Wilson, những người ủng hộ mạnh mẽ cách tiếp cận chính sách đối ngoại của nước Mỹ theo hướng này có Tổng thống John F. Kennedy và Tổng thống Bill Clinton.

1.3.3. Nền tảng quan điểm đối ngoại của đảng Cộng hòa

Như đã đề cập, đảng Cộng hòa ra đời trên cơ sở kế thừa những quan điểm chính sách của đảng Whig, tập trung phản đối mọi đề xuất chính sách của đảng Dân chủ. Vì vậy, tập hợp các quan điểm chính sách của đảng Cộng hòa chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ tư tưởng của những người liên bang ủng hộ Bộ trưởng Tài chính Alexander Hamilton, chủ yếu hướng tới lợi ích an ninh, kinh tế của giới thương nhân giàu có. Theo đó, với lập trường ủng hộ chính sách thân Anh, ưu tiên phục vụ lợi ích an ninh và thương mại, quan điểm đối ngoại của những người liên bang ủng hộ Hamilton nói chung và của đảng Cộng hòa nói riêng đều phản ánh các luận điểm then chốt của trường phái bảo thủ trong chủ thuyết tự do, với mục tiêu hàng đầu là thúc đẩy lợi ích an ninh và kinh tế của Mỹ trong xử lý các vấn đề đối ngoại.

Tuy nhiên, không phải tất cả những người có tư tưởng bảo thủ bên trong đảng Cộng hòa đều ủng hộ việc thúc đẩy các lợi ích an ninh, kinh tế của Mỹ thông qua các biện pháp thúc đẩy quan hệ thương mại với thế giới bên ngoài. Bên trong đảng Cộng hòa cũng xuất hiện tình trạng chia rẽ giữa phái bảo thủ ôn hòa với phái bảo thủ cực hữu. Trong đó, những người bảo thủ ôn hòa có đường hướng đối ngoại chịu ảnh hưởng sâu sắc từ tư tưởng đối ngoại của Bộ trưởng Tài chính Hamilton, chủ trương thúc đẩy lợi ích kinh tế của Mỹ thông qua việc áp đặt mô hình kinh tế tư bản chủ nghĩa nhằm hướng tới việc thiết lập một trật tự kinh tế toàn cầu. Trong khi phái bảo thủ cực hữu lại cho rằng nước Mỹ nên tập trung mọi nguồn lực để củng cố sự thịnh vượng kinh tế

trong nước cũng như tiềm lực quân sự vững mạnh để ứng phó với mọi thách thức có thể nảy sinh. Chủ trương đối ngoại mang đậm tư tưởng của chủ nghĩa dân tộc và ở mức độ cực đoan, họ kêu gọi nước Mỹ nên tiếp tục theo đuổi đường hướng chính sách biệt lập, không tham gia vào các công việc của thế giới bên ngoài.

Trên nền tảng quan điểm của Hamilton, cho rằng lợi ích thương mại và công nghiệp là những động lực quan trọng giúp thúc đẩy tiến bộ trên thế giới [2; tr. 125-128], trong đó sự liên kết chặt chẽ giữa chính phủ với cộng đồng doanh nghiệp là yếu tố đóng vai trò then chốt, có tác động quan trọng đối với trạng thái ổn định trong nước và khả năng triển khai hiệu quả hành động ở bên ngoài, phái bảo thủ ôn hòa chủ trương kêu gọi chính phủ Mỹ thúc đẩy lợi ích và ủng hộ quyền lợi của giới thương nghiệp Mỹ trong quan hệ với các quốc gia bên ngoài. Đường hướng đối ngoại mà họ theo đuổi chủ yếu nhằm thúc đẩy các biện pháp mở rộng thương mại và tìm kiếm thị trường mới cho hàng hóa của Mỹ [153; tr. 105]. Theo đó, trên cơ sở niềm tin cho rằng mối quan hệ thương mại chặt chẽ giữa các quốc gia là nguồn gốc của hòa bình trên thế giới, phái này tập trung nêu bật sự cần thiết của mỗi quốc gia trong việc tham gia vào nền kinh tế toàn cầu dựa trên những điều khoản có lợi cho quốc gia đó và họ chủ trương thúc đẩy chủ nghĩa quốc tế, thiết lập một trật tự kinh tế toàn cầu để tạo thuận lợi cho tự do thương mại nhằm phục vụ cho lợi ích kinh tế của nước Mỹ trong các mối quan hệ với các quốc gia khác.

Để bảo đảm an ninh cho hệ thống thương mại toàn cầu, phái này ủng hộ việc thiết lập các liên minh quân sự giữa Mỹ và các quốc gia trên thế giới. Hơn nữa, trong điều kiện biệt lập về mặt địa lý so với các quốc gia Châu Âu và Châu Á, vấn đề bảo đảm tự do hàng hải được những người bảo thủ ôn hòa đặc biệt coi trọng và được xác định là một trong những lợi ích quốc gia quan trọng nhất của Mỹ. Do đó, phái này ủng hộ việc duy trì một nền quân sự mạnh mẽ,

tập trung mọi nỗ lực cần thiết để xây dựng một lực lượng hải quân hùng mạnh trên mặt biển, nhằm bảo đảm quyền tự do đi lại của mọi công dân, hàng hóa và tàu bè Mỹ tới khắp nơi trên thế giới vì lợi ích giao thương hòa bình.

Chịu ảnh hưởng bởi tư tưởng bảo thủ, phái bảo thủ cực hữu chia sẻ với phái bảo thủ ôn hòa về tầm quan trọng của việc mở rộng thịnh vượng. Tuy nhiên, do không chịu ảnh hưởng bởi các tư tưởng được hình thành trong kỷ nguyên Khai sáng, nền tảng hình thành quan điểm của phái bảo thủ cực hữu là những luận điểm cơ bản của chủ nghĩa dân túy trên cơ sở đề cao tính ràng buộc về danh dự và phẩm giá giữa các cá nhân trong một cộng đồng cố kết. Vì vậy, trong quan hệ của nước Mỹ với các quốc gia bên ngoài, phái bảo thủ cực hữu nêu cao tinh thần dân tộc, xác định nước Mỹ là một dân tộc gắn kết chặt chẽ bởi các yếu tố lịch sử, văn hóa và các giá trị đạo đức chung [153; tr. 231]. Hơn nữa, xuất phát từ nguyên tắc đề cao tính ràng buộc về phẩm giá và danh dự, những người bảo thủ cực hữu luôn kêu gọi nước Mỹ phải có trách nhiệm thực hiện những gì đã cam kết trong quan hệ đối ngoại. Do đó, nhằm tránh tình trạng nước Mỹ không thể thực hiện được cam kết quốc tế, ảnh hưởng tới danh tiếng và hình ảnh quốc tế của Mỹ, phái này hoàn toàn không ủng hộ chủ trương can dự, dù vì mục đích nhân đạo, của phái phái tự do trung tả cũng như phản đối việc theo đuổi chủ nghĩa quốc tế nhằm xây dựng một trật tự thương mại toàn cầu của phái bảo thủ ôn hòa [153; tr. 262].

Về quan hệ kinh tế với bên ngoài, trên cơ sở chủ nghĩa dân túy, xuất phát từ quan điểm khẳng định mục đích tồn tại của chính phủ là nhằm bảo vệ cuộc sống của tầng lớp trung lưu, phái bảo thủ cực hữu chủ trương thực hiện chính sách bảo hộ nhằm bảo đảm đặc quyền thương mại cho hàng hóa Mỹ ở thị trường nước ngoài trong khi hạn chế đặc quyền này với hàng hóa của nước khác trên thị trường Mỹ. Đối với họ, trách nhiệm hàng đầu của Chính phủ Mỹ trong việc theo đuổi các chính sách kinh tế - thương mại là bảo vệ công ăn

việc làm cho người dân Mỹ bằng mọi biện pháp, dù phải áp dụng các công cụ phi kinh tế.

Như vậy, phái bảo thủ cực hữu nêu cao quan điểm cho rằng mục tiêu quan trọng nhất của Chính phủ Mỹ trong việc theo đuổi chính sách đối nội và chính sách đối ngoại là bảo đảm an ninh thực sự và duy trì tình trạng kinh tế hùng hậu cho mọi người dân Mỹ. Theo đó, dù theo đuổi ưu tiên kinh tế và an ninh, song do đề cao lợi ích quốc gia và tinh thần dân tộc, phái bảo thủ cực hữu chủ trương giảm cam kết quốc tế cả trên lĩnh vực quân sự và ngoại giao và đôi khi có xu hướng theo đuổi chủ nghĩa biệt lập. Họ theo đuổi các đề xuất chính sách nhằm tập trung mọi nguồn lực để xây dựng nước Mỹ thành hình mẫu của sự thịnh vượng.

Tiểu kết

Cho tới nay, chưa có công trình nghiên cứu độc lập, phân tích toàn diện về mối quan hệ giữa đảng phái chính trị và chính sách đối ngoại của một quốc gia dù từ góc độ phân tích chính sách đối ngoại hay phân tích về đảng phái chính trị. Nếu dựa trên cách tiếp cận phân tích chính sách đối ngoại, tác động của đảng phái chính trị đến quyết sách đối ngoại của mỗi quốc gia được xem xét dưới góc độ phân tích về quá trình đấu tranh/thỏa hiệp giữa các đảng phái đặt trong bối cảnh chính trị nội bộ ở mỗi nước. Trong khi theo cách tiếp cận phân tích về đảng phái chính trị, tác động của nhân tố đảng phái đến chính sách đối ngoại của quốc gia lại được nhìn nhận dưới góc độ phân tích về mục tiêu của đảng phái chính trị trong hệ thống. Theo đó, là một bộ phận cấu thành chính sách công, chính sách đối ngoại vừa đóng vai trò phản ánh hệ tư tưởng, quan điểm và giá trị mà đảng chính trị theo đuổi, vừa là công cụ hay phương tiện để đảng phái chính trị giành quyền kiểm soát các cơ quan quyền lực trong hệ thống chính trị. Như vậy, dựa trên các giả định được đưa ra theo hai hướng

phân tích trên, ta có thể phân tích về tác động của nhân tố đảng phái đến chính sách đối ngoại của một quốc gia thông qua việc phân tích hai yếu tố: vai trò của đảng phái chính trị trong hệ thống hoạch định chính sách đối ngoại của quốc gia đó, và quan điểm đối ngoại của các đảng phái chính trị trong hệ thống.

Trên cơ sở đó, qua nghiên cứu về quá trình ra đời, phát triển và hoạt động của các đảng phái chính trị trong hệ thống chính trị Mỹ, có thể thấy bên cạnh mục tiêu tác động vào các chính sách kinh tế - xã hội, sự vận hành của các đảng phái chính trị trong hệ thống chính trị Mỹ còn nhằm theo đuổi mục tiêu tác động vào việc định hình và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ. Trong quá trình này, hoạt động của các đảng phái chính trị diễn ra mạnh mẽ ở cả giai đoạn tranh cử, giành quyền kiểm soát các cơ quan quyền lực nhà nước cũng như ở giai đoạn thực thi quyền lực nhà nước, thông qua nỗ lực tác động vào các chủ thể của hệ thống hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ, cụ thể là Chính quyền và Quốc hội Mỹ.

Bên cạnh đó, kể từ sau khi ra đời và dần trở thành hai chính đảng lớn nhất tại Mỹ, hoạt động của đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa ngày càng đóng vai trò quan trọng và có tác động chi phối mạnh mẽ tới nhiều quyết sách đối ngoại chính yếu của nước Mỹ. Trong đó, do chịu ảnh hưởng bởi hai trường phái tư tưởng tự do và trường phái tư tưởng bảo thủ của chủ thuyết tự do, các đề xuất chính sách và ưu tiên đối ngoại mà hai đảng theo đuổi cũng có sự khác biệt dù cùng chia sẻ mục tiêu chung là bảo đảm tối đa lợi ích quốc gia của nước Mỹ.

Như vậy, trên cơ sở phân tích những khác biệt trong quan điểm đối ngoại của hai đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa, cũng như các nguyên tắc hoạt động cơ bản của hệ thống hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ, có thể thấy nhân tố đảng phái có tác động mang tính chi phối đến chính sách đối ngoại của Mỹ. Theo đó, để xác định mức độ và phạm vi ảnh hưởng của mỗi

đảng đến chính sách đối ngoại của Mỹ ở những giai đoạn nhất định, cần phải xác định (i) ảnh hưởng của mỗi đảng tại các cơ quan quyền lực trong hệ thống hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ và (ii) quan điểm và ưu tiên đối ngoại của mỗi đảng ở giải đoạn đó. Chương tiếp theo sẽ vận dụng khung phân tích này để đánh giá tác động của nhân tố đảng phái đến chính sách đối ngoại của Chính quyền Obama.

CHƯƠNG 2:
TÁC ĐỘNG CỦA ĐẢNG DÂN CHỦ VÀ ĐẢNG CỘNG HÒA ĐẾN CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA CHÍNH QUYỀN OBAMA

Trên cơ sở xác định đảng phái chính trị có tác động mang tính chi phối đến chính sách đối ngoại của Mỹ thông qua việc tác động vào các chủ thể trong hệ thống hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ, để làm rõ mức độ và phạm vi các quan điểm đối ngoại của đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa được thể hiện trong chính sách đối ngoại của Chính quyền Obama, Chương 2 sẽ đi vào phân tích tác động của các trường phái đối ngoại khác nhau trong mỗi đảng tới đường hướng đối ngoại chung của đảng, thể hiện qua Cương lĩnh tranh cử của mỗi đảng trong năm bầu cử Tổng thống 2008 và 2012; thực trạng cạnh tranh ảnh hưởng của hai đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa trên chính trường Mỹ trong bối cảnh đảng Dân chủ nắm giữ Chính quyền và đảng Cộng hòa từng bước giành lại quyền kiểm soát Quốc hội sau mỗi kỳ bầu cử; và ảnh hưởng của các trường phái khác nhau trong mỗi đảng đến các nội dung và triển vọng thành công của các quyết sách của Tổng thống Obama trên lĩnh vực đối ngoại, với trường hợp nghiên cứu là Chiến lược Tái cân bằng tại Châu Á - Thái Bình Dương.

2.1. Cơ sở phân tích

2.1.1. Đường hướng đối ngoại của hai đảng

2.1.1.1. Cương lĩnh tranh cử của đảng Dân chủ

- Ảnh hưởng của các trường phái quan điểm đối ngoại bên trong đảng Dân chủ

Giai đoạn bầu cử sơ bộ của đảng Dân chủ năm 2008 diễn ra gay gắt và cho thấy một cuộc đua quyết liệt giữa hai ứng cử viên Hillary Clinton và Barack Obama. Nguyên nhân dẫn tới tình trạng cạnh tranh gay gắt giữa bà

Clinton và ông Obama trong cuộc đua giành vị trí đề cử ứng viên chính thức của đảng tham gia vào giai đoạn bầu cử Tổng thống không phải xuất phát từ sự chia rẽ giữa các trường phái quan điểm khác nhau trong đảng. Đa số người dân Mỹ khi được hỏi trong cuộc thăm dò dư luận của Trung tâm nghiên cứu Pew vào tháng 1/2008 đều cho rằng những đề xuất chính sách của bà Clinton và ông Obama cho thấy cả hai ứng cử viên này là những chính trị gia mang tư tưởng thiên tả, với tỷ lệ tương đương nhau (Clinton: 56% và Obama: 57%) [174].

Chính vì vậy, các học giả nghiên cứu về cuộc bầu cử sơ bộ của đảng Dân chủ năm 2008 đều chia sẻ nhận định cho rằng nguyên nhân của tình trạng chia rẽ sự ủng hộ của các cử tri trong đảng dành cho hai ứng cử viên ở giai đoạn này mang tính biểu tượng, hơn là sự chia rẽ giữa các trường phái quan điểm cơ bản trong đảng. Trong khi bà Clinton là đại diện của nhóm lãnh đạo truyền thống, đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trên các vấn đề đối nội và đối ngoại, ông Obama lại được xem là ứng cử viên của thế hệ mang tư tưởng cải cách, luôn kêu gọi cách tiếp cận theo hướng "đổi mới toàn diện" trong việc điều hành đất nước [199; tr. 107].

Mặc dù cả ông Obama và bà Clinton đều là những chính trị gia có quan điểm thiên tả trong đảng Dân chủ, song theo đánh giá của các nhóm cử tri trong đảng Dân chủ, đường hướng chính sách do ông Obama đề xuất mang thiên hướng tả khuynh mạnh hơn so với những đề xuất chính sách do bà Clinton đưa ra. Thực tế này được phản ánh trong kết quả thăm dò dư luận của Trung tâm nghiên cứu Pew vào tháng 1/2008. Theo đó, 47% cử tri đảng Dân chủ được hỏi cho rằng lập trường chính trị của ông Obama mang khuynh hướng thiên tả, tỷ lệ này đối với bà Clinton là 38%; trong khi đó, 29% cử tri đảng Dân chủ có đánh giá các chính sách của bà Clinton tương đối bảo thủ và 19% có quan điểm tương tự đối với các chính sách của ông Obama [174].

Đánh giá của cử tri đảng Dân chủ về khuynh hướng chính trị của hai ứng cử viên Hillary Clinton và Barack Obama (tháng 1/2008)

Khuynh hướng chính trị	Hillary Clinton	Barack Obama
Tự do thiên tả	38	47
Tự do trung tả/ôn hòa	33	34
Tự do bảo thủ	29	19

Nguồn: Trung tâm nghiên cứu Pew, xem tại: http://www.pewresearch.org.

Do đó, dù cả hai ứng cử viên đều chủ trương thúc đẩy hợp tác quốc tế để xử lý các thách thức toàn cầu như vấn đề đói nghèo, dịch bệnh, biến đổi khí hậu…, song các ưu tiên chính sánh của hai ứng cử viên lại không hoàn toàn đồng nhất và xu hướng đối ngoại của ông Obama cũng thể hiện tính thiên tả hơn so với quan điểm của bà Clinton. Kết quả nghiên cứu của National Journal về xu hướng bỏ phiếu tại Thượng viện của các Nghị sỹ năm 2007 đã phản ánh nhận định này. Theo kết quả nghiên cứu này, ông Obama là chính trị gia có quan điểm thiên tả nhất với 82,5 điểm, trong khi bà Clinton xếp thứ 16 với 79,8 điểm [158].

Là đại diện của giới lãnh đạo truyền thống trong đảng Dân chủ, quan điểm đối ngoại của bà Clinton phần nào chịu sự tác động không nhỏ bởi đường hướng đối ngoại của trường phái tự do trung tả. Những nỗ lực đấu tranh chống lại các mối đe dọa toàn cầu như tình trạng đói nghèo và dịch bệnh do bà Clinton đề xuất đều thể hiện quan tâm của phái trung tả qua việc nêu bật các giá trị dân chủ, nhân quyền. Trong đó, nội hàm của vấn đề nhân quyền trong đề xuất đối ngoại của bà Clinton bao hàm các quyền được tiếp cận dịch vụ y tế và giáo dục cũng như các quyền của phụ nữ trên thế giới [81]. Để đạt các mục tiêu đối ngoại đề ra, bà Clinton cho rằng nước Mỹ cần đặc biệt coi trọng các mối quan hệ đa phương và thúc đẩy tính hiệu quả trong hoạt động của các thể chế quốc tế do Mỹ lãnh đạo. Theo bà, việc sử dụng sức mạnh

quân sự là một nhân tố quan trọng trong chiến lược toàn diện nhưng không phải là công cụ hiệu quả nhất để đạt được các mục tiêu đối ngoại, nước Mỹ cần đặc biệt chú trọng tuân thủ các nguyên tắc trong sử dụng sức mạnh và việc đơn phương hành động chỉ nên là lựa chọn cuối cùng. Những quan điểm này của bà Clinton nhận được sự ủng hộ từ các cựu quan chức trong Chính quyền Tổng thống Bill Clinton trước đây như cựu Ngoại trưởng Madeleine Albright, cựu Cố vấn An ninh Quốc gia Samuel Burger và Đại sứ Mỹ tại Liên hợp quốc Richard Holbrooke…

Trong khi đó, là đại diện của thế hệ chính trị gia mang tư tưởng cải cách trong đảng Dân chủ, chịu ảnh hưởng bởi trường phái tự do thiên tả (chủ trương cắt giảm sự can dự của Mỹ với thế giới bên ngoài dù vì mục đích nhân đạo), ông Obama nêu bật đường hướng đối ngoại giảm bớt khía cạnh can thiệp nhân đạo và đề cao nỗ lực giải quyết các mối thách thức toàn cầu, đặc biệt trên vấn đề môi trường, biến đổi khí hậu và dịch bệnh toàn cầu... [122; tr. 257]. Trong đó, nỗ lực nổi bật của ông Obama trong giai đoạn tranh cử là đề xuất Dự thảo luật Chống đói nghèo toàn cầu (S. 2433) tại Thượng viện vào tháng 5/2008, yêu cầu "Chính quyền Mỹ xây dựng và triển khai chính sách toàn diện nhằm cắt giảm tỷ lệ đói nghèo trên toàn thế giới xuống còn một nửa vào năm 2015 thông qua các khoản viện trợ, giảm nợ thương mại, phối hợp chặt chẽ với cộng đồng quốc tế, giới doanh nghiệp và các tổ chức phi chính phủ" [85; tr. 250]. Đồng thời, ông cũng kêu gọi nước Mỹ cần theo đuổi biện pháp ngoại giao và đàm phán, tăng cường hợp tác quốc tế để giải quyết những thách thức an ninh chung. Trong nội bộ đảng Dân chủ, quan điểm đối ngoại của ông Obama nhận được sự ủng hộ của các thành viên có vai trò và tiếng nói trên lĩnh vực an ninh và ngoại giao như các cựu Cố vấn An ninh Quốc gia Zbigniew Brzezinsky và Anthony Lake, Thượng nghị sỹ Tom Daschle…

Bên cạnh yếu tố mang tính đại diện cho hai nhóm lãnh đạo truyền thống và thế hệ cải cách, vấn đề nổi bật tạo ra sự khác biệt giữa ông Obama và bà Clinton trong quá trình tranh cử chính là quan điểm đối với cuộc chiến tại Iraq. Dù ở thời điểm cuối giai đoạn bầu cử, quan điểm của bà Clinton và ông Obama đều là phản đối cuộc chiến này, song đây lại là bằng chứng thể hiện tính kiên định của ông Obama và bộc lộ sự thiếu quyết đoán của bà Clinton. Việc bà Clinton chỉ trích chính sách trên vấn đề Iraq của Chính quyền Bush trong giai đoạn tranh cử là kết quả của quá trình chuyển dịch lập trường từ ủng hộ (bỏ phiếu thông qua Nghị quyết cho phép sử dụng vũ lực chống lại Iraq tại Quốc hội Mỹ tháng 10/2002) sang phản đối cuộc chiến. Trong khi đó, lập trường của ông Obama đối với cuộc chiến Iraq là xuyên suốt và nhất quán, phản đối ngay ở giai đoạn đầu và chỉ trích mạnh mẽ trong giai đoạn tranh cử [217; tr. 186].

Hơn nữa, quyết định ủng hộ cuộc chiến Iraq ở giai đoạn đầu của bà Clinton (khi còn là Thượng nghị sỹ bang New York) còn cho thấy ảnh hưởng của trường phái tự do trung tả đến các lựa chọn đường hướng đối ngoại của bà Clinton và dẫn tới quan điểm cho rằng lập trường đối ngoại của bà Clinton mang tính "diều hâu" hơn so với ông Obama [195; tr. 155]. Chính điểm khác biệt này, cùng các đề xuất chính sách đối nội tập trung vào tầng lớp lao động, đã giúp ông Obama giành được đề cử và trở thành ứng cử viên chính thức của đảng Dân chủ dù bà Clinton được đánh giá là ứng cử viên có nhiều lợi thế hơn.

Thất bại của các ứng cử viên theo trường phái trung tả của đảng Dân chủ trước Tổng thống đảng Cộng hòa George Bush những năm đầu thế kỷ XXI cùng sự xuất hiện của ông Obama, đại diện tiêu biểu cho thế hệ cách tân với lập trường thiên tả và việc bà Clinton dù là đại diện của giới lãnh đạo truyền thống song vẫn mang tư tưởng thiên tả, phần nào phản ánh sự suy giảm ảnh hưởng của phái trung tả và sự trỗi dậy mạnh mẽ của phái thiên tả trong nội bộ

đảng Dân chủ. Mặc dù vậy, vai trò của giới lãnh đạo truyền thống cũng như ảnh hưởng của phái trung tả đối với các quyết sách của đảng Dân chủ vẫn còn tương đối lớn, và phái trung tả vẫn là lực lượng nòng cốt bên trong đảng Dân chủ, chiếm đa số với tỷ lệ 54% vào năm 2011 [104; tr. 73]. Hơn nữa, theo đánh giá của giới quan sát, xu hướng chính trị phát triển theo hướng tả khuynh của đảng Dân chủ vào thời điểm này chủ yếu phản ánh sự thay đổi trong các đề xuất chính sách đối nội (đặc biệt trên vấn đề kinh tế và xã hội), hơn là sự chuyển dịch lập trường đối ngoại [59]. Do đó, dù bày tỏ lập trường thiên tả, phản đối vấn đề can thiệp quân sự và chủ trương thúc đẩy hợp tác quốc tế để xử lý các thách thức toàn cầu, các quyết sách đối ngoại của ông Obama vẫn chịu sự chi phối mạnh mẽ của phái trung tả, phản ánh qua quyết định lựa chọn Thượng nghị sỹ Joseph Biden, một chính trị gia lão luyện của đảng Dân chủ và có nhiều kinh nghiệm đối ngoại, vào liên minh tranh cử với vị trí ứng cử viên Phó Tổng thống, cũng như thể hiện trong nhiều nhượng bộ về các ưu tiên đối ngoại trong bản cương lĩnh tranh cử tại Đại hội đảng Dân chủ toàn quốc 2008 và 2012.

- *Nội dung bản cương lĩnh tranh cử của đảng Dân chủ*

Với chủ đề "Đổi mới lời hứa Mỹ", bản cương lĩnh tranh cử dài 94 trang của đảng Dân chủ thể hiện sự dung hòa giữa trường phái quan điểm đối ngoại theo khuynh hướng thiên tả của ứng cử viên chính thức Barack Obama, với trường phái quan điểm đối ngoại theo khuynh hướng trung tả của nhóm lãnh đạo truyền thống của đảng. Trong khi đường hướng lãnh đạo nước Mỹ và những đề xuất chính sách đối ngoại theo hướng thiên tả của ông Obama được ưu tiên và là nền tảng chính của bản cương lĩnh, không ít những quan tâm chính sách của phái trung tả cũng được đề cập dưới hai hình thức là các đề xuất chính sách riêng rẽ hoặc cấu phần bên trong một đề xuất chính sách lớn.

Đánh giá về những khó khăn nước Mỹ đang phải đối mặt, bản cương lĩnh đưa ra ba vấn đề lớn gồm thực trạng sa lầy trong hai cuộc chiến tại Iraq và Afghanistan, những bất ổn kinh tế do cuộc khủng hoảng tài chính gây ra và tình trạng nóng lên của trái đất. Đây là những vấn đề nước Mỹ cần xử lý theo thứ tự ưu tiên từ ổn định lại nền kinh tế, bảo đảm an ninh và gây dựng lại uy tín trên trường quốc tế [89; tr. 5-7]. Để có thể xử lý được những thách thức này, nước Mỹ cần theo đuổi một chiến lược an ninh quốc gia cứng rắn, thông minh và có nguyên tắc, thông qua việc hợp tác với đồng minh và đối tác trên cơ sở phối hợp nhuần nhuyễn công cụ ngoại giao và sức mạnh quân sự.

Trong đó, bản cương lĩnh nêu rõ những thách thức về đối ngoại và an ninh nước Mỹ phải đối mặt là nguy cơ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, các quốc gia bất hảo có mối liên hệ chặt chẽ với khủng bố, những cường quốc mới nổi đang thách thức nước Mỹ và nền tảng dân chủ tự do, những nhà nước yếu kém không có khả năng kiểm soát lãnh thổ cũng như bảo đảm cuộc sống của người dân, sự phụ thuộc vào dầu mỏ đã giúp chủ nghĩa cực đoan ở những quốc gia sở hữu nguồn năng lượng này phát triển, tình trạng nóng lên của trái đất tạo điều kiện để dịch bệnh bùng phát, gia tăng thảm họa tự nhiên và dẫn tới những cuộc xung đột đẫm máu [89; tr. 28].

Trong bối cảnh đó, bản cương lĩnh đặt ra những mục tiêu đối ngoại và an ninh cụ thể nước Mỹ cần theo đuổi là chấm dứt cuộc chiến tại Iraq, đấu tranh chống lại chủ nghĩa cực đoan, bảo đảm vũ khí hạt nhân và các nguồn nguyên liệu chế tạo vũ khí hạt nhân luôn nằm trong sự kiểm soát an toàn trước các mối đe dọa khủng bố, tái củng cố quân đội, làm mới lại các mối quan hệ đồng minh và đối tác để thúc đẩy những lợi ích an ninh chung, thúc đẩy dân chủ và phát triển trên thế giới, tiến hành cuộc chiến chống lại biến đổi của khí hậu [89; tr. 28]. Cụ thể: về an ninh, bản cương lĩnh khẳng định sẽ xây dựng lại quân đội Mỹ để đối phó với các cuộc xung đột trong tương lai, chỉ triển khai

quân khi có mục tiêu rõ ràng và được hỗ trợ đầy đủ về phương tiện, chính sách; tăng cường an ninh nội địa bằng cách thực hiện đầy đủ các khuyến nghị của Ủy ban lưỡng đảng 9-11[13] cũng như triển khai các biện pháp nhằm cải tổ tình báo quốc gia. Về đối ngoại, cương lĩnh khẳng định chủ trương kết thúc cuộc chiến tại Iraq, tăng cường cuộc chiến chống khủng bố tại Afghanistan, xây dựng quan hệ đối tác mới với Pakistan; ngăn chặn Iran có vũ khí hạt nhân và kiềm chế sự hiếu chiến của Nga; củng cố mối quan hệ đối tác xuyên Đại Tây Dương; tăng cường đồng minh và theo đuổi các nỗ lực ngoại giao tại khu vực Trung Đông; quan hệ chặt chẽ với các cường quốc đang nổi lên và củng cố các thể chế toàn cầu; đảm bảo vai trò lãnh đạo tại Châu Á - Thái Bình Dương, ủng hộ dân chủ tại Châu Phi; thúc đẩy dân chủ - nhân quyền; xây dựng các đối tác mới để đối phó với các mối đe dọa của thế kỷ XXI như khủng bố, phổ biến hạt nhân, nghèo đói, diệt chủng, biến đổi khí hậu và dịch bệnh [89; tr. 28].

Đường hướng đối ngoại này tiếp tục được Tổng thống Obama khẳng định tại Đại hội toàn quốc đảng Dân chủ từ ngày 3 - 6/9/2012 ở thành phố Charlotte, bang Bắc Carolina. Trong đó, cương lĩnh tranh cử của đảng Dân chủ 2012 tiếp tục khẳng định việc xây dựng lực lượng vũ trang theo hướng tinh nhuệ, cơ động, hiện đại nhằm duy trì khả năng quân sự mạnh nhất thế giới và thích ứng với các thách thức của thế kỷ XXI (chống khủng bố, chống phổ biến vũ khí hạt nhân, đe dọa an ninh mạng, vũ khí sinh học, biến đổi khí hậu, tội phạm xuyên quốc gia…). Về đối ngoại, cam kết hợp tác chặt chẽ với các đối tác, đồng minh truyền thống; thúc đẩy quan hệ với các đối tác mới và duy trì sự lãnh đạo của Mỹ trong các tổ chức quốc tế, từ đó thúc đẩy thịnh vượng và phát triển trên toàn thế giới.

[13] Là Ủy ban quốc gia được thành lập tháng 11/2002, trên cơ sở một Dự luật được hai Thượng nghị sỹ Joseph Lieberman (Dân chủ) và Thượng nghị sĩ John McCain (Cộng hòa). Ủy ban có chức năng điều tra các chi tiết xung quanh vụ tấn công 11/9 và đánh giá về sự chuẩn bị cũng như cách đối phó của chính quyền Mỹ trước thảm hoạ này.

- Cách thức xử lý một số vấn đề cơ bản:

+ Vấn đề can thiệp quân sự: Để giải quyết tình trạng sa lầy trong hai cuộc chiến tại Iraq và Afghanistan, bản cương lĩnh đề xuất hai mục tiêu then chốt là (i) kết thúc cuộc chiến tại Iraq và (ii) giành thắng lợi hoàn toàn tại Afghanistan.

Tại Iraq, bản cương lĩnh đưa ra chủ trương rút quân đội Mỹ từng bước theo lộ trình 1 - 2 lữ đoàn mỗi tháng và sẽ hoàn tất rút quân trong 16 tháng; lực lượng quân chiến đấu được rút khỏi Iraq sẽ được triển khai thực hiện những sứ mệnh cấp bách, cần thiết ở các khu vực khác trên thế giới; lực lượng nhỏ đồn trú lại Iraq sẽ thực hiện nhiệm vụ tiêu diệt khủng bố, bảo vệ an toàn cho đại sứ quán và nhân viên dân sự, cố vấn và hỗ trợ lực lượng an ninh Iraq; cam kết không thiết lập căn cứ quân sự tại Iraq. Đồng thời, bản cương lĩnh khẳng định Mỹ sẽ cung cấp những khoản viện trợ lớn cho người Iraq di cư, thúc đẩy các nỗ lực ngoại giao quốc tế và khu vực để hỗ trợ quá trình hòa giải chính trị cũng như khuyến khích Chính phủ Iraq sử dụng những khoản tài chính thu được từ các giao dịch dầu mỏ để tái thiết và phát triển đất nước [89; tr. 28-29].

Tại Afghanistan, bản cương lĩnh đưa ra kế hoạch triển khai thêm hai lữ đoàn quân chiến đấu tới đây để bảo đảm giành thắng lợi hoàn toàn trên chiến trường, đồng thời kêu gọi sự đóng góp tương tự từ đồng minh NATO. Đối với lực lượng Afghanistan, Mỹ sẽ tiếp tục hỗ trợ, huấn luyện, cố vấn để xây dựng sự vững mạnh của lực lượng quân đội và khả năng quản lý của Chính phủ trên cơ sở tôn trọng luật pháp. Đối với người dân Afghanistan, Mỹ sẽ mở rộng các chương trình hỗ trợ phi quân sự trị giá 1 tỷ USD/năm trên lĩnh vực giáo dục, trong đó bảo đảm trẻ em gái cũng được hưởng các cơ hội giáo dục, cũng như trong việc cung cấp các dịch vụ thiết yếu khác cho người dân [89; tr. 29].

+ Vấn đề xử lý các thách thức toàn cầu: Bản cương lĩnh cho rằng hai vấn đề toàn cầu đòi hỏi Mỹ và cộng đồng quốc tế cần sớm giải quyết là vấn đề chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và vấn đề ứng phó với biến đổi khí hậu.

Trên vấn đề chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt [89; tr. 31-33], bản cương lĩnh khẳng định Mỹ sẽ duy trì khả năng răn đe mạnh mẽ và đáng tin cậy cho tới khi vũ khí hạt nhân sẽ hoàn toàn được loại bỏ. Nỗ lực loại bỏ hoàn toàn vũ khí hạt nhân trên toàn thế giới sẽ được triển khai tập trung trên hai hướng chính:

(i) Hợp tác với các nước để bảo đảm sự kiểm soát an toàn đối với vũ khí hạt nhân và nguyên liệu có khả năng chế tạo vũ khí hạt nhân, xóa bỏ và ngăn chặn những nỗ lực phổ biến vũ khí hạt nhân và nguyên liệu chế tạo vũ khí hạt nhân. Đồng thời, Mỹ sẽ thúc đẩy quá trình đàm phán một lệnh cấm sản xuất các nguyên liệu phục vụ quá trình chế tạo vũ khí hạt nhân trên toàn cầu.

(ii) Đối với Nga, Mỹ chủ trương hợp tác và kêu gọi các nỗ lực cắt giảm đầu đạn hạt nhân, gia hạn Hiệp ước cắt giảm vũ khí chiến lược (START) và củng cố Hiệp ước chống phổ biến. Đối với Iran, khẳng định sẽ tiếp tục các lệnh trừng phạt cứng rắn, song sẽ cùng các đồng mình Châu Âu theo đuổi giải pháp ngoại giao cấp cao, có nguyên tắc và không có điều kiện tiên quyết. Đối với Bắc Triều Tiên, khẳng định duy trì kênh ngoại giao trực tiếp và tiếp tục phối hợp với các đối tác thông qua cơ chế Đàm phán 6 bên.

Trên vấn đề ứng phó với biến đổi khí hậu [89; tr. 42-43], bản cương lĩnh nhận định tình trạng nóng lên của trái đất sẽ dẫn tới những hệ lụy nghiêm trọng như dịch bệnh bùng phát, thiên tai liên tục tiếp diễn, nguy cơ đói nghèo gia tăng dẫn tới những cuộc xung đột ngoài kiểm soát ở nhiều khu vực, gây bất ổn toàn cầu. Do đó, Mỹ cần đóng vai trò dẫn đầu, thúc đẩy các quốc gia phát thải lớn trên thế giới cùng tham gia vào nỗ lực chung để ứng phó với vấn đề này.

+ Vấn đề kinh tế - thương mại: Bản cương lĩnh xác định quan hệ thương mại của Mỹ với các nước bên ngoài nhằm hướng tới hai nhóm mục tiêu then chốt: (i) Củng cố nền kinh tế Mỹ và tạo công ăn việc làm cho người lao động Mỹ; (ii) Tạo nền tảng cho sự phát triển kinh tế dân chủ, công bằng và bền vững trên khắp thế giới. Trong đó, Mỹ sẽ tập trung xử lý một số vấn đề đang gây khó khăn và bất lợi cho hoạt động kinh tế - thương mại của Mỹ như chính sách thao túng tiền tệ, tiêu chuẩn tiêu dùng lỏng lẻo, biện pháp hỗ trợ thương mại phi pháp, nạn vi phạm quyền của người lao động và tiêu chuẩn bảo vệ môi trường ở một số quốc gia. Vì vậy, bên cạnh việc đi đầu trong củng cố tính minh bạch và trách nhiệm của WTO để bảo đảm các đối tác thương mại sẽ không tiếp tục sử dụng những biện pháp trợ cấp thương mại bất bình đẳng và hàng rào phi thuế quan đối với hàng hóa Mỹ, Mỹ cũng sẽ tiến hành đàm phán các hiệp định thương mại nhằm mở cửa thị trường cho hàng hóa Mỹ trên cơ sở tuân thủ tiêu chuẩn quốc tế về bảo đảm môi trường và quyền của người lao động [89; tr. 26-27].

Như vậy, trên ba vấn đề cơ bản đòi hỏi Mỹ cần có biện pháp xử lý, đường hướng giải quyết của đảng Dân chủ nhấn mạnh tới các biện pháp ngoại giao đa phương và hợp tác quốc tế; chủ trương cắt giảm can thiệp quân sự, đặc biệt là việc đơn phương tiến hành các hoạt động quân sự ở nước ngoài; lồng ghép vấn đề môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và nhân quyền (quyền của trẻ em, quyền của phụ nữ, quyền của người lao động…) trong các chính sách xử lý những vấn đề cụ thể.

2.1.1.2. Cương lĩnh tranh cử của đảng Cộng hòa

- Ảnh hưởng của các trường phái quan điểm đối ngoại bên trong đảng Cộng hòa

Khác với sự chia rẽ sâu sắc trong nội bộ đảng Dân chủ ở giai đoạn bầu cử sơ bộ, cuộc bầu cử sơ bộ của đảng Cộng hòa dù bắt đầu với sự tham gia

của 7 ứng cử viên [65; tr. 34] song đã nhanh chóng kết thúc với chiến thắng cách biệt của ứng cử viên John McCain tại 4 bang Vermont, Ohio, Texas và Rhodes Island ngày 4/3/2008. Việc ông McCain với tư tưởng bảo thủ ôn hòa (từng thu hút sự ủng hộ không nhỏ của cử tri đảng Cộng hòa dù không phải là ứng cử viên được giới lãnh đạo đảng lựa chọn trong kỳ bầu cử sơ bộ đảng Cộng hòa năm 2000 [170; tr. 19]), nhanh chóng giành được đủ số phiếu đại cử tri cần thiết để trở thành ứng cử viên chính thức của đảng tham gia tranh cử Tổng thống năm 2008, phần nào phản ánh dấu hiệu chuyển dịch bên trong đảng Cộng hòa từ đường lối bảo thủ mới sang ôn hòa hơn.

Thực trạng chuyển dịch khuynh hướng chính trị bên trong đảng Cộng hòa từ lối bảo thủ mới sang bảo thủ ôn hòa có nguồn gốc từ thực trạng suy giảm uy tín của Chính quyền Bush trong nội bộ Mỹ nói chung và vị thế của phái bảo thủ mới trong đảng Cộng hòa nói riêng sau những sai lầm nghiêm trọng trong chính sách đối nội cũng như đối ngoại. Về đối ngoại, sự kiện khủng bố 11/9/2001 đã giúp phái bảo thủ mới củng cố vị thế trong nội bộ đảng Cộng hòa và mở rộng ảnh hưởng, tác động mạnh mẽ tới chính sách đối ngoại của Chính quyền George H.W. Bush, với cuộc chiến "chống khủng bố" tại hai mặt trận Afghanistan và Iraq [191; tr. 184]. Song do không có một chiến lược rõ ràng, Chính quyền Bush đã gặp phải nhiều khó khăn trong quá trình tái thiết cùng những tổn thất nặng nề về tài chính cũng như binh lính tại hai chiến trường này. Cùng với đó, những sai lầm trong quản lý kinh tế vĩ mô của Tổng thống Bush đã đưa nước Mỹ vào một cuộc khủng hoảng tài chính được đánh giá là tồi tệ nhất kể từ Đại khủng hoảng 1929 - 1933, với tỷ lệ thất nghiệp lên tới hơn 10% - mức cao nhất trong vòng 30 năm [221], GDP thực của Mỹ giảm mạnh và đến quý 4/2008 ở mức -8,9% so với cùng kỳ năm 2007 [70], thâm hụt thương mại lên tới 708,7 tỷ USD năm 2008 - cao gấp 1,9 lần năm 2000 [222] và thâm hụt ngân sách lên tới mức 464 tỷ USD - tương đương 3,1% GDP [118]. Trong bối cảnh đó, Thượng nghị sỹ McCain đã

nhanh chóng vượt qua các đối thủ khác trong giai đoạn bầu cử sơ bộ của đảng Cộng hòa năm 2008 và nhận được sự ủng hộ của cựu Tổng thống George H.W. Bush. Mặc dù Thượng nghị sỹ McCain có quan điểm chính trị ôn hòa hơn so với cựu Tổng thống George H.W. Bush trên các vấn đề đối nội (ủng hộ nạo phá thai, kết hôn đồng tính, vấn đề nhập cư…), song cũng giống nhiều chính trị gia bảo thủ trong ban lãnh đạo đảng Cộng hòa, ông McCain có cách tiếp cận cứng rắn trên các vấn đề đối ngoại.

Những bế tắc trong cuộc chiến tại Iraq và Afghanistan không chỉ làm suy giảm vai trò của phái bảo thủ mới trong đảng Cộng hòa, mà còn mở ra cơ hội để những người thuộc phái bảo thủ thực dụng mở rộng uy tín [69; tr. A1]. Khác với cách tiếp cận đơn phương mà phái bảo thủ mới theo đuổi, phái bảo thủ thực dụng trong đảng Cộng hòa chủ trương thúc đẩy cách tiếp cận quốc tế chủ nghĩa tuy vẫn nêu cao ưu thế vượt trội của sức mạnh quân sự so với công cụ ngoại giao. Chính vì vậy, trong bối cảnh không thuận do những "bế tắc" trong chính sách chống khủng bố của Chính quyền Bush, dù có quan điểm ủng hộ cuộc chiến tại Iraq của cựu Tổng thống Bush, song ông McCain thường cố gắng tạo khoảng cách trong các đề xuất chính sách của ông so với chính sách của Chính quyền đương nhiệm ở giai đoạn tranh cử [120; tr. 1]. Những đề xuất về chính sách đối ngoại của Thượng nghị sỹ McCain nhận được sự ủng hộ của nhiều nhân vật quan trọng, có tiếng nói và ảnh hưởng trên lĩnh vực đối ngoại theo hướng bảo thủ quốc tế chủ nghĩa của đảng Cộng hòa như cựu Cố vấn An ninh Quốc gia Henry Kissinger, các cựu Ngoại trưởng Lawrence Eagleburger, Alexander Haig, George Shultz và cựu Thứ trưởng Ngoại giao Richard Armitage…

- Nội dung bản cương lĩnh tranh cử của đảng Cộng hòa

Cương lĩnh tranh cử được thông qua tại Đại hội toàn quốc đảng Cộng hòa năm 2008 vừa thể hiện quyết tâm hoàn thành những ưu tiên đối ngoại của Chính quyền George.W. Bush như mục tiêu giành thắng lợi trong cuộc chiến

chống khủng bố, song cũng thể hiện phương hướng mới theo hướng quốc tế chủ nghĩa, kết hợp giữa duy trì các nỗ lực ngoại giao quốc tế bên cạnh hoạt động quân sự nhằm thúc đẩy phát triển và củng cố các mối quan hệ đồng minh, đối tác vì hòa bình và ổn định trên thế giới [178; tr. i]. Cụ thể: bản cương lĩnh nhấn mạnh nỗ lực cần thiết phải giành thắng lợi trong cuộc chiến chống khủng bố, đề ra chiến lược mới tại Iraq để đảm bảo thắng lợi và không rút quân trong thất bại; tăng cường vai trò NATO tại Afghanistan; hợp tác với Pakistan để tiêu diệt Taliban và al-Qaeda. Về an ninh, quân sự, đảng Cộng hòa đề xuất việc tăng quy mô quân đội và lính thủy đánh bộ trong khi tăng cường đầu tư về kỹ thuật, cơ sở hạ tầng và quyết định thành lập một cơ quan chống khủng bố mới. Đồng thời, đảng Cộng hòa cũng đề xuất các nỗ lực củng cố quan hệ với đồng minh và đối tác tại Châu Âu, Châu Á - Thái Bình Dương, cũng như cải thiện quan hệ với các nước Mỹ - Latinh [178; tr. 7-13]. Đáng chú ý, khía cạnh thiết lập trật tự thương mại toàn cầu vốn chi phối đường hướng đối ngoại của đảng Cộng hòa từ sau Chiến tranh Lạnh cũng được phản ánh trong bản cương lĩnh tranh cử với các đề xuất xây dựng Hiệp định thương mại tự do Trung Mỹ, hoàn thiện Khu vực thương mại tự do châu Mỹ [178; tr. 29].

Bốn năm sau, tại Đại hội toàn quốc lần thứ 40 của đảng Cộng hòa diễn ra tại thành phố Tampa, bang Florida từ ngày 27 - 30/8/2012, đảng Cộng hòa đã thông qua liên danh tranh cử gồm Thống đốc bang Massachussets Mitt Romney và Hạ nghị sỹ bang Wisconsin Paul Ryan và thông qua bản cương lĩnh tranh cử với nhiều điểm tương đồng với bản cương lĩnh tranh cử của năm 2008. Trong đó, về quốc phòng, đảng Cộng hòa tiếp tục nhấn mạnh sự cần thiết của việc xây dựng lực lượng quân sự mạnh nhất thế giới, duy trì ưu thế quân sự thông qua nâng cấp hệ thống thiết bị quân sự và tình báo cũng như tiếp tục triển khai hệ thống lá chắn tên lửa, phản đối cắt giảm ngân sách quốc phòng trong bối cảnh các thách thức trên thế giới ngày càng tăng; chỉ trích

việc rò rỉ thông tin mật nhằm mang lại lợi ích chính trị cho Tổng thống, chú trọng đảm bảo bí mật thông tin nhạy cảm; tăng cường khả năng ngăn chặn, đánh bại, trước các mối đe dọa an ninh mạng [179; tr. 42]. Về đối ngoại, đảng Cộng hòa tiếp tục nêu cao việc củng cố quan hệ liên minh truyền thống với Châu Âu và các mối quan hệ đồng minh, đối tác quan trọng tại Châu Á - Thái Bình Dương, tăng cường quan hệ với các nước Mỹ La tinh, Châu Phi. Đặc biệt, đảng Cộng hòa nhìn nhận Ấn Độ với vai trò là đồng minh địa chiến lược và đối tác thương mại chiến lược quan trọng; thể hiện cách tiếp cận cứng rắn với Trung Quốc trên khía cạnh kinh tế với các cáo buộc về vấn đề vi phạm sáng chế và quyền sở hữu trí tuệ, hạn chế tiếp cận thị trường và thao túng tỷ giá đồng Nhân dân tệ; tuyên bố có lợi ích chung trong đấu tranh chống khủng bố, chống phổ biến vũ khí hạt nhân, thúc đẩy thương mại với Nga, song kêu gọi nước này xem xét lại con đường phát triển đất nước… [179; tr. 47-50].

- *Cách thức xử lý một số vấn đề cơ bản:*

+ Vấn đề can thiệp quân sự: Đặt trong bối cảnh cuộc chiến chống khủng bố, bản cương lĩnh của đảng Cộng hòa nhấn mạnh sự cần thiết phải giành chiến thắng trên cả hai mặt trận Iraq và Afghanistan, trong đó:

Tại Iraq, đảng Cộng hòa đánh giá việc xây dựng một nhà nước Iraq ổn định, thống nhất và dân chủ hoàn toàn có thể thành công. Việc rời khỏi Iraq trong tư thế chiến thắng và bảo đảm danh dự là đặc biệt quan trọng đối với an ninh quốc gia của Mỹ. Do đó, dựa trên thực tế chiến trường cũng như những đề xuất chính sách của các tướng lĩnh trong quân đội Mỹ, đảng Cộng hòa chủ trương phản đối nỗ lực kêu gọi rút quân khỏi Iraq của đảng Dân chủ [179; tr. 50].

Tại Afghanistan, cương lĩnh của đảng Cộng hòa khẳng định sự cần thiết phải giành chiến thắng tại đây để ngăn chặn sự tái trỗi dậy của lực lượng Taliban và al-Qaeda. Do đó, đảng Cộng hòa chủ trương kêu gọi tăng thêm lực lượng chiến đấu trên chiến trường Afghanistan, nhấn mạnh số lượng quân đội

tăng thêm phải xuất phát từ đóng góp của các nước NATO cũng như từ việc Chính phủ Afghanistan phải tăng gấp đôi lực lượng quân đội của nước này. Đồng thời, đảng Cộng hòa cũng chủ trương thúc đẩy sự hợp tác của cộng đồng quốc tế với Chính phủ Afghanistan trong việc xử lý nạn buôn bán ma túy, tăng cường năng lực quản lý nhà nước và chống tham nhũng [179; tr. 48].

+ Vấn đề xử lý các thách thức toàn cầu:

Vấn đề chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được gắn liền với ưu tiên chống khủng bố. Trong đó, đảng Cộng hòa chủ trương ba nhóm biện pháp: (i) Cắt giảm đầu đạn hạt nhân tới mức thấp nhất và bảo đảm phối hợp chặt chẽ để các cường quốc hạt nhân khác cũng thực hiện nỗ lực tương tự; (ii) Hợp tác với các quốc gia khác trong nỗ lực chấm dứt việc sản xuất nguyên liệu chế tạo vũ khí hạt nhân, thúc đẩy nỗ lực tập thể để cấm việc phổ biến vũ khí hạt nhân và nguyên liệu chế tạo vũ khí hạt nhân, bảo đảm các vũ khí hạt nhân và nguyên liệu chế tạo vũ khí hạt nhân được kiểm soát an toàn; (iii) Triển khai hệ thống phòng thủ tên lửa quốc gia tại Mỹ và tại một số địa điểm chiến lược để bảo vệ nước Mỹ và đồng minh của nước Mỹ trước các mối đe dọa hạt nhân [179; tr. 39].

Vấn đề ứng phó với biến đổi khí hậu được đề cập trong cương lĩnh tranh cử đảng Cộng hòa năm 2008 song không được đề cập trong cương lĩnh tranh cử của đảng năm 2012. Bản cương lĩnh năm 2008 khẳng định vấn đề biến đổi khí hậu là thác thức chung và là mối quan tâm chung của toàn thế giới, do đó các nước cần phải cùng hợp tác để xử lý vấn đề này thay vì đặt gánh nặng lên nước Mỹ. Trong khi đó, bản cương lĩnh năm 2012 cho rằng Chính quyền Obama đã lạm dụng vấn đề ứng phó biến đổi khí hậu khi xếp thứ tự ưu tiên ngang với những thách thức an ninh thực sự khác như vấn đề chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt hay đối phó với chủ nghĩa Hồi giáo cực đoan [179; tr. 40].

+ Vấn đề kinh tế - thương mại: Thúc đẩy lợi ích thương mại của Mỹ luôn là một trong những ưu tiên hàng đầu của đảng Cộng hòa. Bản cương lĩnh của đảng Cộng hòa nhấn mạnh mục tiêu thúc đẩy thương mại nhằm: (i) Tạo công ăn việc làm cho người lao động Mỹ, bảo đảm mức lương cao và chất lượng cuộc sống của người dân được nâng lên; (ii) Bảo đảm an ninh quốc gia của Mỹ và thúc đẩy dân chủ và xã hội dân sự ở các quốc gia đang phát triển. Theo đó, đảng Cộng hòa chủ trương thúc đẩy các hiệp định thương mại tự do song phương, khu vực và đa phương, kêu gọi Quốc hội sớm trao Thẩm quyền đàm phán nhanh cho Tổng thống và phê chuẩn các hiệp định thương mại nước Mỹ đã và sẽ ký kết. Đồng thời, đảng Cộng hòa cũng nhấn mạnh tới vấn đề bảo đảm quyền lợi trên lĩnh vực nông nghiệp của Mỹ trong các hiệp định thương mại, kêu gọi bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ, bảo vệ người tiêu dùng trước thức ăn và sản phẩm độc hại [179; tr. 6].

Như vậy, đường hướng giải quyết của đảng Cộng hòa trên ba vấn đề đối ngoại dù đã giảm tính đơn phương hành động so với chính sách của Chính quyền Bush nhưng vẫn nhấn mạnh tới công cụ quân sự. Đảng Cộng hòa vẫn chủ trương duy trì các hoạt động can thiệp quân sự song cũng chú trọng thúc đẩy sự hợp tác của các đồng minh và đối tác để giải quyết vấn đề an ninh chung, và quan tâm tới việc thúc đẩy lợi ích kinh tế của Mỹ trong các thỏa thuận thương mại, không coi trọng vấn đề ứng phó với biến đổi khí hậu.

2.1.1.3. So sánh cương lĩnh của hai đảng

Nhìn chung, cương lĩnh hai đảng đều nhấn mạnh mục tiêu chung là duy trì sức mạnh và vị trí số một của Mỹ trên thế giới trong đó nhấn mạnh tầm quan trọng của luật pháp Mỹ, sức mạnh Mỹ trong việc định hình luật chơi toàn cầu; chuẩn mức và văn hóa của Mỹ là chuẩn mực và văn hóa của nhân loại. Tuy nhiên, cách thức và con đường của đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa đi đến mục tiêu là khác nhau, thể hiện trong:

Thứ nhất, về chính sách an ninh - quốc phòng, đảng Dân chủ đề xuất cắt giảm ngân sách quốc phòng trong bối cảnh cắt giảm thâm hụt ngân sách quốc gia trong khi các ứng cử viên Tổng thống của đảng Cộng hòa (Thượng nghị sỹ John McCain và Thống đốc Mitt Romney) lại chủ trương kêu gọi tăng ngân sách quốc phòng để xây dựng lực lượng quân đội hùng mạnh.

Thứ hai, về chính sách đối ngoại, đảng Dân chủ cho rằng các mối đe dọa toàn cầu không thể giải quyết bởi một quốc gia và nhấn mạnh tầm quan trọng của hợp tác quốc tế, đảng Cộng hòa lại nêu cao các nỗ lực nhằm khôi phục lại sức mạnh Mỹ. Trong khi đảng Dân chủ thực hiện chính sách đối ngoại theo hướng ôn hòa, chú trọng thúc đẩy quan hệ với các nước lớn như Nga, Trung Quốc, đảng Cộng hòa lại chủ trương theo đuổi quan điểm đối ngoại cứng rắn khi cho rằng Nga là "kẻ thù địa chính trị số một" của Mỹ, tuyên bố Trung Quốc là "kẻ thao túng tiền tệ" và sẽ chấm dứt quan hệ thương mại nếu Trung Quốc không tuân thủ quy định của WTO. Đối với các thách thức tại khu vực Trung Đông, cả hai đảng đều chủ trương Iran không được phép sở hữu vũ khí hạt nhân song cách tiếp cận của đảng Dân chủ cho rằng đàm phán và ngoại giao là cách thức hữu hiệu dù không loại trừ khả năng can thiệp quân sự trong khi đảng Cộng hòa luôn bày tỏ sự ủng hộ Israel can thiệp quân sự với Iran, khẳng định an ninh Israel thuộc lợi ích an ninh quốc gia sống còn của Mỹ.

Trên ba nhóm vấn đề đối ngoại cơ bản, cách thức xử lý của đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa có một số điểm đồng song cũng bao hàm nhiều khác biệt quan trọng:

Trên vấn đề can thiệp quân sự, đảng Dân chủ chủ trương giảm can thiệp quân sự tại nước ngoài thông qua đề xuất rút quân đội Mỹ khỏi Iraq, cho rằng cuộc chiến tại Iraq là không cần thiết và không đề cập tới mối liên hệ của việc tiến hành cuộc chiến tại Iraq với nỗ lực chống chủ nghĩa khủng bố, dù vẫn tiếp tục duy trì quân đội Mỹ tại mặt trận Afghanistan. Trong khi đó, đảng

Cộng hòa lại kêu gọi việc tiếp tục duy trì quân đội tại cả hai mặt trận này và cho rằng việc chiến thắng tại cả hai mặt trận là đặc biệt quan trọng đối với an ninh quốc gia của Mỹ, gửi thông điệp rõ ràng về quyết tâm chống chủ nghĩa khủng bố cũng như tăng tính răn đe đối với thái độ thù địch của một số quốc gia khu vực (như Iran). Như vậy, hai đảng đều chia sẻ quan điểm trong việc duy trì quân đội và mục tiêu giành chiến thắng tại Afghanistan song bất đồng xung quanh hướng xử lý cuộc chiến tại Iraq. Trong đó, tại Afghanistan, hai đảng đều thống nhất sự cần thiết của việc tăng lực lượng chiến đấu và kêu gọi đồng minh Châu Âu và Chính phủ Afghanistan cùng tăng quân để bảo đảm chiến thắng trên chiến trường, song bất đồng trong các vấn đề cần sự phối hợp của cộng đồng quốc tế theo hướng đảng Dân chủ tập trung vào khía cạnh viện trợ phi quân sự trên lĩnh vực giáo dục và hỗ trợ các dịch vụ thiết yếu của người dân còn đảng Cộng hòa nhấn mạnh tới khía cạnh an ninh trong nỗ lực chống buôn ma túy.

Trên vấn đề xử lý các thách thức toàn cầu, cách tiếp cận và hướng giải quyết của hai đảng có nhiều điểm khác nhau cơ bản. Trong nỗ lực chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, hai đảng cùng chia sẻ tầm quan trọng của vấn đề và sự cần thiết của việc cắt giảm số lượng đầu đạn hạt nhân cũng như bảo đảm các cường quốc hạt nhân khác cũng triển khai tương tự, song hai đảng không có chung quan điểm đối với giới hạn của việc cắt giảm. Trong khi đảng Dân chủ đề xuất cắt giảm số lượng đầu đạn hạt nhân và hướng tới mục tiêu xóa bỏ hoàn toàn vũ khí hạt nhân trên thế giới, đảng Cộng hòa chỉ dừng ở đề xuất cắt giảm tới mức thấp nhất có thể chấp nhận được. Bên cạnh đó, trong bảo đảm an ninh của Mỹ và đồng minh trước mối đe dọa hạt nhân, đảng Cộng hòa đề xuất triển khai hệ thống phòng thủ tên lửa trên lãnh thổ Mỹ và tại các vùng chiến lược để tăng tính răn đe, đảng Dân chủ lại chủ trương theo đuổi biện pháp ngoại giao, thúc đẩy đàm phán trực tiếp với Iran và Bắc Triều Tiên.

Nỗ lực ứng phó với biến đổi khí hậu là vấn đề thể hiện sự khác biệt lớn nhất giữa hai đảng. Trong khi đảng Dân chủ nêu cao việc giải quyết vấn đề cũng như kêu gọi nước Mỹ phải đi đầu trong các nỗ lực ứng phó với biến đổi khí hậu, đảng Cộng hòa cho rằng đây là vấn đề chung của toàn cầu và cần phải có sự chia sẻ trách nhiệm giữa các quốc gia thay vì đặt gánh nặng lên nước Mỹ. Đặc biệt, cương lĩnh tranh cử của đảng Cộng hòa năm 2012 còn cho thấy sự chia rẽ nghiêm trọng giữa hai đảng trên vấn đề này qua những chỉ trích mạnh mẽ đối với Chính quyền Obama như đã trình bày.

Trên vấn đề kinh tế - thương mại, trước thực tế quá trình tự do hóa thương mại đã mang lại cho nước Mỹ nhiều lợi ích kinh tế, an ninh và chiến lược, cả hai đảng đều chia sẻ sự cần thiết của việc duy trì các mối quan hệ thương mại của nước Mỹ với thế giới, thúc đẩy đàm phán và ký kết các thỏa thuận thương mại nhằm mở cửa thị trường cho hàng hóa và dịch vụ của Mỹ, giúp tạo công ăn việc làm cho người lao động Mỹ, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân Mỹ. Tuy nhiên, các quan tâm cơ bản của hai đảng trong quá trình đàm phán các hiệp định thương mại tự do là không giống nhau. Trong khi đảng Dân chủ đề cao khía cạnh môi trường và quyền của người lao động, đảng Cộng hòa lại nhấn mạnh yếu tố bảo đảm lợi ích cho lĩnh vực nông nghiệp cũng như bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của các sản phẩm của Mỹ.

Như vậy, dù chia sẻ mục tiêu chung trong việc duy trì sức mạnh và vị trí số một của Mỹ trên thế giới, song đường hướng đối ngoại nói chung và cách thức xử lý các vấn đề đối ngoại cơ bản nói riêng của đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa là không đồng nhất với nhau. Về cơ bản, quan điểm của hai đảng luôn có sự khác biệt, thậm chí hoàn toàn đối nghịch nhau. Trong đó, có một số vấn đề, dù tồn tại sự thống nhất giữa hai đảng về tầm quan trọng cũng như hướng xử lý song lại xuất hiện những khác biệt trên các khía cách cụ thể của quá trình xử lý. Để xác định chiều hướng đối ngoại của Mỹ cũng như cách

thức nước Mỹ xử lý các vấn đề đối ngoại cơ bản sẽ đi theo hướng nào, phần tiếp theo sẽ làm rõ ảnh hưởng của hai đảng trên chính trường Mỹ và khả năng tác động của hai đảng vào hệ thống hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ dưới thời Tổng thống Obama.

2.1.2. Ảnh hưởng của hai đảng trong hệ thống hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại

2.1.2.1. Ảnh hưởng của hai đảng trong Chính quyền Mỹ

Chiến thắng của ứng cử viên đảng Dân chủ trong cuộc bầu cử Tổng thống 2008 đã đánh dấu một mốc mới trong lịch sử nước Mỹ, Chính quyền Mỹ sau 8 năm dưới sự kiểm soát của đảng Cộng hòa đã được chuyển giao sang đảng Dân chủ. Việc ông Obama trở thành Tổng thống thứ 44 của nước Mỹ được đánh giá là chiến thắng của chiều hướng thiên tả trong nội bộ đảng Dân chủ nói riêng và trên chiến trường Mỹ nói chung, hứa hẹn sẽ tạo ra nhiều điểm đổi mới trong đường hướng lãnh đạo đất nước, giúp thúc đẩy phong trào cánh tả không chỉ ở trong đảng Dân chủ mà còn trong hàng ngũ những người theo đuổi quan điểm tự do tại Mỹ [233; tr. 23].

Tuy nhiên, việc ông Obama giành được đề cử của đảng Dân chủ tại Đại hội toàn quốc sau giai đoạn cạnh tranh quyết liệt với bà Clinton tại kỳ bầu cử sơ bộ và chấp nhận bản cương lĩnh tranh cử với nhiều nội dung thể hiện quan điểm tự do trung tả, đã phần nào phản ánh sự thỏa hiệp giữa hai trường phái trung tả và thiên tả ngay trong nội bộ đảng Dân chủ. Nhằm củng cố sự đoàn kết trong đảng và tranh thủ sự ủng hộ của phái trung tả, trên cương vị Tổng thống, ông Obama đã đưa ra nhiều quyết định lựa chọn nhân sự chủ chốt trong Chính quyền theo hướng cân bằng giữa quan điểm tự do thiên tả mà ông theo đuổi với quan điểm tự do trung tả vốn chiếm ưu thế trong đảng Dân chủ từ sau Chiến tranh Lạnh [94; tr. 14].

Vị trí đầu tiên thể hiện mong muốn của ông Obama trong việc dung hòa giữa hai trường phái trung tả và thiên tả trong Chính quyền Mỹ là Phó Tổng thống Joseph Biden, một chính trị gia kỳ cựu của đảng Dân chủ, từng nắm giữ các vị trí chủ chốt trong Ủy ban Đối ngoại và Ủy ban Tư pháp Thượng viện Mỹ và là phát ngôn chính của đảng Dân chủ trong lĩnh vực an ninh quốc gia và chính sách đối ngoại. Trong giai đoạn bầu cử sơ bộ 2008, ông Biden đã đưa ra nhiều đề xuất chính sách đối ngoại theo hướng cắt giảm can thiệp quân sự của Mỹ ở nước ngoài và tăng cường các biện pháp ngoại giao, đàm phán để xử lý những vấn đề quốc tế then chốt. Trên cương vị Phó Tổng thống Mỹ, các khuyến nghị chính sách của ông Biden đã có ảnh hưởng rất lớn đến nhiều quyết sách của Tổng thống Obama trên lĩnh vực đối ngoại và an ninh quốc gia.

Vị trí thứ hai cũng được cho là một lựa chọn nhằm thể hiện sự hàn gắn với đảng Dân chủ của Tổng thống Obama là vị trí Ngoại trưởng của bà Hillary Clinton. Tương tự như Phó Tổng thống Biden, bà Clinton cũng được đánh giá là một trong những lãnh đạo hàng đầu đảng Dân chủ. Dù chịu ảnh hưởng của trường phái tự do thiên tả song nhiều đề xuất chính sách của bà Clinton trong giai đoạn tranh cử cho thấy sự thỏa hiệp với phái tự do trung tả trong đảng Dân chủ. Về đối ngoại, bà chủ trương thúc đẩy dân chủ - nhân quyền trên thế giới, sử dụng "Ngoại giao thông minh" (chủ trương sử dụng tất cả các thành tố tạo nên sức mạnh Mỹ: quân sự, ngoại giao, kinh tế, thương mại, hình mẫu Mỹ… khi cần và áp dụng khéo léo những thành tố phù hợp nhất với tình hình) với 5 cách tiếp cận chính sách: (i) cập nhật và tạo ra các kênh hợp tác thích hợp với từng đối tác; (ii) theo đuổi cách tiếp cận mang tính nguyên tắc với những nước không "ưa" Mỹ; (iii) nâng nội dung phát triển (nghĩa là Mỹ viện trợ, giúp các nước phát triển kinh tế - xã hội) lên thành một trụ cột trong sức mạnh Mỹ; (iv) triển khai lực lượng "dân sự" bên cạnh lực lượng quân sự đến các khu vực xung đột; (v) sử dụng các đòn bẩy trong đối

ngoại (ngoài các nguồn lực truyền thống của Mỹ, còn bao gồm cả viện trợ kinh tế và sức hấp dẫn của hình mẫu nước Mỹ) [77; tr. 13-24].

Vào nhiệm kỳ II, sau khi bà Clinton tuyên bố từ chức, ông Obama đã lựa chọn một nhân vật quan trọng khác trong đảng Dân chủ, cũng có quan điểm theo trường phái tự do trung tả là Thượng nghị sỹ John Kerry vào vị trí Ngoại trưởng Mỹ. Từng đảm nhiệm vị trí Chủ tịch Ủy ban Đối ngoại Thượng viện Mỹ, ông Kerry là một chính trị gia có nhiều kinh nghiệm và uy tín không chỉ tại Quốc hội Mỹ mà trong nền chính trị Mỹ. Nhìn chung, ông Kerry có thái độ ôn hòa đối với các vấn đề quốc tế, quan tâm nhiều tới các vấn đề chiến lược ở Đông Á - Thái Bình Dương (từng giữ chức Chủ tịch Tiểu ban Đông Á - Thái Bình Dương thuộc Ủy ban Đối ngoại Thượng viện trong nhiều năm, ông Kerry được đánh giá là một trong những chuyên gia hàng đầu về khu vực này). Trong đó, ông chủ trương thúc đẩy phát triển kinh tế và ổn định ở khu vực, coi trọng và thúc đẩy vai trò của ASEAN. Đối với Trung Quốc, ông Kerry chỉ trích nhiều vấn đề liên quan đến tình trạng thâm hụt thương mại Mỹ - Trung và tỷ giá đồng Nhân dân tệ; chủ trương giải quyết quan hệ Trung Quốc - Đài Loan bằng biện pháp hòa bình [128; tr. 63]. Về vấn đề bán đảo Triều tiên, ông ủng hộ đối thoại trực tiếp với Bắc Triều Tiên [82]. Đồng thời, ông cũng chia sẻ những quan tâm đối ngoại của trường phái tự do thiên tả, chú ý tới các vấn đề môi trường và các biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu thông qua việc đồng bảo trợ Luật việc làm trong lĩnh vực năng lượng sạch, tích cực ủng hộ Mỹ tham gia vào Nghị định thư Kyoto và các sáng kiến môi trường khác [129; tr. 48-49]. Trên vấn đề ngăn chặn vũ khí hạt nhân/sinh học/hóa học, ông đóng vai trò chủ chốt trong việc thúc đẩy Thượng viện Mỹ thông qua Hiệp định START mới với Nga, thúc đẩy thông qua Hiệp định cấm thử hạt nhân toàn diện, phản đối việc rút khỏi Hiệp định chống tên lửa đạn đạo [132; tr. 186]. Trong nỗ lực chống khủng bố, ông chủ trương thúc đẩy sự hợp tác quốc tế trên mặt trận chống chủ nghĩa khủng bố, là tác giả của

điều khoản chống rửa tiền trong Đạo luật yêu nước nhằm ngăn chặn nguồn tài chính cho các tổ chức khủng bố, đồng bảo trợ cho Đạo luật An ninh Hàng không và Giao thông năm 2001 [131; tr. 225].

Bên cạnh hai vị trí Phó Tổng thống và Ngoại trưởng, ông Obama cũng rất thận trọng khi lựa chọn các ứng cử viên vào vị trí Cố vấn An ninh Quốc gia. Trong đó, việc lựa chọn tướng về hưu James Jones làm Cố vấn An ninh Quốc gia được giới chuyên gia đánh giá là nhằm tạo nên sự cân bằng trong cách tiếp cận các vấn đề an ninh và đối ngoại vì ông James Jones là người có quan điểm trung lập, không chịu ảnh hưởng bởi chiều hướng chính sách của đảng Dân chủ hoặc đảng Cộng hòa [87]. Sau sự ra đi của ông James Jones do không thích ứng được với văn hóa làm việc tại Hội đồng An ninh Quốc gia [234], ông Obama đã chọn Chánh văn phòng Nhà trắng Tom Donilon làm Cố vấn An ninh Quốc gia thay ông James Jones. Được đánh giá là một người tận tụy và có lập trường gần gũi với Tổng thống Obama, chủ trương đối ngoại của ông Donilon hướng tới nỗ lực tái cân bằng nguồn lực và lợi ích của Mỹ giữa Trung Đông, Châu Âu với Châu Á, nơi ông cho rằng Mỹ cần xây dựng mối quan hệ đối tác gần gũi và tốt đẹp hơn với Trung Quốc và Ấn Độ [112] và chính sách "xoay trục" sang Châu Á được đánh giá là di sản đối ngoại lớn nhất của ông Donilon trên cương vị Cố vấn An ninh Quốc gia [142]. Vào nhiệm kỳ II, bên cạnh sự thay đổi vị trí Ngoại trưởng, vị trí Cố vấn An ninh Quốc gia cũng có sự thay đổi khi Tổng thống Obama lựa chọn Đại sứ Mỹ tại Liên hợp quốc Susan Rice đảm nhận vai trò Cố vấn An ninh Quốc gia. Cùng với Samantha Power (được chọn thay thế bà Rice làm Đại sứ Mỹ tại Liên hợp quốc), bà Susan Rice có quan điểm đối ngoại theo trường phái tự do trung tả, ủng hộ mạnh mẽ biện pháp can thiệp nhân đạo trong chính sách đối ngoại của Mỹ [142] và chủ trương tăng cường hợp tác quốc tế để giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu [181].

Cùng với quyết định lựa chọn người của đảng Dân chủ vào những vị trí chủ chốt có ảnh hưởng tới chính sách đối ngoại, ông Obama cũng muốn tranh thủ sự ủng hộ của đảng Cộng hòa đối với các đề xuất chính sách an ninh - quốc phòng khi giữ lại Bộ trưởng Quốc phòng Robert Gates của Chính quyền George W. Bush, và sau đó bổ nhiệm ông Leon Panetta (là thành viên của đảng Cộng hòa giai đoạn trước 1971) và Chuck Hagel (Thượng nghị sỹ kỳ cựu của đảng Cộng hòa, từng tham gia Ủy ban Đối ngoại và Ủy ban Tình báo Thượng viện) vào vị trí Bộ trưởng Quốc phòng. Tuy nhiên, quyết định bổ nhiệm người của đảng Cộng hòa vào vị trí Bộ trưởng Quốc phòng đã gây ra nhiều bất đồng giữa các cơ quan Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao và Hội đồng An ninh Quốc gia Mỹ trong một thời gian dài, ảnh hưởng nghiêm trọng tới hiệu quả triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ [173]. Do đó, vào giai đoạn cuối, ông Obama đã lựa chọn Ashton Carter (thành viên đảng Dân chủ) có nhiều kinh nghiệm trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng vào vị trí Bộ trưởng Quốc phòng.

Như vậy, các quyết định bổ nhiệm nhân sự cấp cao trong Chính quyền Obama cho thấy mong muốn của Tổng thống trong việc dung hòa giữa các trường phái quan điểm khác nhau trên lĩnh vực đối ngoại và an ninh - quốc phòng, nhằm tạo đồng thuận trong nội bộ Mỹ, tranh thủ được sự ủng hộ của cả hai đảng đối với quá trình hoạch định và triển khai các đề xuất chính sách đối ngoại của Mỹ để ứng phó với các thách thức trong tình hình mới.

2.1.2.2. Ảnh hưởng của hai đảng tại Quốc hội Mỹ

Trong khi thời gian đảng Dân chủ nắm quyền kiểm soát Chính quyền Mỹ kéo dài trong suốt hai nhiệm kỳ Tổng thống, cục diện tại hai viện Quốc hội Mỹ lại thay đổi liên tục, phản ánh tình trạng cạnh tranh quyết liệt giữa hai đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa trên chính trường Mỹ trong giai đoạn này. Trong đó, Chính quyền Obama đã gặp rất nhiều thuận lợi trong hai năm đầu

nhiệm kỳ I khi đảng Dân chủ chiếm ưu thế ở cả hai viện Quốc hội với tỷ lệ 58 Thượng nghị sỹ Dân chủ - 40 Thượng nghị sỹ Cộng hòa tại Thượng viện, và 257 Hạ nghị sỹ Dân chủ - 178 Hạ nghị sỹ Cộng hòa tại Hạ viện Mỹ. Tuy nhiên, ưu thế này đã thay đổi đáng kể sau cuộc bầu cử giữa kỳ năm 2012. Sau bầu cử, trong khi đảng Dân chủ vẫn giữ được đa số tại Thượng viện với tỷ lệ 51 Thượng nghị sỹ Dân chủ và 47 Thượng nghị sỹ Cộng hòa, quyền kiểm soát Hạ viện lại do đảng Cộng hòa nắm giữ khi giành thêm được 63 ghế, dẫn tới tương quan giữa hai đảng tại Hạ viện là 242 Hạ nghị sỹ Cộng hòa và - 193 Hạ nghị sỹ Dân chủ. Cục diện đảng Dân chủ nắm giữ Thượng viện và đảng Cộng hòa nắm giữ Hạ viện tiếp tục kéo dài sang hai năm đầu nhiệm kỳ II của Chính quyền Obama với tỷ lệ 52 Thượng nghị sỹ Dân chủ - 44 Thượng nghị sỹ Cộng hòa tại Thượng viện và 234 Hạ nghị sỹ Cộng hòa - 201 Hạ nghị sỹ Dân chủ tại Hạ viện. Sau cuộc bầu cử giữa kỳ 2014, Chính quyền Obama phải đối mặt với nhiều khó khăn khi đảng Dân chủ để mất quyền kiểm soát cả hai viện Quốc hội về phía đảng Cộng hòa với tương quan 52 Thượng nghị sỹ Cộng hòa - 45 Thượng nghị sỹ Dân chủ tại Thượng viện và 247 Hạ nghị sỹ Cộng hòa - 188 Hạ nghị sỹ Dân chủ tại Hạ viện.

Việc đảng Dân chủ để mất quyền kiểm soát Hạ viện ngay trong cuộc bầu cử giữa kỳ 2010 phần nào phản ánh đánh giá của cử tri Mỹ đối với hiệu quả lãnh đạo của Tổng thống Obama và đảng Dân chủ trước thực trạng chi tiêu của chính phủ tăng mạnh (phục vụ các chính sách về bảo hiểm y tế, cải cách tài chính, gói kích thích kinh tế, luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ) trong khi nền kinh tế Mỹ vẫn đang trong giai đoạn khó khăn, chưa có dấu hiệu phục hồi (tỷ lệ thất nghiệp trung bình 2010 vẫn ở mức 9,6%). Bên cạnh đó, việc Tổng thống Obama và đội ngũ lãnh đạo của đảng Dân chủ kiên quyết thúc đẩy các chính sách xã hội lớn trong bối cảnh xu thế bảo thủ vẫn có ảnh hưởng trong xã hội Mỹ cũng góp phần dẫn tới thất bại của đảng Dân chủ tại Hạ viện. Cục

diện mới tại Quốc hội đã đưa Chính phủ Mỹ rơi vào tình trạng bị chia rẽ một phần dù đảng Dân chủ vẫn tiếp tục nắm ưu thế mạnh hơn vì kiểm soát cả Chính quyền và Thượng viện Mỹ. Cục diện mới này đã khiến Chính quyền Obama gặp không ít khó khăn trong triển khai các chính sách đối nội lớn và không hoàn toàn thuận lợi như thời gian trước trong triển khai các đề xuất chính sách đối ngoại và an ninh - quốc phòng (đặc biệt là về các kế hoạch ngân sách và cải tổ quân đội).

Tiếp theo thất bại năm 2010, cuộc bầu cử giữa kỳ 2012 đã dẫn tới tình trạng Chính phủ Mỹ bị chia rẽ hoàn toàn khi đảng Cộng hòa giành được đa số tại Thượng viện, duy trì kiểm soát Hạ viện và chiếm ưu thế về số ghế Thống đốc bang so với Đảng Dân chủ. Cục diện này đã gây ra rất nhiều khó khăn cho Chính quyền Obama trong việc điều hành đất nước cả về đối nội và đối ngoại. Trong đó, trên lĩnh vực đối ngoại, Chính quyền Obama dù tiếp tục cách tiếp cận theo hướng chú trọng đa phương và chia sẻ trách nhiệm, tránh dính líu sâu vào các cuộc xung đột, ủng hộ can dự và đối thoại với các nước lớn, củng cố hệ thống đồng minh trên phạm vi toàn cầu, song cũng phải đối mặt với không ít sức ép từ phía đảng Cộng hòa trong việc thúc đẩy các lợi ích kinh tế của Mỹ.

2.2. Tác động của hai đảng đến chính sách đối ngoại của Chính quyền Obama

Trong bối cảnh diễn ra sự chuyển dịch trong phân bổ quyền lực ở cơ quan hành pháp và lập pháp trong Chính phủ Mỹ dưới thời Chính quyền Obama, từ trạng thái tập trung dưới sự kiểm soát của đảng Dân chủ sang trạng thái hai đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa chia nhau nắm giữ từng nhánh quyền lực, tác động của hai đảng đến chính sách đối ngoại của Mỹ trong hai nhiệm kỳ của Tổng thống Obama cũng có sự chuyển dịch theo hướng cân bằng hơn. Theo đó, với ưu thế kiểm soát Chính quyền, đảng Dân chủ đã phát huy vai trò

chi phối quá trình hoạch định chính sách đối ngoại của Mỹ, đưa đường hướng lãnh đạo đất nước và các ưu tiên đối ngoại chủ chốt mà đảng Dân chủ theo đuổi trở thành những nội dung cơ bản trong chính sách đối ngoại của Mỹ ở giai đoạn này. Trong khi đó, những tác động của đảng Cộng hòa đến chính sách đối ngoại chủ yếu diễn ra trong quá trình triển khai chính sách và ở giai đoạn sau của Chính quyền Obama khi đảng Cộng hòa từng bước giành lại quyền kiểm soát cả hai viện Quốc hội Mỹ.

2.2.1. Tác động đến nội dung chính sách

Như đã phân tích, với chức năng điều hành mọi công việc của đất nước, Chính quyền Mỹ có vai trò mang tính quyết định đến đường hướng đối ngoại của quốc gia trong khi vai trò của Quốc hội Mỹ trên lĩnh vực đối ngoại có phần hạn chế, chủ yếu phản ánh chức năng giám sát hoạt động của Chính quyền Mỹ. Vì vậy, việc giành được quyền kiểm soát Chính quyền sau kỳ bầu cử 2008 đã mang lại ưu thế vượt trội cho đảng Dân chủ so với đảng Cộng hòa trong việc tác động vào quá trình định hình chính sách đối ngoại của Mỹ. Trên thực tế, các nội dung cơ bản trong chính sách đối ngoại của Mỹ trong hai nhiệm kỳ của Tổng thống Obama chủ yếu phản ánh đường hướng đối ngoại được thể hiện trong cương lĩnh tranh cử năm 2008 và 2012 của đảng Dân chủ.

Trong các văn kiện chính thức, Chiến lược An ninh Quốc gia được đánh giá là văn bản quan trọng nhất, phản ánh tổng thể đường hướng chính sách của mỗi Chính quyền Mỹ trên lĩnh vực đối ngoại và an ninh - quân sự. Dưới lăng kính của những người tự do, đánh giá về các thách thức an ninh và đối ngoại nước Mỹ đang phải đối mặt, bản Chiến lược An ninh Quốc gia 2010 của Chính quyền Obama khẳng định toàn cầu hóa đã làm những mối đe dọa đối với an ninh quốc gia của Mỹ trở nên nghiêm trọng hơn, những mối đe dọa này bao gồm chủ nghĩa khủng bố quốc tế, tình trạng phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, những bất ổn của nền kinh tế thế giới và thực trạng biến đổi khí hậu

diễn ra trên toàn cầu [212; tr. i]. Như vậy, so với Chiến lược An ninh Quốc gia 2006 của Chính quyền George.W. Bush, việc đưa vấn đề biến đổi khí hậu trở thành thách thức an ninh nghiêm trọng đến vị thế an ninh quốc gia của Mỹ cho thấy rõ ảnh hưởng của tư tưởng tự do theo khuynh hướng thiên tả đến đường hướng đối ngoại của Tổng thống Obama.

Bên cạnh việc đưa thêm vấn đề biến đổi khí hậu vào nhóm các thách thức an ninh nước Mỹ cần phải giải quyết, tác động của tư tưởng tự do còn ảnh hưởng đến nội dung chính sách đối ngoại của Chính quyền Obama trên khía cạnh lựa chọn cách thức tiếp cận giải quyết các vấn đề an ninh. Theo đó, bản Chiến lược An ninh Quốc gia 2010 nhấn mạnh nước Mỹ cần tiếp tục thúc đẩy lợi ích quốc gia một cách hiệu quả thông qua việc tăng cường sức mạnh trong nước; tăng cường can dự toàn diện trên cả ba trụ cột là ngoại giao, kết hợp sức mạnh kinh tế với sức mạnh quân sự; đẩy mạnh hợp tác quốc tế, củng cố quan hệ với các đồng minh truyền thống, xây dựng và mở rộng quan hệ với các đối tác mới để giải quyết các vấn đề toàn cầu. Đồng thời, bản Chiến lược cũng nhấn mạnh đến trật tự quốc tế mà nước Mỹ theo đuổi là một trật tự có thể giải quyết những thách thức của thời đại trong việc ứng phó với tình trạng nổi dậy và bạo lực cực đoan, ngăn chặn việc phổ biến vũ khí hạt nhân và bảo đảm nguyên liệu chế tạo vũ khí hạt nhân luôn nằm trong tầm kiểm soát an toàn, ứng phó với tình trạng biến đổi khí hậu và duy trì tăng trưởng toàn cầu, giúp các quốc gia củng cố thực lực để phát triển, xử lý và ngăn chặn các cuộc xung đột vũ trang [212; tr. ii].

Trên cơ sở đó, chính sách đối ngoại của Chính quyền Obama dần được định hình và có những đặc trưng cơ bản:

- *Về an ninh - quân sự,* Chính quyền Obama chủ trương xây dựng quân đội Mỹ trở thành lực lượng cơ động, hiện đại, có mặt trên khắp toàn cầu, đủ sức đối phó với các cuộc chiến tranh thông thường (với lực lượng quân đội

của các quốc gia khác), các cuộc chiến tranh bất cân xứng (với lực lượng khủng bố, cướp biển, buôn bán ma túy) cũng như ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống (bạo lực, động đất, sóng thần) [223]. Với chủ trương cắt giảm can thiệp quân sự của Mỹ ở nước ngoài, cuộc chiến chống khủng bố của Mỹ sau thời gian bị "quân sự hóa" dưới thời Chính quyền George.W. Bush đã được Chính quyền Obama từng bước "dân sự hóa" khi xác định nguồn gốc của chủ nghĩa khủng bố là những bất công trong xã hội và tình trạng đói nghèo. Vì vậy, để xóa bỏ tận gốc chủ nghĩa khủng bố, nước Mỹ cần làm giải quyết những nguồn gốc nêu trên thông qua việc thúc đẩy đồng thời dân chủ và phát triển trên thế giới. Đáng chú ý, sự thay đổi quan trọng trong đường hướng quân sự, thể hiện ảnh hưởng của tư tưởng đối ngoại tự do đến Chính quyền Obama, là việc từ bỏ phương châm "đánh đòn phủ đầu", nhấn mạnh "nếu nước Mỹ cần phải hành động quân sự, thì phải có sự phối hợp chặt chẽ với đồng minh và đối tác" [60].

- *Về kinh tế - thương mại,* khác với các quan điểm của phái bảo thủ vốn chủ trương thúc đẩy lợi ích kinh tế thông qua tự do hóa thương mại, chịu ảnh hưởng của tư tưởng tự do, chính sách kinh tế - thương mại của Chính quyền Obama tập trung vào các biện pháp nhằm bảo đảm tính công bằng, cùng có lợi và bảo vệ việc làm của người lao động Mỹ. Theo đó, trước tình trạng thâm hụt thương mại năm 2008 lên tới 708,7 tỷ USD - cao gấp 1,9 lần năm 2000 [222], trong báo cáo kinh tế thường niên trình Quốc hội (tháng 2/2010), Chính quyền Obama đã đưa ra mục tiêu tăng gấp đôi xuất khẩu trong vòng 5 năm thông qua việc đẩy mạnh quan hệ với các thị trường mới nổi, duy trì các đối tác thương mại chủ chốt và theo đuổi chính sách can dự với các khu vực [212]. Sau đó, mục tiêu này đã được cụ thể hóa trong Sáng kiến Xuất khẩu Quốc gia[14] do Chính quyền Obama đưa ra vào tháng 3/2010.

[14] Tiếng Anh: National Export Initiative.

Đồng thời, để tranh thủ phe Cộng hòa trên vấn đề kinh tế - thương mại, Chính quyền Obama đã không phản đối các hiệp định thương mại tự do được Chính quyền George W. Bush ký kết, song trong quá trình đàm phán các hiệp định mới (Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương - TPP và Hiệp định Đối tác thương mại và đầu tư xuyên Đại Tây Dương - TTIP), Chính quyền Obama thường lồng ghép các ưu tiên thúc đẩy nhân quyền dưới hình thức bảo vệ quyền của người lao động cũng như ưu tiên ứng phó với biến đổi khí hậu dưới hình thức tiêu chuẩn cao về bảo vệ môi trường.

- *Về dân chủ, nhân quyền và tôn giáo,* do đây là quan tâm hàng đầu của đảng Dân chủ nên thúc đẩy dân chủ, nhân quyền và bảo đảm tự do tôn giáo trên toàn cầu là một trong những vấn đề được Chính quyền Obama đặc biệt ưu tiên. Tuy nhiên, dưới ảnh hưởng của phái tự do thiên tả, Chính quyền Obama tiếp cận vấn đề dân chủ, nhân quyền từ quan điểm coi thế giới có nhiều sự khác biệt, cho rằng "nền dân chủ ở một quốc gia không thể dựa vào một quốc gia bất kỳ ở bên ngoài. Mỗi quốc gia cần phải tự tìm kiếm một con đường cho riêng mình và trên thực tế không có con đường nào đi đến dân chủ được cho là hoàn thiện. Mỗi quốc gia cần đi theo con đường được xây dựng dựa trên nền tảng văn hóa của dân tộc mình", và chỉ trích cách thức "tuyên truyền và áp đặt mô hình dân chủ Mỹ" của các Chính quyền tiền nhiệm. Do đó, thay vì theo đuổi nỗ lực thúc đẩy dân chủ ở các khu vực khác nhau trên thế giới, Chính quyền Obama chú trọng giải quyết những vấn đề mà bản thân nước Mỹ bị chỉ trích và cho là vi phạm nhân quyền như thông qua các lệnh cấm mọi hình thức tra tấn, tiến hành điều tra các nhà tù của Cơ quan tình báo quốc gia - CIA và đẩy mạnh việc đóng nhà tù Guatanamo. Đồng thời, dù vẫn đề cập đến vấn đề dân chủ, nhân quyền và tự do tôn giáo trong quan hệ với các nước nhưng Chính quyền Obama có cách tiếp cận mềm mỏng, không đối đầu và duy trì đối thoại.

- *Về ứng phó với các thách thức toàn cầu,* chịu ảnh hưởng bởi quan điểm nền tảng của phái tự do thiên tả, Chính quyền Obama đặc biệt quan tâm thúc đẩy các nỗ lực giải quyết vấn đề này và cách thức Chính quyền Obama lựa chọn là ưu tiên thúc đẩy hợp tác quốc tế, đẩy mạnh vai trò của các diễn đàn đa phương. Theo đó, Chính quyền Obama chủ trương "cách thức để vượt qua những thách thức toàn cầu là một giải pháp toàn cầu với hành động và trách nhiệm tập thể", và đẩy mạnh tái can dự vào các hoạt động tại Liên hợp quốc để thúc đẩy vai trò thực chất của cơ chế này. Trong các thách thức toàn cầu, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và ứng phó với biến đổi khí hậu là hai vấn đề Chính quyền Obama đặc biệt quan tâm và đã chủ động đề ra các biện pháp triển khai cụ thể, kết hợp nỗ lực đơn phương trong việc đi đầu trong các cam kết cắt giảm vũ khí chiến lược, cắt giảm phát thải, với các kênh đa phương và quốc tế.

2.2.2. Tác động đến quá trình triển khai chính sách

Việc giành được quyền kiểm soát Chính quyền không chỉ giúp đảng Dân chủ có được lợi thế trước đảng Cộng hòa trong quá trình định hình chính sách, những lợi thế đó còn được thể hiện trong quá trình triển khai chính sách thông qua việc bổ nhiệm nhân sự chủ chốt trong nội các cũng như trong các cơ quan có vai trò quan trọng trên lĩnh vực an ninh - đối ngoại thuộc Chính quyền Mỹ. Bên cạnh đó, ảnh hưởng của đảng Dân chủ đối với quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ trong hai năm đầu nhiệm kỳ I của Chính quyền Obama còn được mở rộng sau khi đảng này tiếp tục giành được quyền kiểm soát cả Thượng viện và Hạ viện Mỹ trong kỳ bầu cử 2008. Chính vì vậy, các đề xuất chính sách đối ngoại của đảng Dân chủ được Chính quyền Obama từng bước triển khai trong hai năm đầu nhiệm kỳ gặp nhiều thuận lợi dù vẫn chịu nhiều sức ép từ đảng Cộng hòa tại Quốc hội trên một số vấn đề nhất định. Trong giai đoạn này, nhằm tranh thủ bối cảnh chính trị

thuận lợi do đảng Dân chủ nắm giữ cả hai nhánh quyền lực trong Chính phủ Mỹ, bên cạnh việc triển khai các đề xuất chính sách đối ngoại nhận được sự chia sẻ của hai đảng Dân chủ và Cộng hòa như quyết định tăng gấp đôi số lượng quân đội Mỹ tại chiến trường Afghanistan lên 17.000 quân vào ngày 18/2/2009 [204],Tổng thống Obama đã nhanh chóng triển khai những đề xuất chính sách đối ngoại hai bên còn bất đồng như tuyên bố rút quân đội Mỹ khỏi chiến trường Iraq ngày 27/2/2009 [165] và ký kết Hiệp định START mới với Tổng thống Nga Dmitry Medvedev ngày 8/4/2010, trong đó cam kết cắt giảm số lượng đầu đạn chiến lược của hai nước từ 2.000 xuống 1.550 trong bẩy năm [200].

Lợi thế của đảng Dân chủ trong việc tác động vào hệ thống hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ đã bị suy giảm sau cuộc bầu cử giữa kỳ 2010 và 2012, khi đảng để mất quyền kiểm soát Hạ viện về phía đảng Cộng hòa và đưa Chính phủ Mỹ rơi vào tình trạng chia rẽ một phần trong bốn năm tiếp theo của Chính quyền Obama. Tuy nhiên, với việc vẫn nắm giữ Thượng viện và Chính quyền Mỹ, vai trò và ảnh hưởng của đảng Dân chủ trong quá trình triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ vẫn còn tương đối lớn. Trong giai đoạn này, Chính quyền Obama tiếp tục thúc đẩy các vấn đề hai bên còn bất đồng như đề xuất chính chính sách mới của Mỹ về ứng phó biến đổi khí hậu trong bài phát biểu tại Đại học Georgetown tháng 6/2013 [169].

Cùng với thất bại trong cuộc bầu cử giữa kỳ 2014, để mất quyền kiểm soát lưỡng viện Quốc hội Mỹ về phía đảng Cộng hòa, lợi thế của đảng Dân chủ trong quá trình triển khai chính sách đối ngoại của Chính quyền Obama đã bị thu hẹp và buộc phải chấp nhận chia sẻ phần nào quyền hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại với đảng Cộng hòa trong một chính phủ bị chia rẽ. Trong giai đoạn này, các đề xuất chính sách đối ngoại của Chính quyền Obama thể hiện tính hòa hoãn cao nhằm tranh thủ sự ủng hộ của Quốc

hội Mỹ do đảng Cộng hòa kiểm soát. Trong đó, vấn đề quan trọng được Chính quyền Obama tranh thủ thành công là nỗ lực thúc đẩy Quốc hội Mỹ trao Thẩm quyền đàm phán nhanh cho Tổng thống ngày 29/6/2015, dù quá trình này diễn ra không hoàn toàn suôn xẻ do tác động của tình hình chính trị nước Mỹ trước thềm bầu cử 2016 [57].

2.2.3. Tác động đến kết quả triển khai chính sách

Trong khi cả ba trường phái tự do trung tả, tự do thiên tả và bảo thủ ôn hòa đều ủng hộ việc triển khai chính sách đối ngoại theo hướng đa phương, kết hợp các biện pháp ngoại giao và quân sự trong quá trình triển khai chính sách, sự khác biệt cơ bản trên vấn đề đối ngoại của ba trường phái này là mục tiêu của chính sách đối ngoại. Trong đó, trường phái tự do trung tả chủ trương nêu cao sứ mệnh truyền bá dân chủ, bảo vệ nhân quyền trên toàn thế giới, ủng hộ biện pháp can thiệp quân sự vào những nơi mà họ cho rằng các vấn đề nhân đạo đang bị đe dọa [104; tr. 268], trường phái tự do thiên tả lại chú trọng thúc đẩy hợp tác quốc tế để ứng phó với các các thách thức toàn cầu như dịch bệnh, đói nghèo, ứng phó biến đổi khí hậu…[104; tr. 125], và trường phái bảo thủ ôn hòa tập trung thúc đẩy tự do thương mại và chủ trương thiết lập trật tự thương mại toàn cầu theo hướng phục vụ cho lợi ích kinh tế và an ninh của Mỹ [94; tr. 170-171]. Trên cơ sở đó, có thể thấy tác động của nhân tố đảng phái đến chính sách đối ngoại của các Chính quyền Mỹ nói chung và Chính quyền Tổng thống Obama nói riêng sẽ thể hiện rõ nét nhất trên ba cụm vấn đề: (i) Can thiệp quân sự của Mỹ ở nước ngoài; (ii) Xử lý các thác thức toàn cầu; và (iii) Lợi ích kinh tế - thương mại trong trật tự thế giới đang định hình.

2.2.3.1. Vấn đề can thiệp quân sự ở nước ngoài

Với nền tảng quan điểm của trường phái tự do thiên tả, phản đối đường hướng can thiệp nhân đạo của trường phái tự do trung tả cũng như các biện pháp can thiệp quân sự của trường phái bảo thủ ôn hòa, ngay sau khi nhậm

chức, Tổng thống Obama đã đề xuất chương trình nghị sự đối ngoại theo hướng hòa giải với thế giới, tăng hợp tác đa phương, giảm rõ rệt tính đơn phương và cường quyền so với Tổng thống George W. Bush tuy không từ bỏ khả năng sử dụng vũ lực, kể cả đơn phương khi cần thiết, nhấn mạnh sự cần thiết của việc cắt giảm biện pháp can thiệp quân sự trong xử lý các vấn đề quốc tế.

Theo đó, trên khía cạnh can thiệp quân sự nước ngoài, ưu tiên chính sách đầu tiên của Chính quyền Obama là rút quân khỏi chiến trường Iraq. Tuy nhiên, dưới sức ép của đảng Cộng hòa về nguy cơ dẫn tới tình trạng bất ổn nếu Mỹ đột ngột rút quân khỏi nước này và nhằm bảo đảm việc rút quân diễn ra suôn sẻ, Tổng thống Obama đã có một số điều chỉnh theo hướng giảm tốc độ rút quân tại đây. Tại Căn cứ lục quân Lejeune, bang North Carolina ngày 27/2/2009, Tổng thống Obama đã công bố chiến lược 3 giai đoạn về việc rút quân đội Mỹ khỏi chiến trường Iraq [166]. Giai đoạn 1: rút "một cách có trách nhiệm" các binh đoàn chiến đấu trong vòng 18 tháng và kết thúc hoạt động tác chiến ở Iraq vào ngày 31/8/2010. Giai đoạn 2: duy trì lực lượng chuyển đổi từ 35-50.000 quân để thực hiện chức năng đào tạo, cung cấp vũ khí - khí tài và cố vấn lực lượng an ninh; tiến hành các hoạt động chống khủng bố có mục tiêu cụ thể và bảo vệ các cơ sở dân sự và quân sự Mỹ ở Iraq. Giai đoạn 3: trong năm 2011, rút toàn bộ quân Mỹ khỏi Iraq theo Thoả thuận về các lực lượng Mỹ ở Iraq đã ký giữa Mỹ và Iraq.

Kế hoạch rút quân của Tổng thống Obama với lộ trình từng bước nhận được sự ủng hộ của nhiều thành viên chủ chốt của đảng Cộng hòa tại Quốc hội Mỹ, song lại chịu sự chỉ trích gay gắt từ đảng Dân chủ về quy mô rút quân. Ngay trước bài phát biểu về kế hoạch rút quân đội Mỹ khỏi Iraq, ngày 26/2/2009, Tổng thống Obama đã có cuộc gặp với lãnh đạo đảng Cộng hòa tại hai viện Quốc hội nhằm đưa ra cam kết về việc Chính quyền Mỹ đã có

phương án nhằm bảo đảm việc quân đội Mỹ rút khỏi Iraq sẽ không gây ra sự bất ổn tại đất nước này. Sau cuộc gặp, Tổng thống Obama đã nhận được sự ủng hộ của các nghị sỹ Cộng hòa tại Quốc hội, trong đó có Thượng nghị sỹ John McCain, ứng cử viên Tổng thống của đảng Cộng hòa trong kỳ bầu cử 2008, người đã chỉ trích ông Obama trong quá trình tranh cử là quá "ngây thơ" và cho rằng kế hoạch rút quân chắc chắn sẽ thất bại. Cùng với Thượng nghị sỹ McCain, Hạ nghị sỹ John Boehner, lãnh đạo đảng Cộng hòa tại Hạ viện cũng bày tỏ sự ủng hộ với kế hoạch rút quân. Hạ nghị sỹ John McHugh, thành viên cao cấp của đảng Cộng hòa tại Ủy ban Quân vụ Hạ viện khẳng định "mục tiêu rút quân đội Mỹ tại Iraq của Tổng thống Obama là một kế hoạch chúng ta chờ đợi và nên cùng hợp tác để triển khai".

Trong khi đó, về phía đảng Dân chủ, Chủ tịch Hạ viện Mỹ, Hạ nghị sỹ Nancy Pelosi bày tỏ "lo ngại đặc biệt" và chỉ trích mạnh mẽ việc Chính quyền Obama quyết định duy trì 50.000 quân Mỹ tại Iraq nhằm mục tiêu hỗ trợ Chính phủ Iraq bảo đảm an ninh trong quá trình chuyển giao. Chia sẻ quan ngại này với Chủ tịch Hạ viện Pelosi có lãnh đạo phe đa số tại Thượng viện, Thượng nghị sỹ Harry Reid, Thượng nghị sỹ Dân chủ đại diện bang Washington Patty Murray và Thượng nghị sỹ Dân chủ đại diện bang New York Charles Schumer. Các nghị sỹ đảng Dân chủ nhấn mạnh sự cần thiết của việc rút quân đội Mỹ tại Iraq và kêu gọi Chính quyền Obama sớm đưa ra "sự giải thích hợp lý về quyết định duy trì số lượng quân đội Mỹ lớn như vậy tại Iraq" [56].

Ưu tiên thứ hai trong chính sách đối ngoại của Tổng thống Obama trên vấn đề can thiệp quân sự ở nước ngoài là quyết định hạn chế tối đa việc sử dụng biện can thiệp quân sự của Mỹ và tăng cường các biện pháp ngoại giao, đàm phán. Tuy nhiên, việc triển khai chính sách đối ngoại theo hướng giảm can thiệp nhân đạo của Tổng thống Obama đã vấp phải sự phản đối của chính

các thành viên đảng Dân chủ trong Chính quyền Mỹ, trong đó Ngoại trưởng Clinton và Đại sứ Mỹ tại Liên hợp quốc (sau là Cố vấn An ninh Quốc gia) Susan Rice là những nhân vật có vai trò nổi bật trong các nỗ lực thúc đẩy Tổng thống Obama quyết định can thiệp quân sự tại Libya, dưới danh nghĩa "trách nhiệm phải bảo vệ" - nhấn mạnh trách nhiệm của nước Mỹ trong việc ngăn chặn nạn diệt chủng dù ở trong hay bên ngoài lãnh thổ nước Mỹ [216]. Trước sức ép của các thành viên đảng Dân chủ trong Chính quyền, dù nhận được tư vấn không nên tiến hành áp lệnh cấm bay tại Libya từ Bộ trưởng Quốc phòng Robert Gates và các cố vấn tình báo, Tổng thống Obama vẫn đưa ra quyết định can thiệp quân sự vào Libya theo hướng thúc đẩy hành động tập thể dưới danh nghĩa Liên hợp quốc [146; tr. 444].

Khác với trường hợp Libya, trong tình huống Chính quyền Tổng thống Syria Al-Assad sử dụng vũ khí hóa học chống lại dân thường trong cuộc khủng hoảng năm 2012, vượt qua "giới hạn đỏ" do chính Tổng thống Obama đưa ra [141], dù chịu sức ép rất lớn từ các thành viên trong Chính quyền Mỹ ủng hộ giải pháp can thiệp nhân đạo như Ngoại trưởng Clinton, Bộ trưởng Quốc phòng Panetta và Giám đốc Tình báo Quốc gia Patraeus [80; tr. 461-264], cũng như từ phía đảng Cộng hòa về việc nước Mỹ cần thực hiện cam kết đã đưa ra [117], Tổng thống Obama đã đi tới quyết định không sử dụng vũ lực và thực hiện đúng lập trường quan điểm tránh can thiệp nhân đạo vào quốc gia khác [103]. Thay vào đó, Tổng thống Obama ưu tiên các biện pháp chính trị - ngoại giao, phối hợp chặt chẽ với đồng minh, đối tác và vận động Liên hợp quốc ra các Nghị quyết về Syria [168]. Tuy nhiên, quyết định "bỏ qua giới hạn đỏ" của Tổng thống Obama trong trường hợp Syria đã vấp phải sự chỉ trích mạnh mẽ từ chính giới và dư luận Mỹ vì đã làm suy giảm nghiêm trọng độ tin cậy về những cam kết của nước Mỹ đối với đồng minh và đối tác [171; tr. 450-451].

2.2.3.2. Vấn đề xử lý các thách thức toàn cầu

Ngay trong quá trình tranh cử Tổng thống, ông Obama đã luôn đề cao việc tăng cường hợp tác để giải quyết các thách thức toàn cầu, trong đó hai vấn đề quan trọng được sắp xếp ưu tiên trong chương trình nghị sự của Chính quyền Obama là vấn đề chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và vấn đề ứng phó với biến đổi khí hậu [212; tr. 3].

Trên vấn đề chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, cả hai đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa đều thống nhất về sự cần thiết phải ngăn chặn nguy cơ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt song lại bất đồng về cách thức đạt được mục tiêu này. Trong khi các thành viên đảng Cộng hòa đặt ưu tiên trong việc tăng cường sức mạnh quân sự và khả năng răn đe của nước Mỹ, thông qua các nỗ lực nâng cấp năng lực hạt nhân, các thành viên đảng Dân chủ lại chủ trương theo đuổi giải pháp ngoại giao, đề xuất chiều hướng chính sách nhằm giảm sự phụ thuộc về an ninh của nước Mỹ vào việc sở hữu vũ khí hủy diệt hàng loạt [61]. Trong kỳ bầu cử 2008, phát biểu tại Đại học Denver, bang Colorado ngày 27/5/2008, ứng cử viên Tổng thống đảng Cộng hòa McCain khẳng định nước Mỹ nên duy trì "sức mạnh răn đe hạt nhân, tiềm lực phòng thủ tên lửa mạnh mẽ và các thế hệ vũ khí thông thường vượt trội để có thể tạo được khả năng phòng vệ mạnh mẽ bảo vệ nước Mỹ và đồng minh [150]. Trong khi đó, ứng cử viên Tổng thống đảng Dân chủ Obama trong bài phát biểu tại Hội đồng Chicago về các vấn đề toàn cầu ngày 23/4/2007, đã khẳng định nếu trở thành Tổng thống Mỹ, ông sẽ "lãnh đạo một nỗ lực toàn cầu trong việc bảo đảm mọi vũ khí hạt nhân và vật liệu được sử dụng để chế tạo vũ khí hạt nhân sẽ được kiểm soát an toàn nhằm ngăn chặn những kẻ khủng bố có thể tiếp cận để sử dụng cho mục tiêu chế tạo bom hạt nhân", đồng thời kêu gọi nước Mỹ cần "đàm phán một hiệp ước toàn cầu trong việc cấm sản xuất vật liệu để chế tạo vũ khí hạt nhân" [164].

Trong bối cảnh tồn tại bất đồng gay gắt giữa hai đảng Dân chủ và Cộng hòa trong việc lựa chọn cách thức giải quyết vấn đề chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, thể hiện qua sự bế tắc trong việc thúc đẩy Quốc hội Mỹ phê chuẩn Hiệp ước cấm thử hạt nhân toàn diện do sự phản đối của phe Cộng hòa, nhằm theo đuổi những cam kết được đưa ra trong quá trình tranh cử cũng như nhằm cải thiện tình trạng bất đồng giữa hai đảng trên vấn đề này, Tổng thống Obama đã đưa ra sáng kiến tổ chức Hội nghị Thượng đỉnh về An ninh Hạt nhân trong bài phát biểu tại Prague (Cộng hòa Séc) ngày 5/4/2009. Bên cạnh việc đề xuất các biện pháp nhằm giảm thiểu, dần tiến tới xóa bỏ hoàn toàn các kho hạt nhân cũng như củng cố việc triển khai Hiệp ước chống phổ biến, bài phát biểu của Tổng thống Obama nhấn mạnh tới sự cần thiết của việc thúc đẩy các nỗ lực hợp tác quốc tế để ứng phó với các thách thức khủng bố hạt nhân [166]. Việc nhấn mạnh tầm quan trọng trong việc ngăn chặn các tổ chức khủng bố có thể tiếp cận vũ khí hạt nhân hoặc vật liệu hạt nhân của Tổng thống Obama được hình thành trên nền tảng đề xuất của Hội kín lưỡng đảng[15] về vấn đề an ninh hạt nhân tại Quốc hội Mỹ do hai Hạ nghị sỹ Adam Schiff (Dân chủ) và Jeff Fortenberry (Cộng hòa) thúc đẩy thành lập từ tháng 5/2008. Thông cáo báo chí về việc thành lập Hội kín lưỡng đảng nhấn mạnh "khủng bố hạt nhân là một thách thức đặc biệt nghiêm trọng", do đó mục đích của việc thành lập Hội kín lưỡng đảng là nhằm "tăng cường nhận thức và phối hợp để tạo ra những thay đổi trong chính sách an ninh quốc gia của Mỹ nhằm đối phó với thách thức đó" [197]. Trên cơ sở đó, sáng kiến về việc tăng cường hợp tác đa phương trên vấn đề hạt nhân của Tổng thống Obama đã nhận được sự ủng hộ rộng lớn từ các thành viên của cả hai đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa tại Quốc hội Mỹ.

[15] Tiếng Anh: Caucus.

Trên nền tảng quan điểm then chốt của phái tự do thiên tả, chủ trương thúc đẩy hợp tác quốc tế để xử lý những thách thức chung mà nhân loại đang phải đối mặt, bên cạnh vấn đề an ninh toàn cầu - chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, vấn đề ứng phó biến đổi khí hậu là ưu tiên quan trọng tiếp theo được Chính quyền Obama xác định rõ trong Chiến lược An ninh Quốc gia năm 2010 [212; tr. 5] và Chiến lược An ninh Quốc gia năm 2015 [214; tr. 12]. Tuy nhiên, khác với vấn đề chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, các nỗ lực nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu của Chính quyền Obama không nhận được sự ủng hộ từ đảng Cộng hòa tại Quốc hội Mỹ. Tại Hạ viện, Dự luật năng lượng sạch và an ninh nước Mỹ - America Energy and Security Act, do Hạ nghị sỹ Dân chủ đại diện bang California Henry A. Waxman giới thiệu, chỉ nhận được sự thông qua với số phiếu sát sao 219 ủng hộ, 212 phản đối vào ngày 26/6/2009 [84]. Tại Thượng viện, Dự luật ứng phó với biến đổi khí hậu, kêu gọi cắt giảm cắt giảm 20% khí thải gây hiệu ứng nhà kính năm 2020 so với mức năm 2005 và 50% trước năm 2050, xây dựng cơ chế thương mại khí thải và đặt ra mức khí thải cho phép và hạn mức cho các công ty, do hai Thượng nghị sỹ Dân chủ John Kerry và Barbara Boxer đồng bảo trợ và giới thiệu vào tháng 10/2009 [98], đã vấp phải phản đối từ phía đảng Cộng hòa do lo ngại cách giải quyết của Dự luật trên sẽ làm tăng thêm gánh nặng về thuế cho người dân Mỹ và cho rằng giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu chủ yếu thông qua việc phát triển công nghệ mới [193].

Bên trong đảng Cộng hòa cũng không có tiếng nói thống nhất trên vấn đề biến đổi khí hậu, trong khi ứng viên Tổng thống đảng Cộng hòa năm 2008 John McCain là một trong những nghị sỹ Quốc hội hoạt động mạnh mẽ nhằm giới thiệu những văn bản luật để xử lý vấn đề này (Dự luật quản lý khí hậu - Climate Stewardship Act - do ông và Thượng nghị sỹ Joe Lieberman đồng bảo trợ năm 2003 [83]), các thành viên khác của đảng Cộng hòa lại tỏ hoài

nghi về các bài viết khoa học liên quan tới vấn đề biến đổi khí hậu và cho rằng những công bố khoa học về sự ấm lên toàn cầu đã bị bóp méo với ý đồ chính trị [192]. Chính vì vậy, dù cương lĩnh tranh cử của đảng Cộng hòa năm 2008 đề cập tới vấn đề "ấm lên toàn cầu gây ra bởi những hoạt động của con người" và cho rằng "nước Mỹ cần đưa ra những bước đi hợp lý và được cân nhắc kỹ lưỡng hướng tới nỗ lực giảm thiểu những ảnh hưởng không mong muốn lên môi trường" [178; tr. 35], cương lĩnh tranh cử của đảng Cộng hòa năm 2012 lại hoàn toàn không đề cập tới vấn đề biến đổi khí hậu và phản đối bất kỳ "văn bản pháp lý nào" đặt ra quy định đối với vấn đề khí thải gây hiệu ứng nhà kính.

Nhằm tranh thủ sự đồng thuận của đối thủ đảng Cộng hòa trong kỳ bầu cử 2008, ngay sau khi nhậm chức, Chính quyền Obama đã bổ nhiệm Đặc phái viên về vấn đề biến đổi khí hậu Todd Stern nhằm gửi đi thông điệp tới cộng đồng quốc tế về việc "nước Mỹ sẽ mạnh mẽ, tập trung, nghiêm túc và có chiến lược trong việc giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu và năng lượng sạch" [76]. Dưới nỗ lực thúc đẩy mạnh mẽ của Mỹ, Tổng thống Obama và nguyên thủ của gần 115 quốc gia đã tham gia Hội nghị lần thứ 15 các bên tham gia Công ước khung về biến đổi khí hậu của Liên Hợp Quốc tại Copenhagen (UNFCCC) vào tháng 12/2009. Hội nghị đã cam kết hỗ trợ 30 tỷ USD cho các nước phát triển trong việc đối phó với vấn đề biến đổi khí hậu giai đoạn 2010 - 2012; riêng Chính quyền Mỹ cam kết thông qua việc cung cấp cho chương trình 7,5 tỉ USD trong thời hạn 3 năm [229]. Bước vào nhiệm kỳ II, dù bối cảnh chính trị nội bộ không còn thuận cho việc triển khai chương trình nghị sự trên vấn đề ứng phó biến đổi khí hậu, Chính quyền Obama vẫn tỏ rõ quyết tâm tiếp túc thúc đẩy mạnh mẽ các nỗ lực hợp tác quốc tế trên lĩnh vực này. Trong bài phát biểu tại Đại học Georgetown tháng 6/2013, Tổng thống Obama đã đưa ra chính sách mới của Mỹ về ứng phó biến đổi khí hậu;

khẳng định Mỹ sẽ đạt mục tiêu cắt giảm 17% khí thải gây hiệu ứng nhà kính so với mức năm 2005 vào năm 2020 thông qua các biện pháp chuyển sản xuất điện bằng than đá sang dùng năng lượng mặt trời và khí đốt thiên nhiên; kêu gọi sự hợp tác của các nước như Trung Quốc, Ấn Độ, Brazil trong các chính sách liên quan đến vấn đề biến đổi khí hậu [169]. Trong đó, nỗ lực được đánh giá là thành công nhất của Chính quyền Obama trong việc kêu gọi sự phối hợp của các quốc gia vào nỗ lực toàn cầu ứng phó với biến đổi khí hậu là thỏa thuận đạt được giữa Mỹ và Trung Quốc trong chuyến thăm Trung Quốc dịp dự Hội nghị Cấp cao APEC 2014. Hai bên ra Thông báo chung về chống biến đổi khí hậu và hợp tác về năng lượng sạch, đưa ra kế hoạch hành động chung về vấn đề này theo hướng Mỹ cam kết nâng mức cắt giảm khí thải nhà kính lên một mức mới (giảm 26 - 28% mức của năm 2005 vào năm 2025) còn Trung Quốc lần đầu tiên cam kết sẽ không để lượng khí thải hàng năm tăng thêm kể từ năm 2030 và nâng tỷ trọng nhiên liệu không hóa thạch trong cơ cấu tiêu thụ năng lượng của Trung Quốc lên khoảng 20% vào năm 2030. Thỏa thuận giữa Mỹ và Trung Quốc trên vấn đề ứng phó biến đổi khí hậu đã tạo động lực quan trọng đối với nỗ lực toàn cầu trên lĩnh vực này. Ngày 12/12/2015, đại diện 195 nước tham dự Hội nghị Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP-21) đã nhất trí thông qua Hiệp định Paris, cam kết cắt giảm khí thải gây hiệu ứng nhà kính. Với sự tham gia của 194 nước thành viên, Hiệp định đã chính thức có hiệu lực từ ngày 4/11/2016 [225].

2.2.3.3. Vấn đề kinh tế - thương mại

Chủ trương của Chính quyền Obama trong quá trình xử lý cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu là tăng cường hợp tác quốc tế theo hướng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững và các lợi ích kinh tế chiến lược của Mỹ thông qua việc đàm phán các hiệp định thương mại tự do [212; tr. 43]. Tuy nhiên, trong những năm đầu nhiệm kỳ của Tổng thống Obama, chính sách thương mại

của Mỹ chưa thực sự được chú trọng và có xu hướng bảo hộ, đặc điểm phản ánh đường hướng của đảng Dân chủ, vốn đang nắm giữ cả hai viện Quốc hội Mỹ từ năm 2006 [75]. Sau khi đảng Cộng hòa giành đa số tại Hạ viện cuối năm 2010 và lưỡng viện Quốc hội vào năm 2014, các biện pháp thúc đẩy thương mại mới thực sự được Chính quyền Mỹ coi trọng và triển khai.

Dưới nỗ lực của Chính quyền Obama, tới năm 2012, các Hiệp định thương mại tự do đã được đàm phán từ thời Chính quyền George W. Bush như Hiệp định thương mại tự do với Colombia, Hàn Quốc và Panama, đã được Quốc hội Mỹ chính thức được thông qua, góp phần mở cửa thị trường cho hàng hóa xuất khẩu của Mỹ [167]. Bên cạnh đó, Chính quyền Obama coi mục tiêu tăng cường xuất khẩu là một trong những trọng tâm hàng đầu của chính sách thương mại. Để đạt mục tiêu tăng gấp đôi xuất khẩu trong vòng 5 năm (2010-2015), tăng trưởng xuất khẩu hàng năm đạt 15%, Báo cáo kinh tế của Tổng thống năm 2011 đã nêu ra 3 nhóm biện pháp chính, trong đó có nhóm biện pháp quan trọng là đàm phán để mở cửa các thị trường mới [213].

Bước sang nhiệm kỳ II, Chính quyền Obama đã có những điều chỉnh theo hướng coi trọng và ưu tiên thúc đẩy thương mại tự do trong chương trình nghị sự. Phát biểu tại Hội nghị lựa chọn đầu tư vào Mỹ (24/3/2015), Ngoại trưởng John Kerry khẳng định việc mở cửa thương mại và đầu tư quốc tế mang lại cơ hội lớn, góp phần giúp Mỹ tiếp nhận nguồn năng lượng, sự sáng tạo, đổi mới và việc làm [130]. Các quan chức Chính quyền Mỹ nhiều lần nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thúc đẩy mở cửa thị trường hàng hóa, khẳng định 95% người tiêu dùng hàng hoá Mỹ sống bên ngoài nước Mỹ [209]. Trên cơ sở đó, việc thúc đẩy đàm phán các FTA song phương và khu vực với trọng tâm là Hiệp định TPP và TTIP là một trong những biện pháp quan trọng giúp các doanh nghiệp Mỹ tiếp cận với thị trường rộng lớn trên thế giới qua đó góp phần tăng trưởng xuất khẩu, tạo việc làm, tăng cường vai trò của tầng lớp trung lưu, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế.

Như vậy, xuất phát từ lợi ích của nước Mỹ, nhằm tranh thủ ủng hộ của đảng Cộng hòa trong việc thúc đẩy thiết lập trật tự thương mại toàn cầu, Chính quyền Obama đã điều chỉnh chính sách kinh tế đối ngoại theo hướng ưu tiên thúc đẩy thương mại tư do. Tuy nhiên, các hiệp định thương mại do Chính quyền Obama thúc đẩy cũng bao hàm khía cạnh bảo vệ quyền của người lao động (vốn nhận được sự ủng hộ của trường phái tự do ôn hòa trong đảng Dân chủ) và các vấn đề môi trường (do trường phái tự do thiên tả của đảng Dân chủ quan tâm thúc đẩy). Trong đó, Chính quyền Obama đã nỗ lực thúc đẩy đàm phán Hiệp định TPP với mục tiêu thiết lập một FTA khu vực "chất lượng cao và toàn diện của thế kỷ XXI". Việc Mỹ tham gia TPP cùng các nước là nhằm tạo ra mô hình mới về hội nhập và hợp tác kinh tế khu vực, giúp làm sâu sắc thêm quan hệ đồng minh, đối tác; nhấn mạnh cam kết lâu dài của Mỹ với khu vực; thúc đẩy trật tự khu vực trong đó Mỹ giữ vai trò dẫn dắt và chi phối [126].

Trên thực tế, Chính quyền Obama đã gặp nhiều khó khăn trong quá trình đàm phán và ký kết Hiệp định TPP do sự chia rẽ trong nội bộ Mỹ liên quan tới vấn đề này, đặc biệt trong các nỗ lực vận động Quốc hội Mỹ trao Thẩm quyền đàm phán nhanh (TPA) cho Tổng thống. Sau nhiều nỗ lực vận động trong nội bộ, ngày 29/6/2015, Tổng thống Mỹ Barack Obama đã ký ban hành Luật về các ưu tiên và trách nhiệm thương mại 2015 (sau khi đã được Quốc hội Mỹ thông qua, trong đó trao TPA cho Tổng thống Mỹ, góp phần tạo thuận lợi cho Chính quyền Obama trong quá trình sớm hoàn tất đàm phán và thông qua Hiệp định TPP nói riêng và trong triển khai chính sách Tái cân bằng với Châu Á – Thái Bình Dương nói chung) [57]. Việc Quốc hội Mỹ thông qua TPA được coi là một "thắng lợi" lớn của Chính quyền Tổng thống Obama trong nỗ lực vận động sự ủng hộ của nội bộ Mỹ (giữa Chính quyền và Quốc hội, giữa đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa cũng như trong nội bộ đảng Dân

chủ). Đồng thời, việc Tổng thống Obama được Quốc hội Mỹ trao TPA đã góp phần đẩy nhanh quá trình đàm phán TPP, đưa tới sự nhất trí giữa các thành viên trong kỳ họp cuối cùng ngày 5/10/2015 tại Atlanta (Mỹ) và chính thức ký kết ngày 4/2/2016 tại Auckland (New Zealand).

Tuy nhiên, trong bối cảnh bầu cử Tổng thống năm 2016, nhằm tránh gây ảnh hưởng tiêu cực đến sự ủng hộ của cử tri đảng Dân chủ, vốn phản đối các hiệp định tự do thương mại vì cho rằng đây là nguyên nhân dẫn tới tình trạng chuyển dịch việc làm từ thị trường lao động Mỹ sang các thị trường có mức chi phí lương thấp hơn [72], Chính quyền Obama đã tránh đề nghị Quốc hội phê chuẩn Hiệp định TPP. Dù được đánh giá là một trong những trụ cột của chiến lược Tái cân bằng tại Châu Á, Hiệp định TPP không chỉ có ý nghĩa kinh tế mà còn mang ý nghĩa chiến lược đối với tương lai của nước Mỹ, song những tranh cãi trong nội bộ Mỹ đã dẫn tới tình trạng "đóng băng" Hiệp định ở giai đoạn cuối của Chính quyền Obama.

2.3. Nghiên cứu trường hợp cụ thể: Chiến lược Tái cân bằng tại Châu Á - Thái Bình Dương

Chiến lược Tái cân bằng tại Châu Á - Thái Bình Dương[16] của Chính quyền Obama là quyết định điều chỉnh quan trọng trong tổng thể chính sách đối ngoại của Mỹ và là ví dụ điển hình cho thấy nhân tố đảng phái có tác động mạnh mẽ tới quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ. Khác với quan điểm của đảng Cộng hòa thể hiện trong Cương lĩnh tranh cử của đảng Cộng hòa 2008, nhìn nhận khu vực dưới lăng kính các mối quan hệ song phương, chú trọng quan hệ với đồng minh truyền thống như Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan và Philippines [178; tr. 9-10], Cương lĩnh tranh cử của đảng Dân chủ 2008 đã khẳng định cam kết can dự với khu vực theo hướng duy trì quan hệ với các đồng minh truyền thống, mở rộng và làm sâu

[16] Tên gọi ở giai đoạn đầu là "Xoay trục" (Pivot), sau được chuyển thành "Tái cân bằng" (Rebalance).

sắc hơn quan hệ với các đối tác dân chủ quan trọng (nhấn mạnh yếu tố "dân chủ"), củng cố các khuôn khổ hợp tác hiệu quả (nhấn mạnh yếu tố "đa phương) theo hướng định hình cấu trúc khu vực rộng mở và toàn diện nhằm bảo đảm thúc đẩy ổn định, thịnh vượng và nhân quyền [90; tr. 47-48]. Chính vì vậy, so với thời Chính quyền George W. Bush, chính sách của Mỹ với khu vực Châu Á - Thái Bình Dương dưới thời Chính quyền Obama đã có một bước chuyển quan trọng.

2.3.1. Tác động của nhân tố đảng phái chính trị đến nội dung chiến lược Tái cân bằng

Trên cơ sở nhận được sự ủng hộ lưỡng đảng về tính cấp thiết của việc sớm điều chỉnh chính sách theo hướng tăng cường quan hệ với khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, Chính quyền Obama đã đưa ra những bước điều chỉnh cơ bản trong chính sách với khu vực. Tuyên bố của Tổng thống Obama tại Tokyo, Nhật Bản tháng 11/2009 khẳng định "vận mệnh của Mỹ và Châu Á - Thái Bình Dương gắn bó với nhau hơn bao giờ hết" [166], đã đánh dấu xu hướng điều chỉnh chính sách của Chính quyền Mỹ đối với khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Tiếp đó, tuyên bố của Ngoại trưởng Mỹ Hillary Clinton ngày 12/1/2010 tại Hawaii khẳng định "tương lai của Mỹ liên quan chặt chẽ với Châu Á –Thái Bình Dương, còn tương lai của Châu Á - Thái Bình Dương sẽ phải dựa vào Mỹ, Mỹ có lợi ích quan trọng về kinh tế và chiến lược trong việc tiếp tục lãnh đạo châu Á" [78], thể hiện rõ xu hướng điều chỉnh chính sách theo hướng tăng cường quan hệ với khu vực của Chính quyền Obama.

Theo đó, chính sách với khu vực Châu Á - Thái Bình Dương của Chính quyền Obama được xây dựng trên cơ sở xem xét lại chính sách mang đậm hướng đơn phương của Chính quyền Tổng thống Cộng hòa George W. Bush và là sự mở rộng, khẳng định lại chính sách của Chính quyền Tổng thống Dân chủ Clinton. Đồng thời, chịu ảnh hưởng bởi tư tưởng đối ngoại tự do, chính

sách với khu vực nói riêng và chính sách đối ngoại nói chung của Chính quyền Obama nhấn mạnh khía cạnh hợp tác ngoại giao thay vì sử dụng vũ lực; coi trọng tiếp xúc để tăng cường hiểu biết thay vì đối kháng cô lập; thừa nhận lợi ích chung song không phủ nhận mâu thuẫn, xung đột; và nhấn mạnh việc phát triển cơ chế đa phương, chứ không đơn thuần dựa vào liên minh quân sự song phương. Từ đó, Chính quyền Obama xác định mục tiêu trọng tâm của Mỹ tại Châu Á - Thái Bình Dương là duy trì vai trò lãnh đạo và xây dựng cấu trúc an ninh và kinh tế nhằm mang lại ổn định và thịnh vượng cho khu vực [79].

Về tổng quan, chính sách Tái cân bằng của Chính quyền Obama với khu vực Châu Á - Thái Bình Dương tập trung vào năm trụ cột: (i) Chính trị - ngoại giao; (ii) An ninh - quân sự; (iii) Kinh tế - thương mại; (iv) Dân chủ - nhân quyền; và (v) Xử lý các vấn đề khu vực.

Trên cơ sở cách tiếp cận đề cao công cụ ngoại giao, ngay từ nhiệm kỳ đầu (2009 - 2015), Chính sách với khu vực của Chính quyền Obama tập trung mạnh vào *trụ cột chính trị - ngoại giao*. Trên phương diện song phương, Chính quyền Obama đề ra đường hướng củng cố và tăng cường quan hệ đồng minh với Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc, Thái Lan, Philippines; thiết lập và nâng cấp quan hệ mạnh mẽ với các đối tác quan trọng như Ấn Độ, Trung Quốc và các đối tác mới như Singapore, Indonesia, New Zealand, Việt Nam. Trên phương diện đa phương, điểm nổi bật thể hiện ảnh hưởng của trường phái tự do và tạo ra sự khác biệt trong chính sách với khu vực của Chính quyền Obama so với Chính quyền Tổng thống tiền nhiệm George.W. Bush là chủ trương can dự sâu hơn vào các thể chế và diễn đàn khu vực như ASEAN, APEC, ARF, EAS, Shangri-la.

Trụ cột an ninh - quân sự với các nội hàm cụ thể được Chính quyền Obama đưa ra trong bản Định hướng chiến lược quốc phòng của Mỹ

(1/2012), bên cạnh khẳng định Mỹ sẽ tăng hiện diện quân sự tại khu vực, Chính quyền Obama chủ yếu tập trung vào khía cạnh thúc đẩy hợp tác quốc phòng đa phương theo hướng đầu tư và phối hợp với các đồng minh và đối tác quan trọng, mở rộng mạng lưới quan hệ, đảm bảo khả năng phối hợp chung trên toàn khu vực đồng thời xây dựng trật tự quốc tế dựa trên nguyên tắc nhằm đảm bảo cho sự phát triển kinh tế, hợp tác quốc phòng và cung cấp nền tảng quan trọng đối với an ninh khu vực [224].

Về kinh tế - thương mại, cách tiếp cận cơ bản trong chính sách của Chính quyền Obama là tăng cường can dự với các tổ chức đa phương ở khu vực, coi Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC) là diễn đàn quan trọng để thúc đẩy phát triển thương mại và sự thịnh vượng trong khu vực và thúc đẩy đàm phán Hiệp định TPP để tăng cường can dự với các nước hướng tới mục tiêu hình thành một thỏa thuận khu vực có sự tham gia rộng rãi của các thành viên, với các tiêu chuẩn cao về lao động và môi trường.

Về dân chủ - nhân quyền, luôn là vấn đề ưu tiên hàng đầu của đảng Dân chủ, song cách tiếp cận của Chính quyền Obama lại thể hiện rõ sự ảnh hưởng của phái tự do thiên tả. Theo đó, thay vì áp đặt gay gắt các giá trị Mỹ lên các quốc gia khác, Chính quyền Obama giảm chỉ trích các quốc gia khác trên vấn đề này và chủ trương hỗ trợ các quốc gia tự tìm con đường đi riêng hướng tới việc thiết lập một nền dân chủ thực sự.

Trong xử lý các thách thức an ninh khu vực, Chính quyền Obama chủ trương thúc đẩy các nỗ lực ngoại giao và pháp lý, kết hợp các biện pháp răn đe quân sự với ngoại giao, đa phương và song phương, tránh để căng thẳng vượt ra ngoài tầm kiểm soát [190].

2.3.2. Tác động của nhân tố đảng phái chính trị đến quá trình triển khai chiến lược Tái cân bằng

Dưới ảnh hưởng bởi tư tưởng đối ngoại của trường phái tự do, trong quá trình triển khai chính sách đối ngoại, Chính quyền Obama ưu tiên lựa chọn sử

dụng công cụ ngoại giao và thúc đẩy vai trò của các thể chế, diễn đàn đa phương và khu vực.

Trên phương diện song phương, công cụ ngoại giao được Chính quyền Obama sử dụng hiệu quả thông qua các quyết định củng cố quan hệ đồng minh với các nước Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc, Philippines và Thái Lan. Trong đó, Chính quyền Obama coi *Nhật Bản* là "xương sống" trong chính sách của Mỹ với Đông Bắc Á, xác định mối quan hệ đồng minh truyền thống là "rường cột" của an ninh và thịnh vượng của cả Châu Á - Thái Bình Dương, hỗ trợ giúp tăng vai trò của Nhật trong các vấn đề chính trị ở khu vực và toàn cầu thông qua các cơ chế hợp tác Mỹ - Nhật và bên thứ ba. *Với Hàn Quốc*, Chính quyền Obama ủng hộ Hàn Quốc phát huy vai trò tích cực trong việc duy trì ổn định an ninh khu vực Đông Bắc Á, cũng như duy trì sự hiện diện của quân đội Mỹ trên lãnh thổ nước này nhằm ứng phó với mối đe dọa từ Bắc Triều Tiên. *Với Úc*, Chính quyền Obama nêu cao vai trò của Úc và phối hợp chặt chẽ với Úc, luân chuyển quân luân phiên tới căn cứ quân sự Darwin theo nhiệm kỳ sáu tháng. *Với Philippines và Thái Lan,* Chính quyền Obama triển khai nhiều hoạt động nhằm củng cố quan hệ như tổ chức Đối thoại Chiến lược song phương Mỹ - Philippines, tích cực hỗ trợ Thái Lan trong các hoạt động khắc phục thiên tai. Với các nước đối tác, Chính quyền Obama chú trọng ổn định quan hệ với *Trung Quốc,* xem đây là một trong những nội hàm quan trọng nhất trong chính sách với khu vực; chủ động thể hiện mong muốn nâng cấp quan hệ Đối tác Chiến lược với *Ấn Độ,* xác định mối quan hệ Đối tác Chiến lược Mỹ - Ấn là hết sức cần thiết đối với lợi ích quốc gia của Mỹ; nâng cấp quan hệ Đối tác Toàn diện với *Indonesia;* xác lập khuôn khổ quan hệ Đối tác Toàn diện với *Việt Nam,* đưa mối quan hệ Việt - Mỹ trở thành hình mẫu cho sự hợp tác giữa hai nước từ cựu thù thành bạn bè và đối tác tin cậy của nhau.

Đồng thời, trên nền tảng coi trọng ngoại giao đa phương và các cơ chế, diễn đàn khu vực, Chính quyền Obama chủ động tăng cường quan hệ cũng như tham gia tích cực vào các diễn đàn khu vực như ARF, APEC, EAS… Đặc biệt, Chính quyền Obama đẩy mạnh hợp tác với ASEAN, ủng hộ vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc an ninh và kinh tế khu vực. Việc Mỹ điều chỉnh và tăng cường quan hệ với ASEAN được thể hiện trên cả hai mặt chính trị và kinh tế, tuy nhiên mặt chính trị có phần nổi trội hơn thông qua việc Tổng thống Obama lần đầu tham gia Hội nghị Các nhà lãnh đạo Mỹ - ASEAN (tháng 11/2009) và sau đó nâng cấp thành Hội nghị Cấp cao Mỹ - ASEAN (2013), thiết lập quan hệ Đối tác Chiến lược ASEAN - Mỹ (11/2015), cũng như chủ động mời lãnh đạo cấp cao các nước ASEAN dự họp Hội nghị Cấp cao đặc biệt Mỹ - ASEAN tại Mỹ (2/2016).

Trên trụ cột an ninh - quân sự, Chính quyền Obama đưa ra quyết định tái bố trí lực lượng của Mỹ trên toàn cầu, ưu tiên tăng cường hiện diện tại khu vực theo kế hoạch điều chỉnh tỷ lệ lực lượng hải quân và không quân tại khu vực so với toàn cầu từ 50%-50% lên 60%-40% năm 2020. Trên thực tế, bên cạnh quá trình điều chuyển lực lượng như kế hoạch nêu trên, Chính quyền Obama chú trọng nhiều hơn vào khía cạnh mở rộng và nâng cấp các kênh hợp tác song phương và đa phương với các nước trong khu vực hơn là theo đuổi hình thái răn đen quân sự của Chính quyền Bush, chủ trương giải quyết các vấn đề an ninh khu vực thông qua kênh ngoại giao và pháp lý, đưa ra các sáng kiến hợp tác an ninh đa phương như Sáng kiến mạng lưới an ninh dựa trên nguyên tắc được Bộ trưởng Quốc phòng Ashton Carter đưa ra tại Đối thoại Shangri-la (6/2016).

Trụ cột kinh tế - thương mại là một trong ba trụ cột chính của chính sách tăng cường quan hệ với khu vực song là trụ cột ít được Chính quyền Obama đầu tư nhất. Trên thực tế, ngoài nỗ lực thúc đẩy Quốc hội thông qua Hiệp

định FTA với Hàn Quốc và đưa ra Sáng kiến can dự kinh tế mở rộng (E3) với tổ chức ASEAN nhằm đẩy mạnh thương mại và đầu tư giữa Mỹ với Đông Nam Á, các nỗ lực của Chính quyền Obama trên lĩnh vực này chủ yếu tập trung vào việc thúc đẩy đàm phán Hiệp định TPP với mục tiêu thành lập FTA khu vực có tiêu chuẩn cao, hướng tới thiết lập Khu vực thương mại tự do chung của Châu Á - Thái Bình Dương (FTAAP). Tuy nhiên, do không phải ưu tiên hàng đầu của Chính quyền Obama nói riêng và của đảng Dân chủ nói chung nên trong bối cảnh bầu cử Tổng thống năm 2016, Chính quyền Obama đã tránh đề nghị Quốc hội phê chuẩn Hiệp định, bước cuối cùng để đưa Hiệp định đi vào thực thi.

Tiểu kết

Trong bối cảnh phải xử lý nhiều thách thức đối nội và đối ngoại trong tình hình mới, sau 8 năm cầm quyền của Chính quyền George W. Bush, Đại hội đảng Dân chủ và Đại hội đảng Cộng hòa đã đề ra hai bản cương lĩnh tranh cử với sự thống nhất về mục tiêu duy trì sức mạnh và vị trí số một của Mỹ trên thế giới thông qua các nỗ lực củng cố luật pháp quốc tế và tác động vào quá trình định hình trật tự thế giới mới. Tuy nhiên, về cách thức triển khai đường hướng đối ngoại để đạt được mục tiêu đề ra, hai đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa lại đề xuất những biện pháp hoàn toàn khác nhau. Trong khi đảng Dân chủ đề xuất cắt giảm ngân sách quốc phòng, giảm sự can thiệp quân sự và giàn trải quân đội Mỹ ở các khu vực trên thế giới, đề cao biện pháp ngoại giao và thúc đẩy hợp tác quốc tế để ứng phó với những thách thức toàn cầu đang diễn ra, đảng Cộng hòa lại chủ trương tăng ngân sách quốc phòng để củng cố tiềm lực quân sự vượt trội của Mỹ, tăng khả năng răn đe và sẵn sàng đơn phương sử dụng sức mạnh quân sự để can thiệp và ngăn chặn những mối đe dọa tiềm tàng đối với an ninh quốc gia của Mỹ.

Sau cuộc bầu cử Tổng thống và bầu cử Quốc hội 2008, đảng Dân chủ ở vào vị thế thuận lợi khi vừa giành được quyền nắm giữ Chính quyền và kiểm soát lưỡng viện Quốc hội Mỹ. Dù theo đuổi tư tưởng đối ngoại tự do thiên tả, nêu cao sự cần thiết của việc thúc đẩy hợp tác quốc tế để ứng phó với những thách thức toàn cầu, Tổng thống Obama cũng phải có những động thái hòa giải với phái tự do trung tả trong nội bộ đảng Dân chủ thông qua việc đề cử các chính trị gia chủ chốt trong đảng Dân chủ vào các vị trí quan trọng trong Chính quyền. Đồng thời, quyết định giữ lại Bộ trưởng Quốc phòng Robert Gates của Tổng thống Obama cũng nhằm gửi thông điệp hòa giải với đảng Cộng hòa để giảm thiểu sự phản đối với các đề xuất chính sách của Chính quyền trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng.

Trong ba vấn đề cơ bản tạo ra sự bất đồng trong chính sách giữa hai đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa cũng như giữa các phái khác nhau trong mỗi đảng, nội dung và kết quả triển khai các đề xuất chính sách của Chính quyền Obama đã chịu tác động mạnh mẽ bởi nhân tố đảng phái. Trong đó, Tổng thống Obama đã rất quyết liệt triển khai những ưu tiên chính sách trong việc cắt giảm sự can thiệp của Mỹ và ứng phó với biến đổi khí hậu, song cũng phải thỏa hiệp không chỉ với đảng Cộng hòa mà còn với chính nội bộ đảng Dân chủ trên vấn đề chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và chính sách kinh tế đối ngoại. Tuy nhiên, trong chính sách với khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, do nhận được sự ủng hộ từ lưỡng đảng về đường hướng tăng cường quan hệ với khu vực, quá trình định hình và triển khai chính sách Châu Á của Chính quyền Obama diễn ra tương đối thuận lợi, giúp cải thiện quan hệ của Mỹ với khu vực cũng như tăng hiện diện của Mỹ tại khu vực. Qua đó, có thể thấy đường hướng và kết quả triển khai chính sách của Chính quyền Obama chịu sự tác động rõ rệt của nhân tố đảng phái trong bối cảnh thực trạng chia rẽ gay gắt giữa hai đảng Dân chủ và Cộng hòa trong nền chính trị Mỹ.

CHƯƠNG 3:
TÁC ĐỘNG CỦA NHÂN TỐ ĐẢNG PHÁI ĐẾN CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA MỸ GIAI ĐOẠN HẬU OBAMA

Để làm rõ tác động của nhân tố đảng phái chính trị đến chính sách đối ngoại của Mỹ giai đoạn hậu Obama, chương 3 sẽ đi vào đánh giá tổng quan về tác động của nhân tố đảng phái chính trị đến chính sách đối ngoại của Mỹ trước giai đoạn Chính quyền Obama nhằm xây dựng khung phân tích về tác động của nhân tố đảng phái chính trị về chính sách đối ngoại của Mỹ, từ đó áp dụng khung phân tích đã được xây dựng để dự báo về tác động của nhân tố đảng phái chính trị đến chính sách đối ngoại của Mỹ sau cuộc bầu cử 2016 nói chung cũng như chính sách với khu vực Châu Á - Thái Bình Dương nói riêng, và đưa ra những khuyến nghị chính sách đối với Việt Nam trong bối cảnh tình hình mới.

3.1. Đánh giá tác động của nhân tố đảng phái đến chính sách đối ngoại của Mỹ

3.1.1. Giai đoạn trước Chính quyền Obama

3.1.1.1. Trường phái tự do trung tả và chính sách đối ngoại của Chính quyền Clinton

Dù có cùng quan điểm cho rằng một nền dân chủ vững mạnh sẽ là cơ sở quan trọng giúp mang lại sự thịnh vượng cho các quốc gia, song những người chủ trương theo quan điểm tự do lại chia rẽ về cách thức thúc đẩy mô hình dân chủ kiểu Mỹ ra thế giới bên ngoài, giữa một trường phái chủ trương áp đặt mô hình đó lên các quốc gia khác (phái trung tả) với trường phái chủ trương củng cố nền dân chủ trong nước, hướng tới mục tiêu tạo dựng mô hình nhà nước dân chủ kiểu mẫu để các quốc gia khác noi theo (phái thiên tả).

Phái trung tả trong đảng Dân chủ phát triển mạnh mẽ và chiếm ưu thế trong nội bộ đảng Dân chủ ở giai đoạn sau Chiến tranh Lạnh, với đại diện tiêu biểu là Tổng thống Bill Clinton. Sau thất bại trong ba cuộc bầu cử liên tiếp từ năm 1980 với các đề xuất chính sách theo hướng thiên tả trên nhiều vấn đề kinh tế, xã hội, đảng Dân chủ rơi vào giai đoạn khủng hoảng trầm trọng và đặt ra yêu cầu cấp bách phải tái định hình đường hướng toàn diện để có thể giành lại ảnh hưởng trên chính trường Mỹ [227; tr. 97-101]. Trong bối cảnh đó, Bill Clinton xuất hiện với vai trò đại diện của "thế hệ những người Dân chủ mới", ông đã thể hiện lập trường chính trị theo hướng trung tả và giành chiến thắng trong cuộc bầu cử Tổng thống năm 1992, giúp mang lại cho phái trung tả vị thế "thống trị" trong nội bộ đảng Dân chủ [228; tr. 99]. Chịu ảnh hưởng sâu sắc của phái trung tả, các đề xuất chính sách đối ngoại của đảng Dân chủ ở giai đoạn này nêu cao sứ mệnh truyền bá dân chủ, bảo vệ nhân quyền trên toàn thế giới [208]. Chủ trương hành động của họ được xây dựng nhằm mục tiêu áp đặt mô hình dân chủ kiểu Mỹ trên toàn thế giới, sẵn sàng sử dụng sức mạnh quân sự khi cần thiết để can thiệp vào những nơi mà họ cho rằng các vấn đề nhân đạo đang bị đe dọa [104; tr. 268]. Tuy nhiên, vì đề cao khía cạnh hợp tác trong quan hệ quốc tế, họ không chủ trương đơn phương sử dụng sức mạnh quân sự mà thường tiến hành can thiệp quân sự dưới ngọn cờ liên minh các quốc gia đấu tranh vì dân chủ hoặc thông qua hình thức là quyết định của Liên hợp quốc.

Có thể thấy đường hướng đối ngoại của phái trung tả với quyết tâm theo đuổi sứ mệnh truyền bá dân chủ và bảo vệ nhân quyền đã có tác động mạnh mẽ tới chính sách đối ngoại của Chính quyền Clinton. Với sứ mệnh truyền bá dân chủ và bảo vệ nhân quyền, việc Chiến lược An ninh Quốc gia "Cam kết và mở rộng" của Chính quyền Clinton nhấn mạnh "lợi ích của nước Mỹ trong nỗ lực mở rộng cộng đồng các xã hội tự do và mở, đặc biệt tại những khu vực Mỹ có lợi ích chiến lược lớn nhất" [201; tr. 2], cho thấy nỗ lực của Chính

quyền Clinton tập trung vào các biện pháp ưu tiên thúc đẩy tiến trình dân chủ hóa trên toàn cầu. Trong quá trình đó, Chính quyền Clinton đề cao lợi ích thúc đẩy dân chủ và bảo vệ nhân quyền, tiến hành biện pháp can thiệp quân sự thô bạo vào Somalia, Haiti và Kosovo cũng như tái cơ cấu hình thức sử dụng viện trợ nhân đạo để thúc đẩy các lợi ích chiến lược, kinh tế và chính trị của Mỹ [140; tr. 17-28].

Cùng với tác động của phái trung tả lên chính sách đối ngoại của Chính quyền Clinton về mặt nội dung, đội ngũ nhân sự trên lĩnh vực an ninh - đối ngoại được Tổng thống Clinton lựa chọn còn cho thấy ảnh hưởng mạnh mẽ của trường phái này bên trong đảng Dân chủ. Trong đó, những vị trí quan trọng đều có kinh nghiệm thực tế cũng như nền tảng học thuật chịu ảnh hưởng của tư tưởng tự do trung tả, ưu tiên thúc đẩy dân chủ, nhân quyền và theo đuổi chủ nghĩa đa phương như Ngoại trưởng Warren Christopher (từng là Thứ trưởng Ngoại giao điều phối chính sách nhân quyền dưới thời Chính quyền Carter), Ngoại trưởng Madeleine Albright (từng là trợ lý trong Hội đồng An ninh Quốc gia dưới thời Chính quyền Carter, chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi quan điểm đối ngoại của cựu Cố vấn An ninh Quốc gia Brzezinski), Cố vấn an ninh quốc gia Tony Lake (nổi tiếng với tư tưởng đối ngoại tự do theo hướng thúc đẩy dân chủ trên toàn thế giới)… Với những lựa chọn nổi bật này, đội ngũ nhân sự an ninh - đối ngoại của Chính quyền Clinton được đánh giá là sự tập trung của "những người Dân chủ mới", những người theo đuổi quốc tế chủ nghĩa với cam kết mạnh mẽ vào đường hướng chính sách đối ngoại đa phương, tập trung thúc đẩy dân chủ, đấu tranh vì nhân quyền và các vấn đề nhân đạo trên thế giới [96; tr. 19-20].

3.1.1.2. Trường phái bảo thủ ôn hòa và chính sách đối ngoại của Chính quyền George H.W. Bush và Chính quyền Goerge W. Bush

Sau Chiến tranh Lạnh, vị thế siêu cường thế giới của Mỹ với sức mạnh tổng hợp vượt trội trong tương quan so sánh với các trung tâm quyền lực

khác, đã tạo bối cảnh thuận lợi để những quan điểm then chốt của phái bảo thủ ôn hòa giành ưu thế chiếm lĩnh ảnh hưởng ngay bên trong nội bộ đảng Cộng hòa với đại diện nổi bật là hai cha con Tổng thống George H.W. Bush và George W. Bush. Dù đều là những người bảo thủ thuộc phái ôn hòa, song cách tiếp cận các vấn đề đối ngoại của Tổng thống George H.W. Bush (cha) và George W. Bush (con) lại không hoàn toàn đồng nhất và phản ánh sự phân nhóm bên trong chính phái bảo thủ ôn hòa thành hai nhóm bảo thủ quốc tế chủ nghĩa và bảo thủ mới:[17]

Nhóm bảo thủ quốc tế chủ nghĩa mà Tổng thống George H.W. Bush là đại diện, ủng hộ việc Mỹ can dự vào giải quyết các vấn đề quốc tế, cho rằng lợi ích của Mỹ mở rộng ra bên ngoài lãnh thổ quốc gia nên Mỹ cần phải thể hiện vai trò lãnh đạo trên thế giới [208]. Với chủ trương kết hợp việc sử dụng sức mạnh quân sự cùng với các công cụ ngoại giao và kinh tế để đạt những mục đích trong chính sách đối ngoại của Mỹ, nhóm bảo thủ quốc tế chủ nghĩa ủng hộ việc tăng chi ngân sách cho quốc phòng nhằm xây dựng ưu thế vượt trội về quân sự của Mỹ trong so sánh lực lượng với các quốc gia khác và coi sự lớn mạnh về tiềm lực quân sự của Mỹ là nền tảng để bảo đảm sự ổn định của trật tự quốc tế. Đối với các chương trình viện trợ nước ngoài và các phương thức can dự nhân đạo, nhóm bảo thủ quốc tế chủ nghĩa không có chủ trương phản đối song cho rằng nước Mỹ nên dành ngân sách phù hợp để triển khai theo hướng này, và sức mạnh ngoại giao cần phải được hỗ trợ bởi nền tảng quân sự để bảo đảm việc sử dụng công cụ này một cách hiệu quả. Bên cạnh đó, nhóm này cũng ủng hộ việc tham gia của Mỹ vào các định chế kinh tế quốc tế và coi đây là cách thức cần thiết để thúc đẩy trật tự kinh tế mở trên thế giới. Họ cho rằng việc thúc đẩy tự do hóa thương mại và truyền bá dân chủ sẽ giúp tạo ra một hệ thống quốc tế tự do hơn, thịnh vượng hơn và phục vụ hữu ích hơn cho các lợi ích chiến lược của Mỹ [94; tr. 169-171].

[17] Tiếng Anh: Conservative internationalism và Neoconservatives.

Các quan điểm đối ngoại của nhóm bảo thủ quốc tế chủ nghĩa được thể hiện rõ nét trong những quyết sách đối ngoại của Chính quyền George H.W. Bush. Trong đó, sự kiện nổi bật đánh dấu quyết tâm sử dụng sức mạnh quân sự nhằm bảo vệ lợi ích kinh tế và an ninh của nước Mỹ (liên quan tới quyền tiếp cận nguồn dự trữ dầu mỏ to lớn ở khu vực) của nhóm này là quyết định tấn công Iraq với chiến dịch Bão táp sa mạc năm 1990. Quyết định tấn công Iraq của Chính quyền George H.W. Bush nhận được sự ủng hộ rộng rãi của các nghị sỹ Cộng hòa trong Quốc hội Mỹ song lại chịu sự phản đối của hầu hết các nghị sỹ Dân chủ, những người cho rằng tấn công quân sự là không cần thiết và Mỹ nên áp dụng những lệnh trừng phạt kinh tế. Trước những tranh cãi trong nội bộ Mỹ, Chính quyền Bush đã tạo sức ép mạnh mẽ và nhanh chóng thúc đẩy Liên hợp quốc ra Nghị quyết cho phép sử dụng vũ lực tại Iraq vào tháng 1/1991.

Vấn đề thứ hai cho thấy quan điểm đối ngoại của nhóm bảo thủ quốc tế chủ nghĩa được thể hiện trong quyết sách đối ngoại của Chính quyền George H.W. Bush liên quan tới cách thức xử lý của Mỹ trước sức ép cần thiết phải can thiệp nhân đạo vào Bosnia và Somalia giai đoạn 1991 - 1992. Theo đó, dù Chính quyền George H.W. Bush chấp nhận triển khai quân đội tới Somalia song nhiệm vụ chính là nhằm bảo đảm sự ổn định của nguồn cung lương thực tới cho người dân hơn là giải giáp vũ khí nhóm nổi dậy hay giúp xây dựng chính phủ mới tại đây. Tại Bosnia, bước đi xa nhất của Chính quyền George H.W. Bush là thiết lập khu vực cấm bay, triển khai các biện pháp răn đe về mặt ngoại giao đối với Chính quyền Nam tư và trên thực tế, không tiến hành bất kỳ động thái can thiệp quân sự nào.

Vấn đề đối ngoại cuối cùng cho thấy quan điểm của trường phái bảo thủ quốc tế chủ nghĩa trong việc thúc đẩy quá trình thiết lập trật tự kinh tế toàn cầu được thể hiện trong chính sách đối ngoại của Chính quyền George H.W.

Bush là những nỗ lực thúc đẩy tự do hóa thương mại. Trong đó, nỗ lực lớn nhất của Chính quyền Bush trên vấn đề này là mở rộng hiệp định thương mại với Canada, nâng cấp thành Hiệp định thương mại tự do Bắc Mỹ (NAFTA) gồm Mỹ, Canada và Mexico. Bên cạnh đó, Tổng thống George H.W. Bush cũng nỗ lực duy trì quan hệ thương mại với Nhật Bản, bất chấp sức ép từ nội bộ trong việc tăng cường các rào cản thương mại chống lại hàng hóa của nước này [93; tr. 241-248]

Trong nội bộ đảng Cộng hòa, nhóm này đóng vai trò nòng cốt và được xem là lực lượng truyền thống của đảng kể từ sau Chiến tranh Thế giới II. Các đại diện tiêu biểu của nhóm trong Chính quyền George H.W. Bush có cựu Ngoại trưởng James Baker, cựu Cố vấn an ninh quốc gia Brent Scowcroft. Ngoài ra, còn có các chính trị gia trong đảng như Ứng cử viên Tổng thống Mỹ năm 2008, Thượng nghị sỹ John McCain, Ứng cử viên Tổng thống Mỹ 2012, cựu Thống đốc bang Massachusetts Mitt Romney, cựu Cố vấn An ninh Quốc gia Henry Kissinger, các nghị sỹ Cộng hòa như Thượng nghị sỹ bang Florida Marco Rubio, Hạ nghị sỹ bang Wisconsin Paul Ryan.

Nhóm bảo thủ mới với đại diện là Tổng thống George W. Bush, dù vẫn chịu ảnh hưởng mãnh mẽ của trường phái bảo thủ quốc tế chủ nghĩa về việc thúc đẩy lợi ích kinh tế - thương mại của Mỹ, song các ưu tiên chính sách đối ngoại của nhóm này tập trung vào khía cạnh an ninh nhiều hơn. Theo đó, nhóm này chủ trương tăng ngân sách quốc phòng, hiện đại hóa quân đội và ưu tiên phát triển hệ thống phòng thủ tên lửa quốc gia. Thông qua đó, nhóm bảo thủ mới hướng tới mục tiêu duy trì sự hiện diện của quân đội Mỹ ở khắp các địa bàn chiến lược trên toàn cầu song vẫn bảo đảm khả năng phòng thủ chiến lược cũng như bảo vệ các lợi ích quốc gia cụ thể [208]. Trên cơ sở niềm tin cho rằng cục diện quan hệ quốc tế sau Chiến tranh Lạnh là thế đơn cực với vị thế siêu cường duy nhất trên thế giới của Mỹ, nhóm bảo thủ mới cho rằng không có bất

kỳ một kẻ thù nào có thể được xem là ngang hàng với Mỹ về sức mạnh và có khả năng ngăn cản hành động của Mỹ trên trường thế giới. Vì vậy, với quan điểm tin tưởng vào ưu thế vượt trội về sức mạnh tổng hợp so với các quốc gia khác, chủ trương hành động của nhóm bảo thủ mới theo hướng đơn phương, sẵn sàng sử dụng sức mạnh quân sự để thể hiện cũng như bảo vệ vai trò siêu cường duy nhất trên thế giới, họ không coi trọng các mối quan hệ hợp tác quốc tế cũng như luôn tỏ hoài nghi về sự tham gia của Mỹ trong các định chế đa phương và quốc tế trên tất cả các lĩnh vực [191; tr. 1-10].

Trên thực tế, những quan điểm này được thể hiện rõ trong đường hướng chính sách đối ngoại của Chính quyền George W. Bush. Trong Chiến lược An ninh Quốc gia năm 2002, Chính quyền George W. Bush khẳng định Mỹ bảo lưu quyền tiến hành hành động quân sự đơn phương nhằm mục tiêu ngăn chặn mọi nguy cơ đe dọa tấn công nước Mỹ từ những kẻ khủng bố [211]. Cùng với đó, ngay trong những ngày đầu sau khi nắm Chính quyền, Tổng thống George.W. Bush đã tuyên bố "khai tử" Nghị định thư Kyoto về biến đổi khí hậu [63], hủy bỏ tính chính thức của việc Mỹ ký kết Hiệp định Rome thành lập Tòa trọng tài hình sự quốc tế [196], hay rút khỏi Hiệp ước Chống tên lửa đạn đạo [162]. Đặc biệt, cuộc chiến chống chủ nghĩa khủng bố, với hai cuộc chiến tranh trên thực địa tại Afghanistan và Iraq là quyết sách đối ngoại mang tính đơn phương trong hành động quân sự, cho thấy ảnh hưởng mạnh mẽ của nhóm bảo thủ mới đến chính sách đối ngoại của Chính quyền George.W. Bush.

Các đại diện tiêu biểu của nhóm bảo thủ mới trong nội bộ đảng Cộng hòa có cựu Phó Tổng thống Dick Cheney, cựu Ngoại trưởng Condolezza Rice, cựu Bộ trưởng Quốc phòng Donald Rumsfeld, cựu Đại sứ Mỹ tại Liên hợp quốc John Bolton, một số học giả như Bill Kristol, Robert Kagan, Randy Scheunemann. Mặc dù có ảnh hưởng lớn tới các quyết sách của Chính quyền

Bush, song nhóm bảo thủ mới có ảnh hưởng hạn chế hơn so với nhóm bảo quốc tế chủ nghĩa trong nội bộ đảng Cộng hòa.

3.1.2. Dưới thời Chính quyền Obama

Nếu thắng lợi của Tổng thống Clinton trong cuộc bầu cử 1992 được xem là thắng thế quan trọng của trường phái tự do trung tả không chỉ trong nội bộ đảng Dân chủ mà còn trên chính trường Mỹ, thì thất bại của Phó Tổng thống Al Gore trước ứng cử viên Tổng thống của đảng Cộng hòa trong cuộc bầu cử năm 2000 và thất bại tiếp theo của Thượng nghị sỹ John Kerry trong cuộc bầu cử Tổng thống năm 2004, đã mở ra giai đoạn suy giảm nghiêm trọng ảnh hưởng của phái này trong đảng Dân chủ. Quá trình suy giảm ảnh hưởng của phái trung tả trong nội bộ đảng Dân chủ diễn ra cùng với sự quay trở lại của trường phái thiên tả với đại diện là Thượng nghị sỹ bang Illinois - Barack Obama. Chiến thắng sau này của ông Obama trong hai kỳ bầu cử Tổng thống 2008 và 2012 đã góp phần giúp phái thiên tả giành lại ảnh hưởng trong nội bộ đảng Dân chủ và tạo ra một sự chuyển dịch lớn trong đảng từ xu hướng trung tả sang thiên tả. Xu hướng này được phản ánh trong kết quả thăm dò dư luận của Trung tâm Gallup (tháng 6/2015), hơn 47% thành viên đảng Dân chủ tự nhận có quan điểm chính trị theo hướng thiên tả, tăng từ tỷ lệ 39% của năm 2008 và 30% của năm 2001 [102].

Theo đó, phái thiên tả trong đảng Dân chủ nhấn mạnh nhận định cho rằng nước Mỹ không chỉ gặp khó khăn trong "việc truyền bá nền dân chủ ra bên ngoài thế giới", mà còn "phải hết sức nỗ lực để có thể bảo vệ được nền dân chủ ngay trên nước Mỹ". Dù truyền bá dân chủ và bảo vệ nhân quyền vẫn nằm trong chương trình nghị sự đối ngoại của họ song đây không phải là ưu tiên chính sách hàng đầu. Chủ nghĩa đa phương mà phái thiên tả theo đuổi nhằm mục đích ứng phó với các mối đe dọa toàn cầu hơn là dưới ngọn cờ của chủ nghĩa nhân đạo quốc tế [104; tr. 125]. Trong bài phát biểu tại Chicago với

chủ đề phản đối cuộc chiến tại Iraq (ngày 2/10/2002), ông Obama cho rằng cuộc chiến mà nước Mỹ cần theo đuổi - qua đó thể hiện vai trò lãnh đạo trên thế giới - là cuộc chiến chống lại "Sự dốt nát và tính không khoan dung. Tham nhũng và lòng tham. Nghèo đói và bất công" [163].

Trên thực tế, những rạn nứt trong nội bộ đảng Dân chủ giữa phái trung tả và thiên tả bắt đầu xuất hiện và trở nên gay gắt từ năm 2002, xung quanh cuộc tranh luận trong việc ủng hộ quyết định tấn công Iraq của Tổng thống George W. Bush. Theo đó, phái trung tả trong đảng Dân chủ chủ trương ủng hộ biện pháp can thiệp quân sự vào Iraq, trong khi những người thiên tả trong đảng Dân chủ nêu cao sự phản đối chính sách can thiệp quân sự của Chính quyền Bush. Kết quả bỏ phiếu tại Thượng viện và Hạ viện Mỹ đối với Nghị quyết cho phép sử dụng vũ lực chống lại Iraq vào tháng 10/2002 cho thấy sự chia rẽ lớn giữa hai phái này trong nội bộ đảng Dân chủ:

Kết quả bỏ phiếu của đảng Dân chủ đối với Nghị quyết cho phép sử dụng vũ lực chống lại Iraq tại Quốc hội Mỹ (tháng 10/2002)

Thượng viện		**Hạ viện**	
Ủng hộ	Phản đối	Ủng hộ	Phản đối
29	21	82	126

Nguồn: Congressional Record, http://www.congress.gov

Những chia rẽ trong đảng Dân chủ không chỉ diễn ra trong giới lãnh đạo đảng, các cuộc thăm dò dư luận trong nội bộ đảng Dân chủ trên toàn quốc cũng cho thấy sự chia rẽ xung quanh vấn đề sử dụng vũ lực. Trong thăm dò của Trung tâm Pew vào tháng 5/2011, hơn nửa số thành viên đảng Dân chủ được hỏi trên toàn quốc đều muốn "nước Mỹ rút quân khỏi Afghanistan càng sớm càng tốt" trong khi số còn lại hy vọng quân đội Mỹ sẽ tiếp tục ở lại "cho tới khi tình hình ổn định trở lại" [175].

Về tổng thể, có thể thấy đặc điểm rõ nét thể hiện tác động trường phái tự do thiên tả tới chính sách đối ngoại của Mỹ dưới thời Chính quyền Obama được phản ánh trong các nội dung cơ bản của chính sách đối ngoại trên vấn đề can thiệp quân sự nước ngoài, vấn đề xử lý các thách thức toàn cầu và vấn đề kinh tế - thương mại. Theo đó, nội dung chính sách đối ngoại của Mỹ trong hai nhiệm kỳ của Tổng thống Obama đã phản ánh rõ những đường hướng đối ngoại cơ bản của đảng Dân chủ được thể hiện trong cương lĩnh tranh cử của đảng Dân chủ 2008 và 2012. Nhìn chung, Chính quyền Obama luôn đề cao công cụ ngoại giao (thúc đẩy và đạt thỏa thuận hạt nhân Iran, kêu gọi các bên liên quan tranh chấp tại Biển Đông xử lý vấn đề qua kênh ngoại giao và pháp lý…), đẩy mạnh vai trò hợp tác quốc tế trong xử lý các vấn đề an ninh quốc tế (dẫn đầu liên quân trong cuộc chiến chống tổ chức khủng bố Nhà nước Hồi giáo - IS), chú trọng cơ chế đa phương trong ứng phó với các thách thức toàn cầu (sáng kiến Hội nghị Thượng định An ninh Hạt nhân, chủ động dẫn dắt và thúc đẩy các nước đạt Thỏa thuận Paris về ứng phó với biến đổi khí hậu…).

Tuy nhiên, do trường phái trung tả vẫn chiếm vai trò chi phối trong nội bộ đảng Dân chủ, nên dù Tổng thống Obama mang tư tưởng đối ngoại theo hướng thiên tả (chủ trương giảm can thiệp dù vì mục đích hòa bình, ưu tiên xử lý các thách thức toàn cầu như đói nghèo, dịch bệnh, biến đổi khí hậu…), song quá trình đưa ra các quyết sách đối ngoại của Tổng thống Obama cũng chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi trường phái trung tả, thông qua kênh tác động vào các nhân sự chủ chốt trong Chính quyền của Tổng thống Obama. Trong đó, tác động của nhân tố đảng phái chính trị tới chính sách đối ngoại của Chính quyền Obama ở giai đoạn đầu được thể hiện thông qua quyết sách liên quan tới việc xử lý khủng hoảng tại Libya và ở giai đoạn sau được thể hiện trong diễn biến quá trình Chính quyền Obama đệ trình Quốc hội Mỹ thông qua Thẩm quyền đàm phán nhanh TPA cũng như trong trạng thái "bế tắc" của Hiệp định TPP ở giai đoạn tranh cử 2016.

Hơn nữa, dù thực trạng đảng Dân chủ giành được quyền kiểm soát Chính quyền đã mang lại lợi thế mang tính chi phối cho đảng Dân chủ trong quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại, song thực tế hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ trong hai nhiệm kỳ của Tổng thống Obama còn chịu tác động sâu sắc bởi sự đấu tranh/thỏa hiệp giữa hai đảng Dân chủ và Cộng hòa. Tình trạng này có nguồn gốc sâu xa từ sự phân chia chức năng và quyền hạn giữa hai nhánh cơ quan hành pháp và lập pháp trong hệ thống hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ theo quy định của Hiến pháp, và sự phân chia ảnh hưởng trên thực tế giữa đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa trong bối cảnh hai đảng thay nhau kiểm soát Quốc hội. Theo đó, do giành được quyền kiểm soát cả hai nhánh cơ quan quyền lực, các đề xuất chính sách đối ngoại của đảng Dân chủ được Chính quyền Obama từng bước triển khai trong hai năm đầu nhiệm kỳ gặp nhiều thuận lợi dù vẫn chịu nhiều sức ép từ đảng Cộng hòa tại Quốc hội trên một số vấn đề nhất định. Trong bốn năm tiếp theo, trước thực trạng đảng Cộng hòa giành lại quyền kiểm soát Hạ viện, lợi thế của đảng Dân chủ trong việc tác động vào hệ thống hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ đã bị suy giảm tương đối. Và trong hai năm cuối nhiệm kỳ của Chính quyền Obama, do để mất quyền kiểm soát lưỡng viện Quốc hội Mỹ về phía đảng Cộng hòa, lợi thế của đảng Dân chủ trong quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ đã bị thu hẹp và buộc phải chấp nhận sự chia sẻ phần nào quyền hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại với đảng Cộng hòa trong một chính phủ bị chia rẽ.

3.1.3. Giai đoạn hậu Obama

Trên cơ sở đánh giá tổng thể tác động của các trường phái tư tưởng đối ngoại khác nhau đến chính sách đối ngoại của Mỹ giai đoạn trước và dưới thời Chính quyền Obama, có thể thấy ảnh hưởng chi phối của nhân tố đảng

phái chính trị đến chính sách đối ngoại của Mỹ được thể hiện trên một số đặc điểm cơ bản sau:

Thứ nhất, đường hướng đối ngoại của đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa được thể hiện trong cương lĩnh tranh cử của mỗi đảng là kết quả của quá trình đấu tranh/thỏa hiệp giữa các trường phái tư tưởng đối ngoại khác nhau trong nội bộ mỗi đảng.

Đặc điểm này ra đời trên cơ sở nguyên tắc hoạt động của cả hai đảng Dân chủ và Cộng hòa. Trong đó, việc lựa chọn ứng cử viên chính thức của đảng tham gia vào cuộc chạy đua giành quyền kiểm soát Chính quyền được tiến hành thông qua hình thức bầu cử sơ bộ (tất cả các thành viên của đảng đều có quyền bỏ phiếu trực tiếp để giới thiệu đại diện ra tranh cử Tổng thống). Trong bối cảnh tồn tại nhiều nhóm với các ưu tiên đối ngoại khác nhau trong mỗi đảng, quá trình bầu cử sơ bộ để lựa chọn ứng cử viên chính thức đại diện cho đảng ở giai đoạn bầu cử Tổng thống đã trở thành quá trình cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nhóm quan điểm khác nhau trong nội bộ mỗi đảng. Vì vậy, trên thực tế sẽ xảy ra trường hợp một ứng cử viên giành được đủ số phiếu theo quy định trong giai đoạn bầu cử sơ bộ để trở thành ứng cử viên chính thức của đảng song lại có quan điểm đối ngoại không hoàn toàn đồng nhất với quan điểm đối ngoại của nhóm chiếm đa số trong ban lãnh đạo đảng.

Trước thực trạng đó, với vai trò là văn bản trình bày đầy đủ những nội dung chi tiết về mục tiêu mà đảng phái chính trị hướng tới, các ưu tiên chính sách mà đảng đề xuất và tập hợp niềm tin cốt lõi mà đảng đại diện [161], nội dung cương lĩnh tranh cử không chỉ thể hiện quan điểm đối ngoại của ứng cử viên Tổng thống của đảng mà còn là sự dung hòa quan điểm đối ngoại của những nhóm khác nhau ngay trong nội bộ đảng để tạo ra sự đoàn kết giữa các nhóm, tối đa hóa sự ủng hộ của những bộ phận cử tri có quan điểm ủng hộ mỗi nhóm riêng biệt, hướng tới mục tiêu cuối cùng là giành quyền kiểm soát

Chính quyền trong giai đoạn bầu cử Tổng thống. Chính vì vậy, đường hướng đối ngoại của mỗi đảng được thể hiện trong cương lĩnh tranh cử chính là kết quả của quá trình đấu tranh/thỏa hiệp giữa các trường phái tư tưởng đối ngoại khác nhau trong nội bộ mỗi đảng.

Theo đó, trường phái quan điểm có đại diện giành được quyền đề cử chính thức của đảng tham gia vào quá trình Tổng tuyển cử thường có lợi thế chi phối lớn hơn, và có ưu thế đưa ra những đề xuất chính sách trên các vấn đề đối ngoại then chốt trong quá trình soạn thảo cương lĩnh tranh cử cũng như trong quá trình triển khai trên thực tế (trong trường hợp đảng giành được quyền kiểm soát Chính quyền). Trong khi đó, trường phái quan điểm chiếm đa số trong ban lãnh đạo đảng sẽ đóng vai trò gây ảnh hưởng để những đề xuất chính sách trong cương lĩnh tranh cử cũng phản ánh quan điểm đối ngoại mà trường phái đó theo đuổi, đồng thời giữ vai trò giám sát Chính quyền ở giai đoạn triển khai sau này.

Thứ hai, các nội dung cơ bản trong chính sách đối ngoại của Mỹ phản ánh đường hướng đối ngoại của đảng giành được quyền kiểm soát Chính quyền Mỹ.

Như đã đề cập, trong Hiến pháp Mỹ có sự phân chia rất rõ ràng về vai trò và quyền hạn trên lĩnh vực đối ngoại giữa hai nhánh cơ quan hành pháp và lập pháp trong Chính phủ Mỹ. Với chức năng điều hành mọi công việc của đất nước, Chính quyền Mỹ có vai trò mang tính quyết định đến đường hướng đối ngoại của quốc gia trong khi vai trò của Quốc hội Mỹ trên lĩnh vực đối ngoại có phần hạn chế trong việc giám sát hoạt động của Chính quyền. Chính vì vậy, trong bối cảnh tồn tại sự chia rẽ trong đường hướng đối ngoại giữa hai đảng Dân chủ và Cộng hòa, xuất phát từ những khác biệt về ưu tiên chính sách của các trường phái tư tưởng đối ngoại chi phối hai đảng trên chính trường Mỹ, đảng nào giành được quyền kiểm soát Chính quyền sẽ có lợi thế

để đưa những quan điểm then chốt của đảng về phương thức lãnh đạo và cách thức điều hành đất nước trên lĩnh vực đối ngoại trở thành chính sách đối ngoại của quốc gia.

Đặc điểm chi phối này của đảng phái chính trị đến chính sách đối ngoại của Mỹ giải thích cho sự tiếp nối cũng như những điều chỉnh nhất định trong các ưu tiên chính sách trên lĩnh vực đối ngoại của các Chính quyền Mỹ trong từng thời kỳ. Theo đó, tính tiếp nối trong chính sách đối ngoại của Mỹ qua từng Chính quyền Tổng thống thuộc các đảng khác nhau được thể hiện trên những vấn đề chính sách hai đảng có chung quan điểm như vấn đề bảo đảm tự do tôn giáo (được thể hiện xuyên suốt trong chính sách đối ngoại của Mỹ kể từ sau Chiến tranh Lạnh). Trong khi những điều chỉnh chính sách mang tính bước ngoặt chủ yếu được phản ánh trên các vấn đề hai đảng có sự khác biệt rõ rệt như chủ trương xử lý vấn đề biến đổi khí hậu hay mục tiêu của biện pháp can thiệp quân sự nhằm mục đích nhân đạo (Chính quyền Clinton trong các quyết định can thiệp tại Somalia, Haiti và Kosovo) hay nhằm bảo đảm lợi ích kinh tế (Chính quyền George H.W. Bush trong vấn đề tiếp cận nguồn cung dầu tại Iraq).

Bên cạnh đó, đặc điểm chi phối này của đảng phái chính trị đến chính sách đối ngoại của Mỹ cũng giải thích cho những ý kiến hoài nghi cho rằng chính sách đối ngoại của Mỹ cần phải là một chính sách mang tầm quốc gia, nhằm mục tiêu quan trọng là bảo đảm và tối đa hóa lợi ích quốc gia của Mỹ, hơn là nhằm thể hiện quan điểm trên các vấn đề đối ngoại của mỗi đảng chính trị cụ thể. Như đã phân tích, những xung đột trong đường hướng đối ngoại của hai đảng Dân chủ và Cộng hòa có nguồn gốc xuất phát từ sự khác biệt trong quan điểm của hai trường phái tư tưởng tự do và bảo thủ, vốn đóng vai trò chi phối hệ quan điểm đối ngoại của hai đảng. Trong đó, dù thống nhất về nội hàm lợi ích quốc gia của Mỹ gồm thúc đẩy dân chủ, mở rộng thịnh vượng

và tự do tôn giáo, song hai trường phái tự do và bảo thủ lại có quan điểm khác nhau trong cách thức bảo đảm và tối đa hóa lợi ích quốc gia đó. Chính vì vậy, với vai trò quyết định của Chính quyền trong hệ thống hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ, việc hai đảng Dân chủ và Cộng hòa cạnh tranh gay gắt để giành quyền kiểm soát Chính quyền hướng tới mục tiêu sử dụng lợi thế có được trong việc nắm giữ Chính quyền để tác động vào quá trình định hình và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ nhằm bảo đảm và tối đa hóa lợi ích quốc gia theo cách thức mà mỗi đảng cho rằng tối ưu nhất. Do đó, dù cách tiếp cận của hai đảng trong việc bảo đảm và tối đa hóa lợi ích quốc gia của Mỹ là khác nhau song chính sách đối ngoại của Mỹ trên thực tế luôn là chính sách mang tầm quốc gia với mục tiêu quan trọng là bảo đảm và tối đa hóa lợi ích quốc gia đó.

Thứ ba, mức độ thuận lợi trong quá trình triển khai chính sách đối ngoại của Chính quyền Mỹ phụ thuộc vào sự phân bổ ảnh hưởng của hai đảng tại Chính quyền và Quốc hội Mỹ.

Với vai trò giám sát hoạt động của Chính quyền, Quốc hội Mỹ cũng chia sẻ với Chính quyền quyền hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ, dù quyền hạn của Quốc hội trên lĩnh vực này có phần hạn chế hơn so với vai trò mang tính chi phối của Chính quyền. Do đó, cùng với các nỗ lực hỗ trợ ứng cử viên của đảng trong cuộc bầu cử Tổng thống, cả hai đảng Dân chủ và Cộng hòa cũng tiến hành nhiều biện pháp hỗ trợ các thành viên khác của đảng trong quá trình tranh cử vào Quốc hội với mục tiêu giành quyền kiểm soát nhánh cơ quan quyền lực này thông qua việc chiếm đa số tại cả Thượng viện và Hạ viện Mỹ. Việc hỗ trợ các thành viên của đảng trong cuộc bầu cử Quốc hội cho thấy nỗ lực tác động đến chính sách đối ngoại của Mỹ của đảng Dân chủ và Cộng hòa nhằm tạo thuận lợi cho Chính quyền Mỹ trong quá trình triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ, hạn chế tác động không thuận khi quyền kiểm soát Quốc hội rơi vào tay đảng đối lập.

Cùng với đó, bên cạnh mục tiêu giành quyền kiểm soát Quốc hội để tạo thuận lợi cho Chính quyền trong quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại theo hướng đề xuất của đảng, việc đảng Dân chủ và Cộng hòa nỗ lực hỗ trợ các thành viên của đảng giành được đa số ghế tại Quốc hội Mỹ còn nhằm sử dụng vai trò giám sát của Quốc hội để bảo đảm Chính quyền sẽ triển khai đường hướng chính sách đã được nhất trí giữa các trường phái khác nhau trong đảng và thể hiện trong cương lĩnh tranh cử như đã trình bày.

Đặc điểm này được thể hiện rõ nét trong quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Chính quyền Clinton. Bên cạnh nỗ lực áp đặt mô hình dân chủ kiểu Mỹ lên các quốc gia trên thế giới, chính sách đối ngoại của Chính quyền Clinton còn thể hiện sự dung hòa với quan điểm của phái bảo thủ ôn hòa đang chiếm ưu thế trong đảng Cộng hòa ở giai đoạn này, theo đuổi chủ trương thúc đẩy thương mại tự do, hướng tới mục tiêu thiết lập trật tự kinh tế quốc tế giữa các nền kinh tế thị trường [64]. Trên thực tế, chính sách an ninh - đối ngoại của Chính quyền Clinton trong nhiệm kỳ I đã tập trung vào khía cạnh mở rộng dân chủ, can dự có chọn lọc, tái cấu trúc nền quốc phòng và chú trọng yếu tố địa kinh tế trong nhiệm kỳ I và mang tính quyết đoán hơn trong nỗ lực thúc đẩy dân chủ gắn với kinh tế thị trường, tiến hành can thiệp nhân đạo và tái quân sự hóa trong nhiệm kỳ II [95]. Những nội dung nổi bật này cho thấy ảnh hưởng mạnh mẽ của phái trung tả (chiếm ưu thế trong đảng Dân chủ) trong nỗ lực áp đặt mô hình dân chủ kiểu Mỹ và phái bảo thủ ôn hòa (chiếm ưu thế trong đảng Cộng hòa) trong nỗ lực thúc đẩy trật tự kinh tế quốc tế giữa các nền kinh tế theo mô hình tư bản chủ nghĩa.

Ba đặc điểm cơ bản phản ánh tác động của nhân tố đảng phái chính trị đến chính sách đối ngoại của Mỹ vẫn tiếp tục được duy trì dưới thời Chính quyền Obama, thể hiện trên phương diện: (i) Chính sách đối ngoại của Mỹ dưới thời Chính quyền Obama là sự phản ánh các ưu tiên đối ngoại của đảng

Dân chủ được thể hiện trong cương lĩnh tranh cử của đảng; (ii) Đường hướng đối ngoại của đảng Dân chủ là sự dung hòa các quan điểm đối ngoại then chốt của hai trường phái trung tả và trường phái thiên tả bên trong nội bộ đảng; (iii) Thuận lợi và khó khăn trong quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Chính quyền Obama chịu ảnh hưởng bởi sự phân chia ảnh hưởng của hai đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa trong hệ thống hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ.

Trong giai đoạn hậu Obama, vai trò tác động của nhân tố đảng phái đến chính sách đối ngoại của Mỹ sẽ tiếp tục được duy trì và phát huy mạnh mẽ do vai trò này không chỉ có cơ sở pháp lý vững chắc (dù được Hiến pháp quy định trực tiếp hay gián tiếp), mà còn có cơ sở thực tiễn sinh động trong lịch sử phát triển của nước Mỹ.

Theo đó, quá trình phát triển và hoạt động của hai đảng Dân chủ và Cộng hòa kể từ khi ra đời, đã phản ánh thực tiễn sinh động về vai trò của hai đảng trong hệ thống chính trị Mỹ nói chung và tác động của hai đảng đến hệ thống hoạch định, triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ nói riêng. Dấu hiệu cho thấy sự tác động của nhân tố đảng phái đến chính sách đối ngoại của Mỹ không chỉ được thể hiện qua lịch sử đấu tranh và thỏa hiệp giữa hai đảng, dù trong trường hợp hai đảng chia nhau kiểm soát mỗi cơ quan quyền lực, hay trong trường hợp hệ thống hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ nằm dưới sự kiểm soát tuyệt đối của một đảng, mà còn nằm ở quá trình đấu tranh và thỏa hiệp giữa các phái khác nhau trong nội bộ mỗi đảng. Trong đó, nguyên nhân dẫn tới thực trạng đấu tranh và thỏa hiệp giữa các đảng, hay giữa các phái trong nội bộ mỗi đảng, có nguồn gốc sâu xa là sự khác biệt quan điểm của các bên trên những vấn đề chính sách quan trọng, cả trên lĩnh vực đối nội và đối ngoại. Đồng thời, thực tiễn vận hành của hệ thống chính trị Mỹ từ sau Chiến tranh Lạnh cũng cho thấy những khác biệt về quan điểm chính

sách của các phái cũng như tình trạng thay nhau nắm giữ các cơ quan quyền lực trong hệ thống hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ tiếp tục diễn ra mạnh mẽ và chưa có dấu hiệu thay đổi vào giai đoạn cuối của Chính quyền Obama.

Như vậy, dựa trên cơ sở pháp lý từ những quy định của Hiến pháp Mỹ, giúp định hình gián tiếp cũng như trực tiếp vai trò tác động của đảng phái chính trị đến chính sách đối ngoại, cùng với cơ sở thực tiễn phát triển từ sau Chiến tranh Lạnh, đặc biệt dưới thời Chính quyền Obama, có thể thấy nhân tố đảng phái sẽ tiếp tục có tác động mạnh mẽ đến chính sách đối ngoại của Mỹ giai đoạn hậu Obama.

Đồng thời, thông qua các luận cứ về sự tác động của nhân tố đảng phái đến chính sách đối ngoại của Mỹ, có thể thấy nếu sự tác động của nhân tố đảng phái chính trị được xem là một trong những biến số dẫn tới sự khác biệt trong các quyết sách của mỗi nhiệm kỳ Tổng thống thì mục tiêu bảo đảm lợi ích quốc gia đã trở thành hằng số không đổi trong quá trình phân tích về chính sách đối ngoại của Mỹ.

Trong đó, hằng số không đổi là mục tiêu bảo đảm lợi ích quốc gia của Mỹ, có nền tảng dựa trên sự chia sẻ quan điểm của các trường phái đối ngoại khác nhau trong chủ thuyết tự do, cho rằng Mỹ có lợi ích quốc gia trong việc bảo đảm quyền tự do dân chủ của mọi người dân về mặt chính trị, quyền tự do theo đuổi nền kinh tế tư bản chủ nghĩa và quyền tự do nắm giữ niềm tin tôn giáo. Nghĩa vụ bảo vệ quyền tự do trên khía cạnh chính trị, kinh tế và tôn giáo luôn là ba cấu phần bất biến trong chính sách đối ngoại Mỹ dưới mọi thời kỳ. Trong khi đó, biến số về sự tác động của nhân tố đảng phái đến chính sách đối ngoại của Mỹ không chỉ phụ thuộc vào mức độ ảnh hưởng của mỗi đảng phái chính trị trong toàn hệ thống chính trị Mỹ, mà còn phụ thuộc vào sự đấu tranh/thỏa hiệp giữa các phái quan điểm khác nhau trong nội bộ mỗi đảng ở

từng giai đoạn nhất định. Đặc điểm này đã dẫn tới tính khả biến trong chính sách đối ngoại của Mỹ, do các ưu tiên đối ngoại của Mỹ ở mỗi giai đoạn sẽ có sự thay đổi, phản ánh thực tế về mức độ và phạm vi tác động mỗi đảng đến quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại Mỹ.

Chính vì vậy, để làm rõ tác động của biến số nhân tố đảng phái đến chính sách đối ngoại, trên nền tảng ba đặc điểm cơ bản phản ánh tác động của nhân tố đảng phái đến chính sách đối ngoại của Mỹ từ sau Chiến tranh Lạnh nói chung và dưới thời Chính quyền Obama nói riêng, tác giả xin đề xuất khung phân tích để dự báo nội dung và mức độ ảnh hưởng của nhân tố đảng phái đến chính sách đối ngoại của Mỹ trong mỗi giai đoạn nhất định, thông qua việc xem xét một số khía cạnh cụ thể:

Thứ nhất, quan điểm đối ngoại của Tổng thống và đội ngũ cố vấn để xác định trường phái tư tưởng đối ngoại đang giữ vai trò chi phối nhóm nắm giữ Chính quyền, từ đó dự báo được đường hướng và các ưu tiên đối ngoại của Chính quyền Mỹ.

Thứ hai, trường phái tư tưởng đối ngoại của ban lãnh đạo đảng và nhóm nghị sỹ cùng đảng tại Quốc hội để xác định nội dung và mức độ thỏa hiệp/đấu tranh giữa trường phái tư tưởng đối ngoại của nhóm nắm giữ Chính quyền với nội bộ đảng, qua đó dự báo được khả năng điều chỉnh chính sách của Chính quyền so với những cam kết đã được đưa ra và thể hiện cương lĩnh tranh cử của đảng trong trường hợp Quốc hội nằm dưới sự kiểm soát của đảng đối lập.

Thứ ba, đường hướng đối ngoại của đảng đối lập được thể hiện trong cương lĩnh tranh cử, từ đó xác định được nội dung và mức độ thỏa hiệp/đấu tranh giữa nhóm nắm giữ Chính quyền với đảng đối lập trong trường hợp thuận lợi khi đảng đối lập ở vị thế thiểu số trong Quốc hội cũng như trong trường hợp không thuận khi đảng đối lập chiếm đa số tại Quốc hội.

3.2. Chiều hướng chính sách đối ngoại của Mỹ giai đoạn hậu Obama

3.2.1. Ảnh hưởng của các trường phái tư tưởng đối ngoại

Chiến thắng với tỷ lệ áp đảo của ứng cử viên Tổng thống đảng Cộng hòa Donald Trump trước ứng cử viên Tổng thống đảng Dân chủ, cựu Ngoại trưởng Hillary Clinton trong cuộc bầu cử Tổng thống 2016 được chính giới và dư luận cả trong và ngoài nước Mỹ đánh giá là một thắng lợi "không thể tin được" [145], nằm ngoài mọi dự đoán, ngay cả với những người trong đảng Cộng hòa, khi các cuộc thăm dò dư luận trước bầu cử đều cho thấy bà Clinton luôn dẫn trước với khoảng cách tương đối cách biệt. Cùng với việc giành được Chính quyền từ đảng Dân chủ, kết quả bầu cử tại hai viện Quốc hội Mỹ cũng phản ánh ưu thế tuyệt đối của đảng Cộng hòa trước đảng Dân chủ khi đảng Cộng hòa giành quyền kiểm soát cả hai viện Quốc hội với việc chiếm được 241 ghế so với 194 ghế của đảng Dân chủ tại Hạ viện và 52 ghế so với 48 ghế của đảng Dân chủ tại Thượng viện[18]. Như vậy, sau 8 năm nắm giữ Chính quyền của đảng Dân chủ và cục diện thay nhau kiểm soát Quốc hội giữa hai đảng Dân chủ và Cộng hòa, kết quả cuộc Tổng tuyển cử 2016 đã đưa Chính phủ Mỹ quay trở lại trạng thái thống nhất dưới sự lãnh đạo của đảng Cộng hòa.

Về mặt lý thuyết, bối cảnh chính trị tại Mỹ với ưu thế tuyệt đối của đảng Cộng hòa nhờ vị thế kiểm soát cả hai cơ quan hành pháp và lập pháp trong Chính phủ Mỹ sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho Chính quyền của Tổng thống Trump trong nỗ lực thúc đẩy các chương trình nghị sự đối ngoại quan trọng. Tuy nhiên, diễn biến tình hình trong quá trình bầu cử sơ bộ của đảng Cộng hòa và ở giai đoạn sau này lại cho thấy nhiều khả năng Chính quyền của Tổng thống Trump sẽ gặp không ít khó khăn trong việc hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại. Triển vọng khó khăn trong quá trình hoạch định và triển

[18] Nguồn: CNN 2016 Election Results, xem tại: http://www.cnn.com/election/results

khai chính sách đối ngoại mà Chính quyền của Tổng thống Trump gặp phải được phản ánh trong những tranh cãi gay gắt giữa ông Trump và ban lãnh đạo đảng Cộng hòa. Những tranh cãi này có nguồn gốc sâu xa là sự khác biệt trong quan điểm chính trị giữa phái bảo thủ cực hữu và phái bảo thủ ôn hòa trong nội bộ đảng Cộng hòa.

Trong đó, ông Trump được xem là đại diện của phái cực hữu, có tư tưởng đối ngoại theo đường lối bảo thủ dân tộc chủ nghĩa, chủ trương phản đối cách thức triển khai chính sách đối ngoại theo hướng bảo thủ quốc tế chủ nghĩa của phái ôn hòa. Trong khi đó, phái ôn hòa trong đảng Cộng hòa vốn là nhóm lãnh đạo truyền thống của đảng, với các đại diện có uy tín và ảnh hưởng rất lớn, không chỉ trong nội bộ đảng mà còn trên chính trường Mỹ, như Thượng nghị sỹ John McCain - Chủ tịch Ủy ban Quân vụ Thượng viện, hay Thượng nghị sỹ Bob Corker - Chủ tịch Ủy ban Đối ngoại Thượng viện (cả hai nghị sỹ John McCain và Bob Corker đều ủng hộ cuộc chiến tại Iraq của Chính quyền George W. Bush).

Phái bảo thủ dân tộc chủ nghĩa mà ông Trump là đại diện ủng hộ một nền quốc phòng mạnh, họ ủng hộ các đề xuất liên quan tới chi tiêu quốc phòng, kêu gọi nước Mỹ phải có hành động mạnh mẽ, xây dựng những liên minh chiến lược và sẵn sàng tấn công phủ đầu khi cần thiết. Họ không chủ trương hướng nội hay phản đối việc nước Mỹ can dự vào công việc quốc tế như phái bảo thủ chống can thiệp chủ nghĩa. Tuy nhiên, những người theo đuổi quan điểm bảo thủ dân tộc chủ nghĩa cho rằng việc can dự phi quân sự vào nước khác dưới hình thức viện trợ nước ngoài, xây dựng nhà nước, can thiệp nhân đạo, nhân nhượng về ngoại giao hay thông qua các tổ chức đa phương là "ngây thơ và lãng phí". Họ ủng hộ việc triển khai chính sách đối ngoại theo hướng can dự quốc tế nhưng theo cách của họ chứ không phải dưới các hình thức can thiệp của những người theo chủ nghĩa lý tưởng. Và

công cụ chính sách đối ngoại họ yêu thích sử dụng là "cây gậy" chứ không phải "củ cà rốt". Đại diện nổi bật của phái này trong đảng Cộng hòa là những lãnh đạo phong trào đảng Trà như cựu Thống đốc bang Alaska Sarah Palin, cựu Thống đốc bang Texas Rick Perry, Thượng nghị sỹ bang Texas Ted Cruz.

Với tư tưởng chính trị theo trường phái dân túy, chủ trương đặt "nước Mỹ trước tiên" trong các quyết định chính sách, chú trọng "đưa nước Mỹ vĩ đại trở lại" thông qua nỗ lực "đưa việc làm trở lại Mỹ", kêu gọi người dân và doanh nghiệp Mỹ "mua hàng Mỹ và thuê lao động Mỹ", ông Trump đã thể hiện hình ảnh đối lập của "một người ngoài cuộc" tấn công vào "giới tinh hoa gian dối và tha hóa" không chỉ bên trong nội bộ đảng Cộng hòa mà còn trong toàn hệ thống chính trị Mỹ. Các đề xuất chính sách của ông Trump trong quá trình tranh cử thể hiện rõ lập trường đối lập hoàn toàn với quan điểm mà giới lãnh đạo đảng Cộng hòa vẫn kêu gọi.

Về kinh tế, trong khi đảng Cộng hòa vốn ủng hộ thương mại tự do thì ông Trump lại tuyên bố sẽ xem xét lại Hiệp định thương mại tự do Bắc Mỹ (NAFTA) với Canada và Mexico từ 20 năm trước và chính thức ký Sắc lệnh hành pháp ngày 24/1/2017, quyết định việc Mỹ rút khỏi Hiệp định đối tác xuyên thái Thái Bình Dương (TPP) mà Chính quyền Obama đã ký kết với 11 đối tác Thái Bình Dương. Quyết định này của Tổng thống Trump đã gặp phải sự chỉ trích từ nhiều thành viên chủ chốt trong đảng Cộng hòa. Phản ứng về quyết định của Tổng thống Trump, Thượng nghị sỹ John McCain cho rằng "quyết định chính thức rút khỏi Hiệp định TPP của Tổng thống Trump là một sai lầm nghiêm trọng, dẫn tới nhiều hậu quả lâu dài cho nền kinh tế Mỹ và vị thế chiến lược của nước Mỹ tại Châu Á - Thái Bình Dương. Quyết định này sẽ đánh mất cơ hội thúc đẩy xuất khẩu của Mỹ, giảm rào cản thương mại và mở cửa những thị trường mới cho hàng hóa Mỹ; song lại tạo ra cơ hội để Trung Quốc viết lại những luật lệ kinh tế bất lợi cho người lao động Mỹ và

gửi tín hiệu bất ổn về xu hướng giảm can dự của Mỹ tại Châu Á - Thái Bình Dương. Do đó, thay vì rút khỏi Hiệp định TPP, nước Mỹ cần phải tiếp tục theo đuổi Hiệp định để thúc đẩy chương trịnh nghị sự thương mại tích cực tại Châu Á - Thái Bình Dương, giúp củng cố khả năng cạnh tranh của người lao động và doanh nghiệp Mỹ tại một trong những khu vực phát triển kinh tế năng động với tốc độ nhanh nhất trên thế giới hiện nay" [73].

Về đối ngoại, điều khiến những nhân vật chủ chốt trên lĩnh vực này trong đảng Cộng hòa như cựu Cố vấn an ninh quốc gia và Ngoại trưởng Mỹ Condoleezza Rice, cựu Thứ trưởng Quốc phòng Mỹ Richard Armitage hay cựu quan chức cao cấp Bộ Ngoại giao và Bộ Quốc phòng Mỹ Paul Wolfowitz lo ngại là xu hướng "co vào bên trong" thể hiện qua các đề xuất chính sách của ông Trump trong bối cảnh toàn cầu hóa tiếp tục diễn ra nhanh chóng, không chỉ đòi hỏi sự tham gia mà còn cả vai trò lãnh đạo của nước Mỹ trong xử lý nhiều thách thức an ninh chung. Sự kiện nổi bật cho thấy cuộc xung đột về quan điểm giữa ông Trump với phái ôn hòa trong nội bộ đảng Cộng hòa diễn ra xung quanh việc hơn 50 quan chức an ninh - đối ngoại, từng phục vụ trong các Chính quyền Tổng thống Cộng hòa như cựu Giám đốc CIA và Cơ quan An ninh Quốc gia Michael Hayden, cựu Bộ trưởng An ninh Nội địa Michael Chertoff, cựu Giám đốc Tình báo Quốc gia John Negroponte, cùng ký tên vào một văn bản cảnh báo rằng "nếu được bầu làm Tổng thống, ông Trump sẽ đặt an ninh nước Mỹ vào vòng nguy hiểm" [194; tr. A1].

Chính vì vậy, dù hai cơ quan hành pháp và lập pháp đều nằm dưới sự kiểm soát của đảng Cộng hòa, song trên thực tế, Chính quyền Tổng thống Trump sẽ không thực sự nhận được sự ủng hộ của Quốc hội Mỹ nếu không có những cam kết nhất định với phái bảo thủ ôn hòa trong đảng. Tuy nhiên, cũng tương tự trường hợp của cựu Tổng thống Obama vào giai đoạn 2008 như đã phân tích, do ảnh hưởng của giới lãnh đạo truyền thống trong đảng Cộng hòa

vẫn rất lớn, để tranh thủ sự ủng hộ của nhóm này đối với các đề xuất chính sách quan trọng, ngay sau khi giành được đề cử trở thành ứng cử viên chính thức của đảng tham gia cuộc đua giành Chính quyền, ông Trump đã có nhiều điều chỉnh quan trọng trong các phát biểu, thể hiện thái độ dung hòa với nền tảng chính sách truyền thống của đảng Cộng hòa.

Tuy nhiên, bên cạnh thắng thế của phái bảo thủ dân tộc chủ nghĩa với chiến thắng của ông Trump, quá trình bầu cử sơ bộ của đảng Cộng hòa còn cho thấy sự nổi lên của phái bảo thủ chống can thiệp chủ nghĩa với đại diện là Thượng nghị sỹ bang Kentucky Rand Paul, con trai của cựu Hạ nghị sỹ bang Texas Ronald Paul. Phái bảo thủ chống can thiệp chủ nghĩa chủ trương phản đối chiến tranh, cắt giảm chi tiêu quân sự, giảm cam kết của Mỹ với đồng minh, duy trì mức chi phí thấp cho các chính sách đối ngoại của Mỹ. Do đó, phái này ủng hộ mạnh mẽ việc thúc đẩy chính sách cắt giảm chi tiêu và cắt giảm hiện diện quân sự ở nước ngoài [94; tr. 159], và đề xuất triển khai chính sách đối ngoại hướng vào trong, mang màu sắc của chủ nghĩa biệt lập mới [155; tr. 63]. Mặc dù phái này tương đối nhỏ và không có nhiều ảnh hưởng như các phái khác trong nội bộ đảng Cộng hòa, song những người ủng hộ phái này đang ngày càng lớn mạnh và dần trở thành một bộ phận chính trị quan trọng bên trong đảng, tạo ra những ảnh hưởng nhất định tới các đề xuất chính sách đối ngoại của đảng [94; tr. 163].

Cùng với sự thắng thế của phái bảo thủ dân tộc chủ nghĩa, sự nổi lên của phái bảo thủ chống can thiệp chủ nghĩa đã tạo ra động lực cho sự quay trở lại chính trường của trường phái bảo thủ cực hữu, mang lại sự cân bằng quyền lực giữa trường phái bảo thủ ôn hòa và trường phái bảo thủ cực hữu trong nội bộ đảng Cộng hòa, dẫn tới những tác động nhất định đến chính sách đối ngoại của Mỹ dưới thời Chính quyền Trump. Tuy nhiên, khác với quan điểm cực đoan, kêu gọi nước Mỹ quay trở lại chủ nghĩa biệt lập của phái bảo thủ chống

can thiệp chủ nghĩa, phái bảo thủ dân tộc chủ nghĩa chia sẻ một số ưu tiên đối ngoại với phái bảo thủ quốc tế chủ nghĩa và bảo thủ mới. Chính vì vậy, nhóm bảo thủ dân tộc chủ nghĩa có những nét đặc trưng với các quan điểm và ưu tiên chính sách cụ thể trên nhiều vấn đề đối ngoại quan trọng. Trong đó, họ nhận biết rõ ràng các thách thức nước Mỹ đang phải đối mặt, tin tưởng vào sức mạnh quân sự và sẵn sàng sử dụng sức mạnh quân sự để bảo vệ những lợi ích cốt lõi của Mỹ [155].

3.2.2. Xu hướng chính sách đối ngoại của Chính quyền Trump

Về cơ bản, chính sách đối ngoại của Chính quyền Trump sẽ là kết quả thỏa hiệp giữa hai phái đang chiếm ưu thế trong nội bộ đảng Cộng hòa là phái bảo thủ quốc tế chủ nghĩa của nhóm lãnh đạo truyền thống (vốn mang tư tưởng ôn hòa), với trường phái bảo thủ dân tộc chủ nghĩa (vốn mang tư tưởng cực hữu) của nhóm chính trị gia theo quan điểm dân túy trong đảng Cộng hòa.

Về điểm chung, hai phái này cùng chia sẻ tầm quan trọng của sức mạnh quân sự và khả năng răn đe của Mỹ trong giải quyết các vấn đề quốc tế, chủ trương theo đuổi đường hướng chính sách "hòa bình thông qua sức mạnh" dựa trên việc bãi bỏ chính sách cắt giảm ngân sách quốc phòng, đề xuất ngân sách mới theo hướng tăng chi tiêu quốc phòng, xây dựng lại quân đội và tăng cường năng lực của lực lượng tình báo và an ninh mạng. Quan điểm này được thể hiện rõ trong cương lĩnh tranh cử của đảng Cộng hòa năm 2016, bản cương lĩnh nhấn mạnh "quan điểm đối ngoại cốt lõi của đảng Cộng hòa là hòa bình thông qua sức mạnh", và "chiến lược của nước Mỹ là sự cam kết với sự nghiệp phát triển và tiến trình ngoại giao quốc tế, kết hợp với nền quốc phòng mạnh", với "năng lực quân đội có thể ứng phó với bất kỳ và tất cả những mối đe dọa đối với lợi ích quốc gia sống còn của Mỹ" [180; tr. 42-51].

Đồng thời, hai phái này còn chia sẻ quan điểm không ủng hộ vấn đề ứng phó với các thách thức toàn cầu, đặc biệt là trên vấn đề ứng phó với biến đổi khí

hậu, nghèo đói và dịch bệnh toàn cầu, vốn là những ưu tiên chính sách của Chính quyền Obama cũng như của trường phái thiên tả đang có ảnh hưởng ngày càng lớn trong đảng Dân chủ. Sự đồng thuận trong việc phản đối nỗ lực ứng phó với biến đối khí hậu giữa hai phái được thể hiện trong cương lĩnh tranh cử 2016, cho rằng vấn đề biến đổi khí hậu là một vấn đề mang tính chính trị, khẳng định "Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu của Liên hợp quốc là một cơ chế mang tính chính trị, hoàn toàn không phải là một tổ chức khoa học thuần túy" [180; tr. 22]. Hơn nữa, khác với chủ trương theo đuổi các biện pháp nhằm ứng phó với tình trạng biến đổi khí hậu, nghèo đói và dịch bệnh toàn cầu của đảng Dân chủ, đảng Cộng hòa quan tâm hơn tới khía cạnh an ninh, cho rằng vấn đề chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và vấn đề an ninh mạng là những thách thức an ninh chung cần phải giải quyết [180; tr. 53-54].

Bên cạnh quan điểm đồng thuận trên các vấn đề an ninh, những khác biệt trong quan điểm trên vấn đề can thiệp quân sự và thúc đẩy các lợi ích kinh tế giữa hai phái bảo thủ quốc tế chủ nghĩa và bảo thủ dân tộc chủ nghĩa cũng được dung hòa trong cương lĩnh tranh cử của đảng. Trong đó, về vấn đề can thiệp quân sự, bản cương lĩnh khẳng định nước Mỹ cần "dính líu" (involvement), nhưng không "can thiệp" (intervention) vào các vấn đề quốc tế, sự dính líu của Mỹ được thể hiện thông qua những nỗ lực thúc đẩy các biện pháp hiệu quả (cả kênh đàm phán, ngoại giao và gây sức ép dựa trên ưu thế vượt trội về quân sự) để giải quyết vấn đề [180; tr. 46]. Trong khi đó, trên vấn đề kinh tế, dù vẫn khẳng định lập trường thúc đẩy thương mại tự do của phái ôn hòa trong đảng thông qua việc nhấn mạnh "thương mại toàn cầu là quan trọng đối với mọi lĩnh vực của nền kinh tế Mỹ" và vai trò của "các thỏa thuận thương mại đa phương", song cương lĩnh tranh cử cũng thể hiện quan điểm của phái bảo thủ dân tộc chủ nghĩa khi nêu đậm tính "công bằng" trong các thỏa thuận thương mại và nêu cao việc đàm phán các thỏa thuận thương

mại dựa trên những nguyên tắc cơ bản của việc mở cửa thị trường, thương mại bình đẳng cũng như đặt lợi ích của "nước Mỹ trước tiên" [180; tr. 2-3].

Như vậy, trên nền tảng quan điểm chính trị theo tinh thần dân tộc chủ nghĩa, có những dung hòa nhất định với trường phái bảo thủ quốc tế chủ nghĩa, thể hiện trong cương lĩnh tranh cử của đảng Cộng hòa như đã trình bày, có nhiều cơ sở cho thấy Chính quyền Trump sẽ tiến hành một số điều chỉnh nhất định trên các vấn đề cơ bản trong chính sách đối ngoại so với Chính quyền Obama theo hướng: (i) duy trì khả năng răn đe quân sự của Mỹ tại tất cả các địa bàn chiến lược song tránh can dự dưới hình thức triển khai quân trên thực địa; (ii) giảm bớt sự tham gia cũng như hỗ trợ tài chính của Mỹ vào các cơ chế đa phương và quốc tế trên những vấn đề Mỹ không có lợi ích hoặc có ít lợi ích (theo quan điểm của phái bảo thủ như ứng phó biến đổi khí hậu, tình trạng nghèo đói, dịch bệnh toàn cầu), nhưng vẫn duy trì sự can dự của Mỹ vào các cơ chế đa phương trên những vấn đề Mỹ có lợi ích; (iii) theo đuổi cách tiếp cận cứng rắn trong xử lý các vấn đề quốc tế như hạt nhân Triều Tiên và Iran, song chủ yếu thông qua việc gây sức ép kinh tế, răn đe quân sự (triển khai hệ thống phòng thủ tên lửa, tăng cường tập trận với đồng minh…), tránh tối đa việc can thiệp quân sự trên thực tế; (iv) duy trì quan hệ với các đồng minh và đối tác song sẽ yêu cầu các nước này chia sẻ trách nhiệm với Mỹ và đóng góp lớn hơn vào việc xử lý các thách thức an ninh chung.

Chính vì vậy, trên ba vấn đề cơ bản trong chính sách đối ngoại của Chính quyền Obama như đã trình bày, chính sách của Chính quyền Trump sẽ có sự tiếp nối xu hướng giảm can thiệp quân sự dù vẫn duy trì sức mạnh quân sự, có cách tiếp cận cứng rắn theo hướng sẵn sử dụng tính răn đe quân sự để tạo sức ép trong xử lý các điểm nóng. Đồng thời, trên vấn đề chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, nhiều khả năng Chính quyền Trump sẽ tiếp tục duy trì sáng kiến tổ chức Hội nghị thượng định an ninh hạt nhân của Tổng thống

Obama để phối hợp hành động. Song bên cạnh việc tiếp nối khía cạnh này trong chính sách của Chính quyền Obama, Chính quyền Trump sẽ có sự điều chỉnh theo hướng hạn chế các biện pháp đơn phương cắt giảm kho vũ khí hạt nhân, củng cố mạnh mẽ năng lực hạt nhân và sẵn sàng triển khai các hệ thống phòng thủ tên lửa để gây sức ép với các mối đe dọa hạt nhân từ Bắc Triều Tiên và Iran.

Vấn đề ứng phó biến đổi khí hậu và theo đuổi các Hiệp định kinh tế - thương mại (Hiệp định TPP với Châu Á - Thái Bình Dương và Hiệp định TTIP với Châu Âu) sẽ là những vấn đề diễn ra sự điều chỉnh mạnh mẽ trong chính sách của Chính quyền Trump.

Trên vấn đề kinh tế - thương mại, việc ông Trump ký Sắc lệnh hành pháp ngày 24/1/2017, quyết định việc Mỹ rút khỏi Hiệp định TPP, đã đánh dấu sự thất bại trong chính sách kinh tế đối ngoại của Chính quyền Obama. Tuy nhiên, nhiều khả năng chính quyền Trump sẽ xem xét thúc đẩy một thỏa thuận thương mại đa phương tương tự với nội hàm chặt chẽ hơn về các quy định có lợi cho doanh nghiệp và người dân Mỹ (như trên vấn đề sở hữu trí tuế, chống thao túng tiền tệ…). Khả năng này hoàn toàn có cơ sở xảy ra do nguyên nhân ông Trump phản đối và quyết định rút Mỹ khỏi Hiệp định TPP xuất phát từ quan điểm cho rằng Hiệp định này không đáp ứng được những nội dung bảo đảm lợi ích của nước Mỹ, hơn là lập trường theo đuổi chính sách phản đối thương mại tự do.

Trên vấn đề ứng phó biến đổi khí hậu, Chính quyền Trump có thể sẽ xem xét việc rút khỏi các thỏa thuận về ứng phó với biến đổi khí hậu mà Chính quyền Obama đã cam kết dù gặp phải sự phản đối mạnh mẽ từ nội bộ Mỹ cũng như cộng đồng quốc tế. Cùng với đó, Chính quyền Trump sẽ lựa chọn công cụ chính sách năng lượng để can dự vào vấn đề này như quyết định ban hành sắc lệnh hành pháp nhằm bãi bỏ hoặc xem xét lại một số quy định

về bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác năng lượng hóa thạch tại Mỹ. Mục tiêu giảm thiểu sự tác động của các cam kết liên quan tới vấn đề ứng phó biến đổi khí hậu sẽ mở ra cơ hội giúp Mỹ thúc đẩy sản lượng khai thác năng lượng toàn quốc, từng bước xuất khẩu năng lượng sang các thị trường tiềm năng ở Châu Á và Đông Âu, góp phần cải thiện thâm hụt thương mại của Mỹ cũng như đạt mục tiêu chiến lược là đối trọng với ảnh hưởng của Nga trên khía cạnh năng lượng và ảnh hưởng kinh tế của Trung Quốc tại những khu vực này.

3.2.3. Dự báo chính sách Châu Á của Chính quyền Trump

Xuất phát từ tầm quan trọng chiến lược của khu vực, tiềm năng kinh tế và phát triển mạnh mẽ cũng như nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ từ cả hai đảng Dân chủ và Cộng hòa về đường hướng tăng cường quan hệ, chính sách Châu Á của Chính quyền Trump nhiều khả năng sẽ tiếp tục được hoạch định trên nền tảng chiến lược Tái cân bằng của chính quyền Obama. Theo đó, nhằm đặt mục tiêu chiến lược là duy trì vị trí số một của Mỹ tại khu vực, bảo vệ lợi ích của Mỹ và các đồng minh của Mỹ tại khu vực, Chính quyền Trump sẽ tiếp tục duy trì ba trục cột chính của chiến lược Tái cân bằng theo hướng tăng cường quan hệ chính trị - ngoại giao, đẩy mạnh hiện diện quân sự - an ninh và củng cố quan hệ kinh tế - thương mại trên cơ sở công bằng và cùng có lợi với các nước trong khu vực.

Tuy nhiên, với đường hướng đối ngoại là sự dung hòa tư tưởng đối ngoại của trường phái bảo thủ dân tộc chủ nghĩa và tư tưởng đối ngoại của trường phái bảo thủ quốc tế chủ nghĩa, trụ cột an ninh - quân sự và trụ cột kinh tế - thương mại trong chính sách với khu vực của Chính quyền Trump sẽ được chú trọng hơn so với giai đoạn Chính quyền Obama. Theo đó, *về chính trị - ngoại giao,* dù vẫn duy trì kênh ngoại giao song với các nước đồng minh và đối tác khu vực trong các khuôn khổ quan hệ đã đạt được dưới thời Chính

quyền Obama, song nhiều khả năng tần suất các chuyến viếng thăm khu vực của các quan chức Chính quyền Trump sẽ không ở mức cao như Chính quyền Obama. Bên cạnh đó, tuy vẫn sẽ duy trì can dự vào các cơ chế, diễn đàn khu vực như ARF, EAS, APEC, nhưng không loại trừ khả năng cấp tham dự vào các Hội nghị Thượng đỉnh như EAS và APEC sẽ chỉ dừng ở mức Phó Tổng thống hoặc Ngoại trưởng.

Trong trụ cột *an ninh - quân sự*, bên cạnh triển vọng Chính quyền Trump sẽ đẩy mạnh hợp tác quốc phòng với các nước khu vực thông qua việc mở rộng các cơ chế đối thoại, hợp tác quốc phòng, Chính quyền Trump sẽ đẩy mạnh hơn tính răn đe quân sự trong ứng phó với các thách thức an ninh khu vực thông qua việc đẩy mạnh triển khai luân phiên lực lượng và khí tài tới các căn cứ quân sự trong khu vực, tiến hành các hoạt động tự do hàng hải cũng như điều tàu sân bay qua lại thường xuyên hơn tới các vùng biển trong khu vực, duy trì và mở rộng quy mô các cuộc diễn tập quân sự với các nước đồng minh, đối tác khu vực.

Về *kinh tế - thương mại*, dù Chính quyền Trump đã chính thức rút khỏi Hiệp định TPP song việc đẩy mạnh tự do thương mại vẫn luôn là ưu tiên hàng đầu trong chính sách của đảng Cộng hòa. Do đó, nhiều khả năng Chính quyền Trump sẽ lựa chọn giải pháp thay thế thông qua sáng kiến đề xuất một hiệp định đa phương mới với nội hàm tương tự Hiệp định TPP hoặc đề xuất các hiệp định song phương riêng rẽ với các nước trong khu vực. Do đường hướng đối ngoại chung của Chính quyền Trump là giảm bớt cách tiếp cận đa phương và chú trọng hơn tới các hợp tác song phương, nên trong hai phương án trên, phương án thúc đẩy các hiệp định thương mại song phương với các nước có nhiều triển vọng diễn ra hơn. Trong đó, Chính quyền Trump sẽ đặc biệt chú trọng hơn tới những vấn đề Mỹ phải đối mặt trong quan hệ thương mại với các nền kinh tế khu vực như vấn đề thao túng tiền tệ và vi phạm quyền sở hữu

trí tuệ. Theo hướng này, trước mắt Chính quyền Trump sẽ ưu tiên lựa chọn xử lý quan hệ với các đối tác thương mại lớn tại khu vực là Nhật Bản và Trung Quốc, sau đó sẽ tới là các đối tác thương mại tiềm năng như Indonesia, Malaysia, Việt Nam… Mặc dù thúc đẩy các hiệp định thương mại song phương thay vì một hiệp định thương mại đa phương, song về cơ bản Chính quyền Trump vẫn sẽ giữ được mục tiêu thiết lập vai trò lãnh đạo của Mỹ trong cấu trúc kinh tế khu vực theo hướng có lợi cho Mỹ. Theo đó, nếu thành công, cấu trúc kinh tế khu vực theo cách thức định hình luật chơi của Mỹ sẽ được hình thành theo mô hình "trục - nan hoa" như trên khía cạnh an ninh - quân sự ở giai đoạn sau Chiến tranh Lạnh.

3.3. Khuyến nghị chính sách cho Việt Nam

Trong quá trình Mỹ điều chỉnh chính sách theo hướng tăng cường quan hệ với khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, vai trò và vị thế của Việt Nam trong tính toán chiến lược của Mỹ ngày càng được khẳng định rõ nét. Việt Nam và Mỹ có nhiều lợi ích song trùng trên cả ba trụ cột chính trong chính sách của Mỹ với khu vực. Trong đó, về *chính trị - ngoại giao,* việc hai nước xác lập được khuôn khổ quan hệ Đối tác toàn diện và đề ra 9 lĩnh vực hợp tác ưu tiên, cũng như đạt được nhất trí về tầm nhìn cho quan hệ trong chuyến thăm lịch sử của Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam tới Mỹ (7/2015) có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, đặt nền tảng giúp hai nước từng bước vượt qua những khác biệt lịch sử, văn hóa, xã hội, thể chế chính trị và trình độ phát triển của mỗi nước. Đây là những nền tảng cơ bản và phản ánh quá trình xây dựng lòng tin giữa hai nước, nhận được sự ủng hộ từ cả hai đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa trong nội bộ Mỹ. Do đó, những điều chỉnh có thể có của Mỹ trong quan hệ với Việt Nam trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao chủ yếu phản ánh cách thức theo đuổi ưu tiên đối ngoại dựa trên nguyên tắc "hòa bình thông qua sức mạnh" và "nước Mỹ trên hết" của Chính quyền Trump hơn là

sự suy giảm vai trò và vị thế của Việt Nam trong tổng thể tính toán chiến lược của Mỹ với khu vực.

Bên cạnh đó, do đề cao khía cạnh an ninh - quân sự và kinh tế - thương mại, nên nhiều khả năng trong các kênh tiếp xúc với Việt Nam, phía Mỹ sẽ đề cập tới việc Việt Nam phải thể hiện tiếng nói mạnh mẽ hơn trong xử lý các thách thức an ninh chung của khu vực, trong đó nổi bật là vấn đề phi hạt nhân hóa Bán đảo Triều Tiên, vấn đề an ninh, an toàn hàng hải và hàng không, vấn đề chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. Đồng thời, bên cạnh việc duy trì các nỗ lực nhằm nâng cao năng lực hàng hải cho các quốc gia khu vực, nhiều khả năng phía Mỹ cũng sẽ đề nghị Việt Nam có các hợp tác lớn hơn theo hướng hỗ trợ Mỹ thể hiện tính răn đe mạnh mẽ hơn trong khu vực thông qua việc cho phép Mỹ tăng tần suất tàu chiến thăm cảng Việt Nam, đón tàu sân bay Mỹ thăm Việt Nam, tham gia các hoạt động diễn tập quân sự chung với Mỹ, hay đẩy mạnh kênh hợp tác thương mại quốc phòng song phương…

Trên vấn đề kinh tế - thương mại, như đã phân tích, nhiều khả năng Mỹ sẽ yêu cầu Việt Nam có các hợp tác theo hướng cân bằng hóa cán cân thương mại song phương, giảm tình trạng nhập siêu của Mỹ thông qua các biện pháp cụ thể như giảm rào cản thương mại, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, xem xét giảm thuế suất với các mặt hàng Mỹ có lợi thế so sánh (các mặt hàng công nghệ, ô tô…) cũng như có những điều chỉnh chính sách hợp lý hơn để hỗ trợ các công ty Mỹ trong lĩnh vực dịch vụ. Trong đó, cải thiện khung pháp lý và cải thiện môi trường đầu tư cho doanh nghiệp nước ngoài dự kiến là một trong những nội dung nổi bật trong các cuộc tiếp xúc giữa lãnh đạo cấp cao hai nước cũng như tại các cơ chế hợp tác ở cấp làm việc.

Chính vì vậy, trên cơ sở đà phát triển tích cực của quan hệ song phương Việt - Mỹ thời gian quan cũng như tiềm năng phát triển của quan hệ còn rất lớn, Việt Nam tiếp tục có nhiều cơ hội trong quan hệ với Mỹ. Đặc biệt, Mỹ

vẫn là thị trường xuất khẩu lớn cho các mặt hàng Việt Nam có thế mạnh như dệt may, da giày, nông - thủy sản… Đồng thời, với lợi thế vượt trội về nguồn công nghệ cao và trình độ quản lý hàng đầu thế giới, Mỹ vẫn là đối tác rất quan trọng đối với sự nghiệp phát triển của Việt Nam trong kỷ nguyên cách mạng công nghệ hiện đại. Trong bối cảnh đó, Việt Nam cần xem xét một số đường hướng quan trọng trong quan hệ với Chính quyền Trump thời gian tới:

(i) Về chính trị - ngoại giao, chủ động duy trì tiếp xúc và thăm viếng lẫn nhau của lãnh đạo cấp cao hai nước. Trong đó, nhằm phát huy đà tích cực của thành công trong mục tiêu xây dựng quan hệ cá nhân giữa Tổng thống Trump và lãnh đạo cấp cao Việt Nam trong chuyến thăm Mỹ của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc (tháng 5/2017), Việt Nam cần tiếp tục tranh thủ thiện cảm của Tổng thống Trump trong chuyến thăm song phương Việt Nam và dự APEC (tháng 11/2017) bằng sự đón tiếp nồng hậu và thiện chí hợp tác với Chính quyền Trump, gửi thông điệp về một Việt Nam là điểm đến tiềm năng của doanh nghiệp và các nhà đầu tư Mỹ, một Việt Nam cam kết theo đuổi mục tiêu phát triển bền vững và toàn diện, từng bước nâng cao chất lượng của nguồn lao động, chú trọng mục tiêu tạo việc làm và bảo đảm quyền lợi chính đáng của người lao động, phù hợp với mô hình thúc đẩy thịnh vượng mà Chính quyền Trump theo đuổi. Đồng thời, Việt Nam cần duy trì đối thoại các cấp với phía Mỹ trên những vấn đề hai bên cùng quan tâm, chủ động thúc đẩy trao đổi trên các vấn đề an ninh - chiến lược hai bên chia sẻ lợi ích như bảo đảm an ninh, an toàn hàng hải và hàng không tại các vùng biển khu vực, phi hạt nhân hóa Bán đảo Triều Tiên.

(ii) Về an ninh - quốc phòng, đây là một trong những ưu tiên đối ngoại hàng đầu của Chính quyền Trump nói riêng và của đảng Cộng hòa nói chung. Phía Mỹ có nhu cầu cao trong thúc đẩy quan hệ với Việt Nam trên lĩnh vực này xuất phát từ tính toán về vị trí địa - chiến lược và địa - chính trị của Việt

Nam (vai trò và tiếng nói chính trị của Việt Nam trong quan hệ với các nước khu vực cũng như tại các diễn đàn đa phương và quốc tế ngày càng lớn). Đồng thời, đây cũng là lĩnh vực Việt Nam còn nhiều dư địa và đòn bẩy trong quan hệ với Mỹ, đặc biệt trên khía cạnh thương mại quốc phòng sau khi Chính quyền Obama tuyên bố xóa bỏ lệnh cấm vũ khí toàn diện với Việt Nam, Việt Nam trở thành thị trường tiềm năng cho công nghệ và khí tài quân sự của Mỹ. Vì vậy, Việt Nam có thể từng bước xem xét cho phép tăng tần suất tàu chiến và máy bay Mỹ thăm cảng Việt Nam để duy trì sự hiện diện quân sự của Mỹ tại vùng Biển Đông nhằm khẳng định quyền chủ quyền của Việt Nam trong việc hợp tác với các quốc gia trên vùng biển thuộc chủ quyền của Việt Nam. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng có thể xem xét tham gia các cuộc diễn tập đa phương trong khu vực có sự tham gia của Mỹ, trong đó chú trọng vào lĩnh vực khắc phục thiên tai, giảm thiểu thảm họa, nhằm tranh thủ tìm hiểu kỹ năng tác chiến của quân đội Mỹ cũng như giúp nâng cao năng lực của Việt Nam trên lĩnh vực này.

(iii) Về kinh tế - thương mại, trong bối cảnh Việt Nam là đứng thứ sáu trong số các đối tác Mỹ có thâm hụt thương mại lớn, gây sức ép để xóa bỏ các rào cản thương mại, mở cửa thị trường cho hàng hóa, dịch vụ và thị trường đầu tư cho doanh nghiệp và các nhà đầu tư của Mỹ là mục tiêu hàng đầu của Chính quyền Trump trong quan hệ với Việt Nam trên khía cạnh kinh tế - thương mại. Do đó, Chính phủ Việt Nam sẽ phải đối mặt với sức ép lớn từ phía Chính quyền Trump trong việc đưa ra các biện pháp cụ thể và có hiệu quả nhằm mục tiêu cân bằng hóa cán cân thương mại hai nước. Đồng thời, các doanh nghiệp Việt Nam cũng sẽ phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt từ các doanh nghiệp Mỹ, vốn có nhiều lợi thế về trình độ công nghệ và kỹ năng quản lý ở cấp độ quốc tế. Tuy nhiên, đây cũng là ngoại lực cần có để Việt Nam (cả lĩnh vực công và tư) từng bước điều chỉnh, hoàn thiện hơn

nhằm bắt kịp với trình độ phát triển của các nền kinh tế lớn trong quá trình chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện. Chính vì vậy, Việt Nam cần xem xét điều chỉnh chính sách đối với những hàng hóa và dịch vụ Mỹ có thế mạnh để vừa tranh thủ được công nghệ của Mỹ, vừa thể hiện thiện chí duy trì quan hệ thương mại bình đẳng với Mỹ.

Như vậy, dựa trên những phân tích về tác động của đảng phái chính trị đến chính sách đối ngoại của Mỹ như đã trình bày, bên cạnh việc quán triệt sâu sắc quan điểm "đối tác", "đối tượng" trong hoạch định và triển khai chính sách đối với Mỹ, Việt Nam cần tiếp tục nâng cao công tác nghiên cứu chiến lược để có được nhận thức sâu sắc và thực chất hơn về những chuyển biến trong chính sách đối ngoại của Mỹ trong từng thời kỳ.

Tiểu kết

Dựa trên cơ sở pháp lý từ những quy định của Hiến pháp Mỹ, giúp định hình gián tiếp cũng như trực tiếp vai trò tác động của đảng phái chính trị đến chính sách đối ngoại, cùng với cơ sở thực tiễn phát triển từ sau Chiến tranh Lạnh, đặc biệt dưới thời Chính quyền Obama, có thể thấy nhân tố đảng phái sẽ tiếp tục có tác động mạnh mẽ đến chính sách đối ngoại của Mỹ giai đoạn hậu Obama. Theo đó, nhờ giành quyền kiểm soát Chính quyền và Quốc hội Mỹ sau kỳ bầu cử 2016, đảng Cộng hòa chiếm được ưu thế thuận lợi trong nỗ lực tác động vào quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ. Tuy nhiên, do sự chia rẽ ngay trong nội bộ đảng giữa phái bảo thủ dân tộc chủ nghĩa nắm quyền kiểm soát Chính quyền và phái bảo thủ quốc tế chủ nghĩa chiếm đa số trong phe Cộng hòa tại Quốc hội Mỹ, đường hướng đối ngoại của Mỹ trên thực tế là kết quả của quá trình đấu tranh/thỏa hiệp trong nội bộ đảng Cộng hòa và do đó sẽ mang đậm đặc điểm của trường phái tư tương đối ngoại bảo thủ. Theo đó, dù có nhiều bất đồng lớn giữa Tổng thống Trump và nhóm lãnh đạo truyền thống của đảng trong quá trình bầu cử sơ bộ và ở giai đoạn sau này,

song để tranh thủ sự ủng hộ của nhóm lãnh đạo truyền thống đối với các đề xuất chính sách quan trọng, ngay sau khi giành được đề cử trở thành ứng cử viên chính thức của đảng tham gia cuộc đua giành Chính quyền, ông Trump đã có nhiều điều chỉnh quan trọng trong các phát biểu, thể hiện thái độ dung hòa với nền tảng chính sách truyền thống của đảng Cộng hòa.

Vì vậy, trên nền tảng quan điểm chính trị theo tinh thần dân tộc chủ nghĩa, có những dung hòa nhất định với trường phái bảo thủ quốc tế chủ nghĩa, thể hiện trong cương lĩnh tranh cử của đảng Cộng hòa như đã trình bày, nhiều khả năng Chính quyền Trump sẽ có sự những điều chỉnh nhất định trên các vấn đề cơ bản trong chính sách đối ngoại so với Chính quyền Obama. Nằm trong mạch điều chỉnh đó, dù vẫn tiếp tục chiều hướng tăng cường quan hệ với khu vực do nhận được sự ủng hộ từ cả đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa, song chính sách với khu vực Châu Á - Thái Bình Dương của chính quyền Trump cũng sẽ có những điều chỉnh theo hướng tăng cường nội hàm an ninh - quân sự và kinh tế - thương mại trong tổng thể chính sách.

Trước tình hình đó, Việt Nam cũng cần phải có những điều chỉnh chính sách trong quan hệ với Mỹ để có thể tranh thủ tối đa những tác động tích cực và hạn chế những tác động tiêu cực từ sự điều chỉnh chính sách của Mỹ, nhằm mục tiêu bảo đảm lợi ích quốc gia của Việt Nam.

KẾT LUẬN

Mặc dù không có điều khoản nào trong Hiến pháp Mỹ đề cập tới vấn đề đảng phái chính trị, song những quy định của Hiến pháp liên quan tới việc tiến hành bỏ phiếu trong quá trình xây dựng luật và lựa chọn nhà lãnh đạo đất nước đã tạo bối cảnh thuận lợi dẫn tới sự ra đời của các đảng phái trong nền chính trị Mỹ ở ngay các kỳ họp Quốc hội đầu tiên. Quá trình hình thành và phát triển của hệ thống đảng phái chính trị tại Mỹ cho thấy mối quan hệ giữa đảng phái chính trị và chính sách công quả Mỹ. Đó là mối quan hệ hai chiều, có ảnh hưởng và tác động qua lại với nhau. Một mặt, chính sách sẽ đóng vai trò phản ánh hệ tư tưởng, quan điểm và giá trị mà đảng phái chính trị theo đuổi và được thể hiện trong Cương lĩnh chính trị của đảng. Mặt khác, chính sách trở thành phương tiện hay công cụ để đảng phái chính trị hướng tới mục tiêu tối đa hóa sự ủng hộ của cử tri, giành chiến thắng trong bầu cử và giành quyền kiểm soát cơ quan quyền lực. Là một bộ phận cấu thành chính sách công, không nằm ngoài quy luật trên, chính sách đối ngoại của Mỹ và nhân tố đảng phái chính trị cũng có mối quan hệ tác động qua lại với nhau. Trong mối quan hệ đó, chính sách đối ngoại sẽ thực hiện cả hai vai trò, phản ánh đường hướng vận hành các mối quan hệ đối ngoại của nước Mỹ với các quốc gia khác do đảng chính trị nắm quyền khởi xướng, và là phương tiện để đảng chính trị hướng tới mục tiêu tập hợp sự ủng hộ của đại đa số cử tri hoặc quyền kiểm soát cơ quan quyền lực.

Trong khi không đề cập tới vấn đề đảng phái chính trị, Hiến pháp Mỹ lại có những quy định rõ ràng về vai trò của các chủ thể tham gia và hệ thống hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ. Trong đó, trên cương vị vừa là nguyên thủ quốc gia, vừa là người đứng đầu nhánh hành pháp, Tổng thống Mỹ có vai trò và quyền hạn rộng lớn trong quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của nước Mỹ. Tuy nhiên, trên nguyên tắc "kiềm chế

và đối trọng", Hiến pháp Mỹ cũng đề ra sự chia sẻ quyền hạn của Tổng thống trên lĩnh vực đối ngoại với nhánh cơ quan lập pháp. Theo đó, quyền hạn và chức năng của Quốc hội Mỹ trên lĩnh vực đối ngoại được phản ánh thông qua việc chấp thuận các nhân sự chủ chốt trong Chính quyền trên lĩnh vực đối ngoại, phê chuẩn các hiệp định quốc tế do Chính quyền đàm phán và ký kết, chuẩn chi các khoản chi ngân sách cũng như giám sát quá trình triển khai chính sách của Chính quyền.

Trên nền tảng mối quan hệ hai chiều giữa đảng phái chính trị và chính sách đối ngoại cùng với thực tiễn hoạt động của hệ thống hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ theo quy định của Hiến pháp Mỹ, có thể thấy nhân tố đảng phái chính trị đóng vai trò rất quan trọng và có ảnh hưởng mạnh mẽ tới chính sách đối ngoại của Mỹ. Trong đó, tác động của nhân tố đảng phái đến chính sách đối ngoại diễn ra dưới hình thức tác động vào các chủ thể tham gia quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ, qua đó tác động vào quá trình định hình chính sách cũng như các quyết định lựa chọn đội ngũ nhân sự chủ chốt.

Cùng với những thay đổi về các điều kiện kinh tế và xã hội trong lòng nước Mỹ, đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa đã trở thành hai đảng chính trị lớn, có vai trò và ảnh hưởng chi phối mọi hoạt động của đời sống chính trị Mỹ và thay nhau nắm giữ các cơ quan quyền lực trong Chính phủ Mỹ. Trong đó, trên cơ sở nền tảng quan điểm đối ngoại chịu sự chi phối giữa hai trường phái tư tưởng tự do và trường phái tư tưởng bảo thủ của chủ nghĩa tự do, hai đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa đã cạnh tranh gay gắt trên chính trường Mỹ nhằm tác động vào quá trình định hình và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ để thúc đẩy các ưu tiên chính sách mà đảng theo đuổi. Trạng thái cạnh tranh gay gắt giữa hai đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa diễn ra mạnh mẽ ở giai đoạn sau Chiến tranh Lạnh, khi sự tan rã của trật tự quốc tế hai cực trên trường quốc tế

đã dẫn tới sự tan rã của trạng thái "đồng thuận Chiến tranh Lạnh" trong nội bộ Mỹ xung quanh cuộc tranh luận về về vai trò của nước Mỹ trên thế giới trong bối cảnh Mỹ trở thành siêu cường duy nhất trên thế giới với ưu thế vượt trội về sức mạnh tổng hợp trong tương quan so sánh với các trung tâm quyền lực khác trên thế giới.

Dưới ảnh hưởng của trường phái bảo thủ ôn hòa, chủ trương thúc đẩy mô hình thịnh vượng Mỹ trên thế giới thông qua nỗ lực thiết lập trật tự kinh tế toàn cầu với các tiêu chuẩn và quy định có lợi cho Mỹ, Chính quyền của Tổng thống đảng Cộng hòa George H.W. Bush đã theo đuổi đường hướng chính sách đối ngoại theo hướng bảo thủ quốc tế chủ nghĩa, thúc đẩy lợi ích kinh tế của Mỹ trên toàn cầu, sẵn sàng can thiệp quân sự nhằm bảo vệ lợi ích kinh tế của Mỹ song do dự khi phải can thiệp quân sự vì mục đích nhân đạo. Khác với chính sách đối ngoại của Chính quyền George H.W. Bush, có nền tảng là quan điểm đối ngoại của phái bảo thủ quốc tế chủ nghĩa, dù cùng chịu ảnh hưởng của trường phái bảo thủ ôn hòa, song chính sách đối ngoại của Chính quyền George.W. Bush lại mang những đặc điểm của nhóm bảo thủ mới, chủ trương theo đuổi nỗ lực duy trì trạng thái đơn cực của Mỹ, sẵn sàng đơn phương tiến hành các hoạt động quân sự để thể hiện sức mạnh vượt trội của Mỹ, cũng như đề cao xu hướng áp đặt thể hiện trong tuyên bố các nước phải lựa chọn "cùng với Mỹ hoặc chống lại Mỹ" trên mặt trận chống khủng bố.

Trong khi đó, chịu ảnh hưởng của trường phái tự do trung tả, chủ trương thúc đẩy mô hình dân chủ Mỹ thông qua các biện pháp ngoại giao kết hợp sức mạnh quân sự, Chính quyền Clinton đã triển khai mạnh mẽ chính sách ngoại giao nhằm thúc đẩy dân chủ trên toàn cầu dưới ngọn cờ của Chiến lược An ninh Quốc gia "cam kết và mở rộng". Đối lập với trường phái tự do trung tả trên vấn đề đối ngoại của Chính quyền Clinton, chịu ảnh hưởng của trường phái tự do thiên tả, chính sách đối ngoại của Chính quyền Obama lại đề cao

việc xử lý các vấn đề toàn cầu, vốn là mầm mống đe dọa tới thành công của quá trình xây dựng dân chủ ở mọi quốc gia, chủ trương cắt giảm can thiệp quân sự, theo đuổi hợp tác quốc tế và các nỗ lực ngoại giao đa phương trong xử lý những vấn đề phát sinh.

Trong bối cảnh như vậy, các nội dung và quá trình triển khai chính sách đối ngoại của Chính quyền Obama cũng chịu tác động mạnh mẽ bởi nhân tố đảng phái chính trị thể hiện qua những nỗ lực quyết liệt của Tổng thống Obama trong triển khai các ưu tiên chính sách trên vấn đề cắt giảm can thiệp quân sự của Mỹ và ứng phó với biến đổi khí hậu, cũng như trong nỗ lực đấu tranh và thỏa hiệp với không chỉ đảng Cộng hòa mà còn với chính nội bộ đảng Dân chủ trên vấn đề chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và chính sách kinh tế đối ngoại. Đồng thời, với cơ sở pháp lý từ những quy định của Hiến pháp Mỹ, giúp định hình gián tiếp cũng như trực tiếp vai trò tác động của đảng phái chính trị đến chính sách đối ngoại, cùng với cơ sở thực tiễn phát triển từ sau Chiến tranh Lạnh, đặc biệt dưới thời Chính quyền Obama, có thể thấy nhân tố đảng phái sẽ tiếp tục có tác động mạnh mẽ đến chính sách đối ngoại của Mỹ giai đoạn hậu Obama. Tuy nhiên, thông qua các luận cứ về sự tác động của nhân tố đảng phái đến chính sách đối ngoại của Mỹ, có thể thấy nếu sự tác động của nhân tố đảng phái chính trị được xem là một trong những biến số dẫn tới sự khác biệt trong các quyết sách của mỗi nhiệm kỳ Tổng thống thì mục tiêu bảo đảm lợi ích quốc gia đã trở thành hằng số không đổi trong quá trình phân tích về chính sách đối ngoại của Mỹ.

Qua đó, có thể thấy tác động của nhân tố đảng phái chính trị đến chính sách đối ngoại của Mỹ được thể hiện trên ba đặc điểm cơ bản: (i) Chính sách đối ngoại của Mỹ là sự phản ánh các ưu tiên đối ngoại của đảng phái chính trị nắm quyền kiểm soát Chính quyền; (ii) Đường hướng đối ngoại của đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa là sự dung hòa các quan điểm đối ngoại then chốt của

hai trường phái trung tả và trường phái thiên tả bên trong nội bộ đảng; (iii) Thuận lợi và khó khăn trong quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ chịu ảnh hưởng bởi sự phân chia ảnh hưởng của hai đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa trong hệ thống hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ. Với ba đặc điểm nêu trên, có thể thấy khung phân tích để xác định nội dung và mức độ ảnh hưởng của nhân tố đảng phái chính trị đến chính sách đối ngoại của Mỹ trong mỗi giai đoạn nhất định, được xây dựng thông qua việc xem xét một số khía cạnh cụ thể:

Thứ nhất, quan điểm đối ngoại của Tổng thống và đội ngũ cố vấn để xác định trường phái tư tưởng đối ngoại đang giữ vai trò chi phối nhóm nắm giữ Chính quyền, từ đó dự báo được đường hướng và các ưu tiên đối ngoại của Chính quyền Mỹ.

Thứ hai, trường phái tư tưởng đối ngoại của ban lãnh đạo đảng và nhóm nghị sỹ cùng đảng tại Quốc hội để xác định nội dung và mức độ thỏa hiệp/đấu tranh giữa trường phái tư tưởng đối ngoại của nhóm nắm giữ Chính quyền với nội bộ đảng, qua đó dự báo được khả năng điều chỉnh chính sách của Chính quyền so với những cam kết đã được đưa ra và thể hiện Cương lĩnh tranh cử của đảng trong trường hợp Quốc hội nằm dưới sự kiểm soát của đảng đối lập.

Thứ ba, đường hướng đối ngoại của đảng đối lập được thể hiện trong Cương lĩnh tranh cử, từ đó xác định được nội dung và mức độ thỏa hiệp/đấu tranh giữa nhóm nắm giữ Chính quyền với đảng đối lập trong trường hợp thuận lợi khi đảng đối lập ở vị thế thiểu số trong Quốc hội cũng như trong trường hợp không thuận khi đảng đối lập chiếm đa số tại Quốc hội.

Trên cơ sở áp dụng khung phân tích trên để dự báo về tác động của đảng phái chính trị đến chính sách đối ngoại của Mỹ giai đoạn hậu Obama, có thể thấy với việc ông Donald Trump (với các đề xuất chính sách chịu ảnh hưởng của trường phái bảo thủ dân tộc chủ nghĩa, có nhiều khác biệt với trường phái

bảo thủ quốc tế chủ nghĩa vốn chiếm vị thế chi phối trong đảng Cộng hòa) trở thành Tổng thống Mỹ, chính sách đối ngoại của Mỹ dưới thời Chính quyền Trump về cơ bản sẽ phản ánh sự dung hòa quan điểm giữa trường phái bảo thủ dân tộc chủ nghĩa và bảo thủ quốc tế chủ nghĩa. Trong đó, nhận được sự đồng thuận từ lưỡng đảng trong nội bộ Mỹ, chính sách tăng cường quan hệ với khu vực Châu Á - Thái Bình Dương sẽ tiếp tục được Chính quyền Trump ưu tiên, song trong quá trình triển khai Chính quyền Trump sẽ có những điều chỉnh cơ bản theo hướng chú trọng hơn tới trụ cột an ninh - quân sự và bảo đảm lợi ích kinh tế - thương mại của Mỹ. Trong quá trình triển khai chính sách với khu vực, vai trò và vị thế của Việt Nam trong tính toán chiến lược của Mỹ sẽ tiếp tục được duy trì. Tuy nhiên, trong mạch triển khai chính sách với khu vực nói chung, nội hàm an ninh - quân sự và kinh tế - thương mại sẽ được Chính quyền Trump nêu mạnh hơn trong các giao thiệp với phía Việt Nam. Vì vậy, bên cạnh việc tiếp tục duy trì quan hệ chính trị - ngoại giao trên tất cả các kênh (ngoại giao Nhà nước, đối ngoại Đảng, đối ngoại Quốc hội, ngoại giao nhân dân), Việt Nam cũng cần xem xét những đề xuất chính sách cụ thể của Mỹ trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng và kinh tế - thương mại nhằm tạo thuận lợi cho sự phát triển của quan hệ Việt - Mỹ và hạn chế mặt tiêu cực trên các vấn đề hai bên còn bất đồng.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ

1. Trần Huyền Trang (2016), "Đảng phái chính trị dưới góc nhìn thuyết lựa chọn duy lý", *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay*, số 09 (222).
2. Trần Huyền Trang (2017), "Những câu chuyện gây tranh cãi về 'lợi ích nước Mỹ'", *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ngày 22/02/2017.
3. Trần Huyền Trang (2017), "Chính sách đối ngoại của chính quyền Đ. Trăm: Chủ nghĩa dân tộc trong chủ nghĩa toàn cầu", *Tạp chí Cộng sản*, số 895 (05-2017).

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

1. Vũ Hồng Anh (1997), *Chế độ bầu cử của một số nước trên thế giới*, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
2. Clark, George (chủ biên) (2005), *Khái quát về lịch sử nước Mỹ*, NXB. Thanh niên, Hà Nội.
3. Lê Văn Cương (2013), "Vài nét về chính sách đối ngoại của Tổng thống Obama nhiệm kỳ II", *Cộng sản*, Số 846.
4. Đỗ Lộc Diệp (chủ biên) (1999), *Hoa Kỳ tiến trình văn hóa chính trị*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Lê Minh Đức và Nguyễn Nghị (1994), *Lịch sử nước Mỹ*, NXB Thông tin, Hà Nội.
6. Nguyễn Văn Dũng (2009), "Vấn đề đa nguyên tôn giáo và tự do tôn giáo trong xã hội Hoa Kỳ", *Châu Mỹ ngày nay*, Số 9, tr. 52-62.
7. Nguyễn Hoàng Giáp (Chủ biên) (2014), *Một số vấn đề chính trị quốc tế trong giai đoạn hiện nay*, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
8. Nguyễn Thị Hạnh (1996), "Vai trò và quá trình bầu cử Tổng thống Mỹ", *Châu Mỹ Ngày nay*, Số 3.
9. Nguyễn Thị Hạnh (1999), "Đôi nét về hệ thống hai đảng chủ yếu ở Hoa Kỳ", *Châu Mỹ ngày nay*, Số 5.
10. Nguyễn Thị Hạnh (2000), "Bầu cử Quốc hội Mỹ", *Châu Mỹ Ngày nay*, Số 4.
11. Nguyễn Thị Hạnh (2001), "Đảng Cộng hòa và Dân chủ: Cơ cấu tổ chức, hoạt động và ảnh hưởng đối với hoạt động của bộ máy nhà nước Mỹ", *Châu Mỹ Ngày nay*, Số 6.
12. Nguyễn Thị Hạnh (2007), "Vai trò của các đảng chính trị ở Mỹ trong bầu cử", *Châu Mỹ ngày nay*, Số 7, tr. 20-26.

13. Nguyễn Thị Hạnh (2012), *Một số vấn đề về Đảng cầm quyền và Đảng đối lập trong đời sống chính trị Hoa Kỳ,* NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
14. Vũ Đăng Hinh (2000), *Hệ thống chính trị Mỹ,* NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
15. Vũ Đăng Hinh (2004), *Nước Mỹ: Vấn đề, sự kiện và tác động,* NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
16. Vũ Lê Thái Hoàng (2012), "Sức mạnh thông minh, thế kỷ Thái Bình Dương và học thuyết đối ngoại Obama", *Nghiên cứu Quốc tế,* Số 88.
17. Nguyễn Anh Hùng (2013), "Tìm hiểu vận động hành lang tại Mỹ", *Châu Mỹ ngày nay,* Số 9(181).
18. Nguyễn Lan Hương (2013), "Vấn đề biến đổi khí hậu trong chiến lược toàn cầu của Hoa Kỳ dưới thời Tổng thống Obama", *Châu Mỹ ngày nay,* Số 12(189).
19. Nguyễn Thái Yên Hương (2005), *Liên bang Mỹ, đặc điểm xã hội - văn hóa,* NXB. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
20. Nguyễn Thái Yên Hương (2011), *Quan hệ Mỹ - Trung: Hợp tác và cạnh tranh luận giải dưới góc độ cân bằng quyền lực,* NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
21. Nguyễn Thái Yên Hương (2013), "Mỹ và việc tạo dựng lòng tin ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương: Tiếp cận từ góc độ văn hóa chính trị Mỹ", *Châu Mỹ ngày nay,* Số 12 (189).
22. Nguyễn Thái Yên Hương (2014), *Tôn giáo và việc vận dụng tôn giáo trong chính sách đối ngoại của Mỹ thời kỳ sau Chiến tranh Lạnh,* NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
23. Nguyễn Thái Yên Hương, Lê Mai Phương (2008), *Hoa Kỳ - Văn hóa và chính sách đối ngoại,* NXB Thế giới, Hà Nội.

24. Nguyễn Thái Yên Hương, Tạ Minh Tuấn (2011), *Các vấn đề nghiên cứu Hoa Kỳ*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
25. Nguyễn Văn Huyên (2007), *Hệ thống chính trị Anh, Pháp, Mỹ - Mô hình tổ chức và hoạt động*, NXB. Lý luận Chính trị.
26. Phạm Thị Thu Huyền (2006), "Vai trò của tài chính trong chiến dịch vận động tranh cử Tổng thống Hoa Kỳ", *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay*, số 8.
27. Jentleson, Bruce W. (2004), *Chính sách đối ngoại Hoa Kỳ: Động cơ của sự lựa chọn thế kỷ 21*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
28. Lương Văn Kế (2010), "Sự hình thành và phát triển của các đảng chính trị phương Tây", *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay*, Số 4, tr. 18-28.
29. Kernell, Samuel và Gary C. Jacobson (2007), *Lô-gích chính trị Mỹ*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
30. Nguyễn Ngọc Lan (2014), "Chính sách nhập cư của Mỹ đầu thế kỷ XXI", *Châu Mỹ ngày nay*, Số 3(192).
31. Lênin, V. I. (1979), *Toàn tập*, tập 6, NXB. Tiến bộ, Mátxcơva.
32. Cù Chí Lợi (2013), "Điều chỉnh chiến lược toàn cầu của Hoa Kỳ dưới thời Tổng thống Obama", *Châu Mỹ ngày nay*, Số 10 (187).
33. Nguyễn Đình Luân (2013), "Quan hệ Mỹ - Trung đầu thế kỷ XXI: Tiếp cận hiện thực hệ thống - cấu trúc", *Nghiên cứu Quốc tế*, Số 94**.**
34. Nguyễn Tuấn Minh (2011), "Hệ thống chính trị Hoa Kỳ và vận động hành lang" trong Nguyễn Thái Yên Hương và Tạ Minh Tuấn (đồng chủ biên) (2011), *Các vấn đề nghiên cứu về Hoa Kỳ*, NXB. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, tr. 305-314, tr. 307.
35. Dương Xuân Ngọc - Lưu Văn An (2003), *Thể chế chính trị thế giới đương đại*, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
36. Hữu Ngọc (1995), *Hồ sơ văn hóa Mỹ*, NXB Thế giới, Hà Nội.
37. Vũ Dương Ninh - Nguyễn Văn Hồng (2002), *Lịch sử thế giới cận đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

38. Lưu Văn Quảng (2009), "Hệ thống bầu cử ở Anh, Mỹ và Pháp - lý thuyết và hiện thực", NXB. Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
39. Lưu Văn Quảng (2014), "Cơ chế thực hiện dân chủ trong các đảng chính trị ở Mỹ", *Châu Mỹ ngày nay,* Số 1(190).
40. Nguyễn Thiết Sơn (2007), "Tìm hiểu vai trò và phương thức lãnh đạo của đảng cầm quyền ở Hoa Kỳ" trong Nguyễn Thái Yên Hương và Tạ Minh Tuấn (đồng chủ biên) (2011), *Các vấn đề nghiên cứu về Hoa Kỳ,* NXB. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, tr. 244-286.
41. Nguyễn Thiết Sơn (2014), "Mỹ - Trung Quốc quan hệ cạnh tranh hay hợp tác", *Châu Mỹ ngày nay,* Số 3 (192).
42. Tạ Ngọc Tấn (2012), *Một số vấn đề về các đảng chính trị trên thế giới*, NXB. Lý luận chính trị, Hà Nội.
43. Tạ Ngọc Tấn (2012), *Thể chế Đảng chính trị*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.
44. Ngô Ngọc Thắng (2005), "Đảng chính trị trong cơ chế hoạt động của bộ máy nhà nước ở một số nước tư bản", *Lý luận Chính trị,* Số 8, tr. 74-78.
45. Hồ Văn Thông (1998), *Hệ thống chính trị ở các nước tư bản phát triển hiện nay*, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
46. Lê Thị Thu (2013), "Chính sách kinh tế của Hoa Kỳ đối với Trung Quốc sau khủng hoảng tài chính toàn cầu", *Châu Mỹ ngày nay,* Số 9 (186).
47. Lê Khương Thùy (2012), *Quan hệ Mỹ - Trung: Thập niên đầu thế kỷ XXI,* NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
48. Lộc Thị Thủy (2014), "Chính sách Đông Bắc Á của Mỹ trong chiến lược hướng đến Châu Á - Thái Bình Dương", *Châu Mỹ ngày nay,* Số 1 (190).
49. Nguyễn Thị Thanh Thủy (2013), "Chính sách của chính quyền Obama đối với Trung Quốc trong lĩnh vực an ninh - quân sự", *Nghiên cứu Quốc tế,* Số 92.

50. Lê Đình Tĩnh - Bùi Quốc Khánh (2013), "Đông Nam Á và chiến lược Tái cân bằng của Mỹ", *Nghiên cứu Quốc tế*, Số 94**.**

51. Lê Đình Tĩnh (2013), "Thử tiếp cận hệ thống đối với chính sách đối ngoại Mỹ dưới chính quyền Obama", *Nghiên cứu Quốc tế*, Số 90**.**

52. Ngô Đức Tính (Chủ biên) (2001), *Một số đảng chính trị trên thế giới*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

53. Hoàng Anh Tuấn (2014), "Tìm hiểu hệ thống bầu cử Mỹ và bầu cử giữa kỳ 2014", *Nghiên cứu quốc tế*, số Tháng 11.

54. Nguyễn Quốc Văn (2011), "Đảng phái chính trị và Quốc hội Hoa Kỳ" trong Nguyễn Thái Yên Hương và Tạ Minh Tuấn (đồng chủ biên) (2011), *Các vấn đề nghiên cứu về Hoa Kỳ*, NXB. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, tr. 287-295.

Tài liệu tiếng Anh

55. Aldrich, John H. (1995), *Why Parties? The Origin and Transformation of Political Parties in America*, The University of Chicago Press, Chicago.

56. Baker, Peter (2009), "Iraq Withdrawal Plan Gains G.O.P. Support", *New York Times Online*, xem tại: http://www.nytimes.com/2009/02/27/washington/27troops.html.

57. Barrett, Tedd & Athena Jones (2015), "Obama's trade agenda moves past key Senate hurdle", *CNN Online*, xem tại: http://edition.cnn.com/2015/06/22/politics/obama-trade-deal-congress-tpp-tpa/.

58. Beccaria, Cesare, *On Crimes and Purnishments*, The Federalist Papers Project, xem tại: http://www.thefederalistpapers.org/wp-content/uploads/2013/01/Cesare-Beccaria-On-Crimes-and-Punishment.pdf

59. Bernart, Peter (2016), "Why America is Moving Left", *Atlantic Magazine Online*, xem tại: https://www.theatlantic.com/magazine/archive/2016/01/why-america-is-moving-left/419112/.

60. Biden, Joseph (2009), "Remarks by Vice President Biden at 45th Munich Conference on Security Policy", *The White House*, xem tại: https://obamawhitehouse.archives.gov/the-press-office/remarks-vice-president-biden-45th-munich-conference-security-policy

61. Boese, Wade (2003), "Republicans, Democrats Square Off an Approaches to Proliferation", *Arms Control Today*, Vol. 33, No. 3.

62. Bond, Jon R. & Kevin B. Smith (2013), *Analyzing American Democracy: Politics and Political Science*, Routledge, New York.

63. Borger, Julian (2001), "Bush kills global warming treaty", *The Guardian Online*, xem tại: https://www.theguardian.com/environment/2001/mar/29/globalwarming.usnews

64. Bouchet, Nicolas (2015), *Democracy Promotion in US Foreign Policy: Bill Clinton and Democratic Enlargement*, Routledge, New York.

65. Box-Steffensmeier, Janet & Steven E. Schier (2009), *The American Elections of 2008*, Roman&Littlefield Publishers, Maryland.

66. Breuning, Marijke (2007), *Foreign Policy Analysis: Comparative introduction*, Palgrave, New York.

67. Brewer, Mark D. & Jeffrey M. Stonecash (2009), *Dynamics of American Political Parties*, Cambridge University Press, New York.

68. Budge, Ian & Michael J. Laver (1986), "Office Seeking and Policy Pursuit in Coalition Theory", *Legislation Studies Quarterly 11*, 4, pp. 485-506.

69. Bumiller, Elizabeth & Larry Lohter (2008), " Foreign Policy: 2 Camps Seek McCain's Ear", *New York Times*, April 10, p. A1.

70. Bureau of Economic Analysis (2011), *U.S. Gross Domestic Product*, xem tại: http://www.bea.gov/national/xls/gdpchg.xls, truy cập ngày: 20/11/2011.

71. Busby, Joshua W. & Jonathan Monten, Jordan Tama, William Inboden (2013), "Congress Is Already Post-Partisan", *Foreign Affairs*, Vol. 79 (Jan. - Feb.), pp. 63-78.

72. Calms, Jackie (2016), "T.P.P. Faces Rough Road in Congress", *New York Times Online*, xem tại: https://www.nytimes.com/2016/09/02/business/international/pacific-trade-pact-faces-rough-road-in-congress.html?_r=0

73. Carney, Jordain (2017), "McCain: Trump's withdrawal from TPP a 'serious mistake'", *The Hill Online*, xem tại: http://thehill.com/blogs/floor-action/senate/315666-mccain-trump-withdrawing-from-tpp-a-serious-mistake

74. Cashman, Greg (1993), *What Causes War? An Introduction to Theories of International Conflict*, Lexington Books, New York.

75. Claude, Barfield (2007), "U.S. Trade Policy: The Emergence of Regional and Bilateral Alternatives to Multilateralism", *Intereconomics*, 42 (5).

76. Clinton, Hillary (2009), "Appointment of Special Envoy on Climate Change Todd Stern", *State Department Archives*, xem tại: https://2009-2017.state.gov/secretary/20092013clinton/rm/2009a/01/115409.htm.

77. Clinton, Hillary (2010), "Leading Through Civilian Power: Redefining American Diplomacy and Development", *Foreign Affairs*, vol. 89, no. 6, November/December 2010, pp. 13 - 24.

78. Clinton, Hillary (2010), "Remarks on Regional Architecture in Asia: Principles and Priorities", *U.S. State Department*, xem tại http://www.state.gov/secretary/rm/2010/01/135090.htm
79. Clinton, Hillary (2011), "America's Pacific Century", *Foreign Policy Online*, xem tại http://www.foreignpolicy.com/articles/2011/10/11/americas_pacific_century?page=full.
80. Clinton, Hillary (2014), *Hard Choices*, Simon&Schuster, New York.
81. CNN (2008), "Democratic Candidates Compassion Forum", April 13, Messiah College, Grantham, Pennsylvania, xem tại: http://edition.cnn.com/TRANSCRIPTS/0804/13/se.01.html.
82. Commission on Presidential debates (2004), *The First Bush-Kerry Presidential Debate*, September 30, Florida, xem tại: http://www.debates.org/index.php?page=september-30-2004-debate-transcript**.**
83. Congress.gov, xem tại: https://www.congress.gov/bill/108th-congress/senate-bill/139
84. Congress.gov, xem tại: https://www.congress.gov/bill/111th-congress/house-bill/2454/actions
85. Corsi, Jerome (2008), *Obama Nation*, Threshold Editions, New York.
86. Corwin, Edward S. (1948), *The President: Office and Powers*, New York University Press, New York.
87. Crowley, Michael (2008), "Man in the Mirror", *New Republic Magazine Online*, xem tại: https://newrepublic.com/article/62218/man-the-mirror.
88. Davis, Norman H. (1924), "American Foreign Policy: a Democratic view", *Foreign Affairs*, September, xem tại: http://www.foreignaffairs.com/articles/68525/norman-h-davis/american-foreign-policy-a-democratic-view

89. Democratic National Convention (2008), *Democratic Platform 2008.*

90. Democratic National Convention (2016), *Democratic Platform 2016.*

91. Downs, Anthony (1957), "An economic theory of political action in a democracy", *The Journal of Political Economy,* Vol. 65, No. 2, pp. 135-150.

92. Downs, Anthony (1957), *An Economic Theory of Democracy,* Harper&Row, New York.

93. Dueck, Colin (2010), *Hard Line: The Republican Party and U.S. Foreign Policy since World War II*, Princeton, New Jersey.

94. Dueck, Colin (2015), *The Obama Doctrine*, Oxford University Press, New York.

95. Dumbrell, John (2005), *Evaluating the Foreign Policy of President Clinton: Between the Bushes,* British Library: Eccles Centre for Amerian Studies, London.

96. Dumbrell, John (2009), *Clinton's Foreign Policy: Between the Bushes, 1992 - 2000,* Routledge, New York.

97. Duverger, Maurice (1954), *Political Parties: Their Organization and Activity in the Modern State*, Methuen, London.

98. Eilperin, Juliet (2009), "EPA, Senate Move to Cut Greenhouse Gases", *Washington Post Online*, xem tại: http://www.washingtonpost.com/wp-dyn/content/article/2009/09/30/AR2009093002854.html?hpid=moreheadlines

99. Epstein, David Leon (1967), *Political Parties in Western Democracies,* Praeger, New York.

100. Estrich, Susan (2005), *The case for Hillary Clinton,* HarperCollins, New York.

101. Fearon, James D. (1998), "Domestic politics, foreign policy, and theories of international relations", *Political Science*, Vol. 1, pp. 289-313.

102. Gallup (2015), "Democrats in the U.S. Shift to the Left", June 18, xem tại: http://www.gallup.com/poll/183686/democrats-shift-left.aspx.

103. Goldberg, Jeffrey (2016), "The Obama Doctrine", *The Atlantic Online*, xem tại: https://www.theatlantic.com/magazine/archive/2016/04/the-obama-doctrine/471525/.

104. Gries, Peter Hays (2014), *The Politics of American Foreign Policy: How Ideology Divides Liberals and Conservatives over Foreign Affairs*, Standford University Press, California.

105. Gunther, Richard & Jose Ramon Motero, Juan J. Linz (2002), *Political Parties: Old Concepts and New Challenges*, Oxford University Press, New York.

106. Haass, Richard N. (2014), *Foreign Policy Begins at Home: The Case for Putting America's House in Order*, Basic Books, Philadelphia.

107. Hartz, Louis (1955), *The Liberal Tradition in America: An Interpretation of American Political Thought Since the Revolution*, Harcourt Brace and Co., New York.

108. Henriksen, Thomas H. (2001), "From the Berlin Wall's Collapse to the New Century" in Thomas H. Henriksen (edt) (2001), *Foreign policy for America in the twenty-first century: alternative perspectives*, The Leland Standford Junior University, California.

109. Hermann, Charles & Janice Gross Stein, Bengt Sundelius, Stephen Walker (2001), "Resolve, Accept, or Avoid: Effects of Group Conflict on Foreign Policy Decisions", *International Studies Review* 3(2), pp. 133-169.

110. Herrmann, Margaret (2001), "How Decision Units Shape Foreign Policy: A Theoretical Framework", *International Studies Review* 3(2).

111. Hill, Christopher (2003), *The changing politics of foreign policy*, Palgrave, Basingstoke.
112. Horowitz, Jason (2010), "Politics and Policy, Tom Donilon's rise to national security advisor", *The Washington Post Online*, xem tại: https://www.washingtonpost.com/style/politics-and-policy-tom-donilons-rise-to-national-security-adviser/2010/12/07/ABVBIjD_story_3.html.
113. Hudson, Valerie M. (2008), "The history and evolution of foreign policy analysis" in Steve Smith, Amelia Hadfield và Tim Dunne (2012), *Foreign Policy: Theories, Actors, Cases*, Oxford University Press, New York, pp. 13-34.
114. Hudson, Valerie M. (2014), *Foreign Policy Analysis: Classic and Conterporary Theory*, Rowman&Littlefield, Maryland.
115. Huntington, Samuel P. (1991), *The Third Wave: Democratization in the late twentieth century*, University of Oklahoma Press.
116. Ikenberry, G. John & Peter L. Trubowitz (2015), *American Foreign Policy: Theoretical Essays*, Oxford University Press, New York.
117. Inhofe, James (2012), "Obama can't wish away Syria crisis", *USA Today Online*, xem tại: http://www.usatoday.com/story/opinion/2013/05/09/syria-chemical-weapons-obama-inhofe-column/2144159/.
118. InsideGoverment (2017), *2008 United State Budget*, xem tại: http://federal-budget.insidegov.com/l/111/2008.
119. Ishiyama, John T. & Marijike Breuning eds (2011), *21st Century Political Science: A Refernce Handbook*, SAGE Publications, California.
120. Jackson, David (2008), "McCain Says he Won't Run from Bush in Campaign", *USA Today*, June 6.

121. Jervis, Robert (1976), *Perception and Misperception in International Politics*, Princeton University Press, New Jersey.
122. Jindal, Bobby (2010), *Leadership and Crisis,* Regnery Publishing, Washington D.C.
123. Jost, John T. & C. M. Federico, J. L. Napier (2009), "Political Ideology: Its Structure, Functions, and Elective Affinities", *Annual Review of Psychology,* Vol 60, pp. 307-333.
124. Katz, Richard S. & Peter Mair (1995), "Changing Models of Party Organization and Party Democracy: The Emergence of the Cartel Party", *Party Politics*, Vol. III, pp. 5-28.
125. Kaufman, Joyce P. (2010), *A Concise History of U.S. Foreign Policy,* Rowman&Littlefield Publishers, New York.
126. Kazin, Matthew (2016), "Obama: I Have the Better TPP Argument and the Evidence to Support It", *Fox Bussiness Online,* xem tại: http://www.foxbusiness.com/politics/2016/08/02/obama-have-better-tpp-argument-and-evidence-to-support-it.html.
127. Kegley, Charles W. & Shannon L. Blanton (2014), *World Politics: Trend and Transformation, 2013-2014 Update Edition,* Wadsworth, Boston.
128. Kerry, John (1998), *The new war: The Web of Crime That Threatens America's Security*, Touchstone Books, New York.
129. Kerry, John (2003), *A Call to Service: My Vision for a Better America*, Viking Press, New York.
130. Kerry, John (2015), "Remarks at the SelectUSA Investment Summit", *Department of State,* xem tại: http://www.state.gov/secretary/remarks/2015/03/239749.htm.
131. Kerry, John & John Edwards (2004), *Our Plan for America: Stronger at home, respected in the world,* PulicAffairs, New York.

132. Kerry, John & Teresa (2007), *This moment on Earth*, PulicAffairs, New York.
133. Kesgin, Baris (2011), "Foreign Policy Analysis" in John T. Ishiyama and Marijke Breuning (2011), *21st Century Political Science: A Reference Handbook*, SAGE Publications, California, pp. 336-343.
134. Key, Valdimer Orlando (1964), *Politics, Parties, & Pressure Groups*, NXB. Thomas Y. Crowell Company, New York.
135. Killian, Johnny (2004), *The Constitution of the United States of America: Analysis and Interpretation*, Congressional Research Service, Washington.
136. King, Anthony (1969), "Political Parties in Western Democracies: Some Sceptical Reflections", *Polity 2*, pp. 111-141.
137. Kirchheimer, Otto (1966), "The Transformation of the Western European Party System" trong Joseph LaPalombara & Myron Weiner (1966), *Political Parties and Political Development*, Princeton University Press, New Jersey.
138. Kissinger, Henry & Cyrus Vance (1988), "Bipartisan Objectives for American Foreign Policy", *Foreign Affairs*, Vol. 66 (Summer), pp. 899-921.
139. Kuypers, Jim A. (1997), *Presidential Crisis Rhetoric and the Press in the Post-Cold War*, Greenwood Publishing Group, Connecticut.
140. Lancaster, Carol (2000), *Transforming Foreign Aid: United States Assistance in the 21st Century*, Institute for International Economics, Washington D.C.
141. Landler, Mark (2012), "Obama Threatens Force against Syria", *The New York Times Online*, xem tại: http://www.nytimes.com/2012/08/21/world/middleeast/obama-threatens-force-against-syria.html.

142. Landler, Mark (2013), "Obama's Choices Reflect Change in Foreign Tone", *The New York Times Online*, xem tại: http://www.nytimes.com/2013/06/06/us/politics/obama-appoints-rice-power-to-key-security-posts.html?rref=collection%2Ftimestopic%2FDonilon%2C%20Thomas%20E.
143. LaPalombara, Joseph & Myron Weiner (1966), "The origin and development of political parties" trong Joseph LaPalombara and Weiner (chủ biên), *Political Parties and Development*, Princeton University Press, New Jersey
144. Lawson, Kay (1980), *Political Parties and Linkage: A Comparative Perspective*, Yale University Press, London.
145. Levy, Gabrielle (2016), "Mitch McConnell: I didn't see Trump's win coming", *USNews Onlilne*, xem tại: https://www.usnews.com/news/politics/articles/2016-12-20/mitch-mcconnell-was-shocked-by-donald-trumps-election-win.
146. Lizza, Ryan (2012), "Obama: The Consequentialist" in James M. McCormick (2012), *The Domestic Sources of American Policy*, Roman&Littlefield Publishers, New York, pp. 429 - 448.
147. Macionis, Gerber (2010), *Sociology 7th Canadian Edited*, Pearson Canada Inc, Toronto.
148. Maisel, Sandy (2007), *American Political Parties and Elections: A Very Short Introduction*, Oxford University Press, New York.
149. Mastanduno, Michael (1994), "The United States Political System and International Leadership: A 'Decidedly Inferior' Form of Government?" tin G. John Ikenberry & Peter L. Trubowitz, *American Foreign Policy: Theoretical Essays*, Oxford University Press, New York, pp. 227-242.

150. McCain, John (2008), "McCain's Speech on Nuclear Security", *Council on Foreign Relations*, xem tại: http://www.cfr.org/elections/mccains-speech-nuclear-security/p16349.
151. McCormick, James M. (2013), *Cengage Advantage: American Foreign Policy and Process*, Wadsworth, Boston.
152. McCormick, James M. (2015), *American Foreign Policy and Process*, Wadsworth, Boston.
153. Mead, Walter Russell (2002), *American Foreign Policy and How It Changed the World: Special Providence*, Routledge, New York.
154. Mead, Walter Russell (2010), "The Carter Syndrome", *Foreign Policy*, No. 177 (Jan/Feb), pp. 58-64.
155. Mead, Walter Russell (2015), "The Tea Party, Populism, and the Domestic Culture of U.S. Foreign Policy" in James M. McCormick (2015), *American Foreign Policy and Process*, Wadsworth, Boston, pp. 55 - 66.
156. Mintz, Alex & Carl Derouen (2010), *Understanding Foreign Policy Decision Making*, Cambridge University Press, New York.
157. Monten, Jonathan (2005), "The Roots of the Bush's Doctrine: Power, Nationalism and Democracy Promotion in U.S. Strategy", *International Security*, Vol. 29, No. 4, pp. 112-129.
158. Montopoli, Brian (2008), "National Journal: Obama Most Liberal Senator in 2007", *CBS News Online*, xem tại: http://www.cbsnews.com/news/national-journal-obama-most-liberal-senator-in-2007/
159. Moore,Will H. & David J. Lanoue (2003), "Domestic Politics and US Foreign Policy: A Study of Cold War Conflict Behavior", *Journal of politics*, Vol. 65 (May), pp. 376-396.

160. Murray, Robert W. (2012), "The role of National Leaders in Foreign Policy", *E-International Relations*, xem tại: http://www.e-ir.info/2012/11/07/the-role-of-national-leaders-in-foreign-policy/

161. National Association for the Advancement of Coloured People (2012), *NAACP analysis of the 2012 Party Platforms of the National Democratic & the National Republican Parties*, xem tại: http://www.naacp.org/wp-content/uploads/2016/04/2012%20Platform%20Comparison.pdf

162. Neilan, Terence (2001), "Bush Pulls Out of ABM Treaty, Putin Calls Move a Mistake", *New York Times Online*, xem tại: http://www.nytimes.com/2001/12/13/international/bush-pulls-out-of-abm-treaty-putin-calls-move-a-mistake.html

163. Obama, Barack (2002), "Obama's Speech Against Iraq War", *National Public Radio*, xem tại: http://www.npr.org/templates/story/story.php?storyId=99591469.

164. Obama, Barack (2007), "Remarks of Senator Barack Obama to the Chicago Council on Global Affairs", *Council on Foreign Relations*, xem tại: http://www.cfr.org/elections/remarks-senator-barack-obama-chicago-council-global-affairs/p13172.

165. Obama, Barack (2009), "Obama's Speech at Camp Lejeune, N.C.", The New York Times Online, xem tại: http://www.nytimes.com/2009/02/27/us/politics/27obama-text.html.

166. Obama, Barack (2009), "Remark by President Barack Obama in Prague", *White House Archives*, xem tại: https://obamawhitehouse.archives.gov/the-press-office/remarks-president-barack-obama-prague-delivered.

167. Obama, Barack (2010), "President Obama provides progress report on National Export Initiative, announces members of the President's Export Council", White House, xem tại: https://www.whitehouse.gov/the-press-office/president-obama-provides-progress-report-national-export-initiative-announces-membe.

168. Obama, Barack (2013), "Remarks by President Obama in Address to the United Nations General Assembly", *White House Archives*, xem tại: https://obamawhitehouse.archives.gov/the-press-office/2013/09/24/remarks-president-obama-address-united-nations-general-assembly.

169. Obama, Barack (2013), "Remarks by the President on Climate Change", *White House Archives*, xem tại: https://obamawhitehouse.archives.gov/the-press-office/2013/06/25/remarks-president-climate-change.

170. Olsen, Henry & Dante J. Scala (2016), *The Four Faces of the Republican Party*, Palgrave Macmillan, New York.

171. Panetta, Leon (2014), *Worthy Flights: A Memoir of Leadership in War and Peace*, Penguin Press, New York.

172. Peake, Jeffrey S. (2002), "Coalition building and overcoming legislative gridlock in foreign policy, 1947-98", *Presidential Studies Quarterly 32*, 1, pp. 67-83.

173. Perez, Samuel (2013), "Inside the Relationship Between DoD and State", *U.S. On Patrol Magazine Online*, xem tại: http://usoonpatrol.org/archives/2013/10/24/inside-the-relationship-betwee.

174. Pew Research Center (2008), *In GOP Primaries: Three Victors, Three Constituencies*, xem tại: http://www.people-press.org/2008/01/16/in-gop-primaries-three-victors-three-constituencies/

175. Pew Research Center (2011), "In Shift from Bush Era, More Conservatives Say 'Come home, America'", June 16, xem tại: http://www.people-press.org/2011/06/16/in-shift-from-bush-era-more-conservatives-say-come-home-america/.
176. Pinker, Steven (2002), *The Blank Slate: The Modern Denial of Human Nature*, Penguin, New York.
177. Putnam, Robert (1999), "Diplomacy and Domestic Politics: The Logic of Two-Level Games" in Charles Lipson & Benjamin J. Cohen (eds), *Theory and Structure in International Political Economy*, MIT Press, Massachussetts.
178. Republican National Convention (2008), *Republican Platform 2008*.
179. Republican National Convention (2012), *Republican Platform 2012*.
180. Republican National Convention (2016), *Republican Platform 2016*.
181. Rice, Susan (2015), "Remarks by National Security Advisor Susan E. Rice on Climate Change and National Security at Stanford University - As Prepared for Delivery", *The White House*, xem tại: https://obamawhitehouse.archives.gov/the-press-office/2015/10/12/remarks-national-security-advisor-susan-e-rice-climate-change-and.
182. Ripley, Randall B. & James M. Lindsay (1997), *U.S. Foreign Policy After the Cold War*, University of Pittsburgh Press, Pittsburgh.
183. Rosati, Jerel (2004), "The Frustrating Study of Foreign Policy Analysis", *International Studies Review*, Vol. 6, pp. 109-111.
184. Rose, Gideon (1998), "Neoclassical Realism and Theories of Foreign Policy", *World Politics*, Vol. 51, No. 1 (Oct.), pp. 144-172.
185. Rose, Richard (1980), *Do Parties Make a Difference?*, Chatham Publishing House, New Jersey.

186. Rosenau, James (1966), *Pre-Theories and Theories of Foreign Policy*, Northwestern University Press, Chicago.
187. Roskin, Michael G., "Political science: Theory of rational choice", Encyclopedia Britannica, xem tại: http://www.britannica.com/topic/political-science#ref848651
188. Rossiter, Clinton (1962), *The American Presidency*, Mentor Books, New York.
189. Rourke, John (2007), *International Politics on the World Stage*, McGraw – Hill Education, New York.
190. Russel, Daniel (2013), "Overview of the US in the East Asia and Pacific Region", *U.S. State Department*.
191. Ryan, Maria (2010), *Neoconservatism and the New American Century*, Palgrave Macmillan, New York.
192. Ryan, Paul (2009), *Misplaced Priorities*, xem tại: http://paulryan.house.gov/news/documentsingle.aspx?DocumentID=193671
193. Samuelsohn, Darren (2009), "Boxer, Kerry Launch Campaign to Pass Senate Cap-And-Trade Bill", *New York Times Online*, xem tại: http://www.nytimes.com/gwire/2009/09/30/30greenwire-boxer-kerry-launch-campaign-to-pass-senate-cap-29235.html?pagewanted=all.
194. Sanger, David E. & Maggie Haberman (2016), "50 From G.O.P. Declare Trump a Security Risk", *New York Times*, August 9, p. A1.
195. Scheer, Robert (2007), "Hillary the Hawk" in Richard Kreitner (edt) (2016), *Who is Hillary Clinton?: Two Decades of Answers from the Left*, The National Company, New York, pp. 155-158.
196. Scheffer, David J. (2002), "A treaty Bush shouldn't 'Unsign'", *New York Times Online*, xem tại: http://www.nytimes.com/2002/04/06/opinion/a-treaty-bush-shouldn-t-unsign.html

197. Schiff, Adam & Jeff Fortenberry (2008), "Schiff, Fortenberry Launch Congressional Nuclear Security Caucus", *Congressman Adam Schiff Online*, xem tại: http://schiff.house.gov/news/press-releases/schiff-fortenberry-launch-congressional-nuclear-security-caucus.

198. Schonfeld, William R. (1983), "Political Parties: The Functional Approach and the Structural Alternative", *Compartive Politics*, Vol. 15, No. 4, pp. 477-499.

199. Scrotty, William J. (2009), *Winning the Presidency 2008*, Taylor & Francis, New York.

200. Shear, Michael D. (2010), "Obama, Medvedev sign treaty to reduce nuclear weapons", *Washington Post Online*, April 8, xem tại: http://www.washingtonpost.com/wp-dyn/content/article/2010/04/08/AR2010040801677.html

201. Singer, David (1961), "The Level-of-Analysis Problem in International Relations", trong Klaus Knorr, Sidney Verba (edt.) (1961), *The International System: Theoretical Essays*, Princeton University Press, New Jersey.

202. Smith, Tony (1994), America's Mission: The United States and the Worldwide Struggle for Democracy in the Twentieth Century, Princeton University Press, New Jersey.

203. Snyder, Richard (1954), *Decision making as an Approach to the Study of International Politics*, Princeton University Press, New Jersey.

204. Starr, Barbara (2009), "Obama approves Afghanistan troop increase", *CNN Online*, February 18, xem tại: http://edition.cnn.com/2009/POLITICS/02/17/obama.troops/index.html?eref

205. Stonecash, Jeffrey M. (2010), *New Directions on American Political Parties*, Routledge, New York.

206. Strøm, Kaare (1990), "A Behavioral Theory of Competitive Political Parties", *American Journal of Political Science*, Vol. 34, tr. 565-598.
207. Strøm, Kaare & Wolfgang Müller (1999), *Policy, Office, or Votes*, Cambridge University Press.
208. The American Presidency Project, *1988 Republican Party Platform*, xem tại: http://www.presidency.ucsb.edu/ws/index.php?pid=25846
209. The International Economic Forum of the Americas (2013), *Beyond the Doha Round: The next generation of Free Trade Agreements*, xem tại: http://forum-americas.org/toronto/2013/beyond-the-doha-round-the-next-generation-of-free-trade-agreements
210. The White House (1995), *National Security Strategy*.
211. The White House (2002), *National Security Strategy*.
212. The White House (2010), *National Security Strategy*.
213. The White House (2011), *2011 Economic Report of the President*.
214. The White House (2015), *National Security Strategy*.
215. The White House, *The Cabinet*, xem tại: https://www.whitehouse.gov/administration/cabinet
216. Traub, James (2015), *"The Hillary Clinton Doctrine", Foreign Policy Online, xem tại:* http://foreignpolicy.com/2015/11/06/hillary-clinton-doctrine-obama-interventionist-tough-minded-president/.
217. Trautman, Karl G. (2010), *The Underdog in American Politics: The Democratic Party and Liberal Values*, Palgrave Macmillan, New York.
218. Trubowitz, Peter (2011), *Politics and Strategy: Partisan Ambition and American Statecraft: Partisan Ambition and American Statecraft*, Princeton, New Jersey.
219. Trubowitz, Peter & Nicole Mellow (2011), "Foreign policy, bipartisanship and the paradox of post-September 11 America", *International Politics*, Vol. 48, pp. 164-187.

220. U.S. Bureau of Economic Analysis (2011), *U.S. Gross Domestic Product*, xem tại: http://www.bea.gov/national/xls/gdpchg.xls.

221. U.S. Bureau of Labor Statistics (2012), *The Recession of 2007 - 2009*, xem tại: https://www.bls.gov/spotlight/2012/recession/pdf/recession_bls_spotlight.pdf.

222. U.S. Census Bureau (2017), *U.S. Trade in Goods and Services - Balance of Payments (BOP) Basis*, xem tại: https://www.census.gov/foreign-trade/statistics/historical/gands.pdf.

223. U.S. Defense Department (2010), *Quadrennial Defense Review Report.*

224. U.S. Defense Department (2012), *Sustaining U.S. Global Leadership: Priorities for 21st Century Defense*.

225. United Nations (2016), "The Paris Agreement", *United Nations Framwork Convention on Climate Change*, xem tại: http://unfccc.int/paris_agreement/items/9485.php.

226. University of Colorado Boulder, *Basic Principles of Rational Choice Theory*, xem tại: http://www.colorado.edu/Sociology/Mayer/Contemporary%20Theory/Rational%20Choice_files/frame.htm

227. Waddan, Alex (2002), *Clinton's Legacy: A New Democrat in Governance*, Palgrave, New York.

228. Wagner, Heather Lehr (2007), *The History of the Democratic Party*, Chelsea House, New York.

229. Walsh, Bryan (2009), "In Copenhagen, a Last-Minute Deal that Satisfies Few", *Time Online*, xem tại: http://content.time.com/time/specials/packages/article/0,28804,1929071_1929070_1948974,00.html.

230. Waltz, Kenneth N. (1959), *Man, the State, and War*, Columbia University Press, New York.

231. Waltz, Kenneth N. (1995), "The Emerging Structure of International Politics", in Michael E. Brown (eds), The Perils of Anarchy: Contemporary Realism and International Security, MIT Press, Cambidge, pp. 72-73.

232. Waltz, Kenneth N. (1996), "International Politics is not Foreign Policy", *Security Studies*, Vol. 6 (Aut.), pp. 54-55.

233. Wehner, Peter (2015), "Have Democrats Pulled Too Far Left?", *The New York Times*, May 27.

234. Wilson, Scott (2010), "James Jones to step down as national security advisor", *The Washington Post Online*, xem tại: http://www.washingtonpost.com/wp-dyn/content/article/2010/10/08/AR2010100802953.html.

235. Wright, John Paul (2009), "Rational Choice Theories", *Oxford Biographies*, Oxford University Press, xem tại: http://www.oxfordbibliographies.com/view/document/obo-9780195396607/obo-9780195396607-0007.xml

236. Young, Ken (2013), "Revisiting NSC 68", *Journal of Cold War Studies*, Vol. 15, No. 1, pp. 3-33.

237. Zoellick, Robert B. (2000), "A Republican Foreign Policy", *Foreign Affairs*, Vol. 79 (Jan. - Feb.), pp. 63-78.

DANH MỤC CÁC PHỤ LỤC

Phụ lục 1 - Tỷ lệ giữ lời hứa của các Tổng thống Mỹ trong lịch sử

Phụ lục 2 - Danh sách Cố vấn An ninh Quốc gia và Ngoại trưởng trong các Chính quyền Tổng thống Dân chủ và Cộng hòa

Phụ lục 1 - Tỷ lệ giữ lời hứa của các Tổng thống Mỹ trong lịch sử

Năm tiến hành nghiên cứu	Giai đoạn được nghiên cứu	Tỷ lệ (%)
1969	1932-64	80
1980	1944-78	69
1987	1945-79	64
1997	1977-92	60
2004	1997-99	73
Trung bình		**67**

Nguồn: François Pétry, Benoît Collette (2009), "Measuring How Political Parties Keep Their Pomises: A Positive Perspective from Political Science" trong Randall G. Holcombe (2009), *Study in Public Choice,* Springer Publishers, Berlin, tr. 65 - 80.

Phụ lục 2 - Danh sách Cố vấn An ninh Quốc gia và Ngoại trưởng trong các Chính quyền Tổng thống Dân chủ và Cộng hòa[19]

Tổng thống	Cố vấn An ninh Quốc gia	Ngoại trưởng
Dwight D. Eisenhower (CH)	Robert Culter (CH); Dillon Anderson (CH); William H. Jackson (CH); Robert Culter (CH); Gordon Gray (CH)	John Foster Dulles (CH); Christian Herter (CH)
John F. Kennedy và Lyndon B. Johnson (DC)	McGeorge Bundy (DC); Walt W. Rostow (DC)	Dean Rusk (DC)
Richard Nixon và Gerald Ford (CH)	Henry Kissinger (CH); Brent Scowcroft (CH)	William P. Rogers (CH); Henry Kissinger (CH)
Jimmy Carter (DC)	Zbigniev Brzezinski(DC)	Cyrus Vance (DC)
Ronald Reagan (CH)	Richard V. Allen (CH); William P. Clark (CH); Robert McFalane (CH); John Poidexter (CH); Frank Carlucci (CH); Colin Powell (CH)	Alexander Haig (CH); George P. Shultz (CH
George H. W. Bush (CH)	Brent Scowcorft (CH)	James Baker (CH); Lawrence Eagleburger (CH)
Bill Clinton (DC)	Anthony Lake (DC); Sandy Berger (DC)	Warren Christopher (DC); Madeleine Albright (DC)
George W. Bush (CH)	Condoleezza Rice (CH); Stephen Hadley (CH)	Colin Powell (CH); Condoleezza Rice (CH)
Barack Obama (DC)	Tom Donillon (DC); Susan Rice (DC)	Hillary Clinton (DC); John Kerry (DC)
Donald Trump (CH)	Michael Flynn (CH)	Rex Tillerson (CH)

Nguồn: Tổng hợp từ trang web http://www.whitehouse.gov

[19] Ghi chú: CH: Cộng hòa; DC: Dân chủ.